

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

S6/N27 01/2007

Chúc mừng năm mới/Bonne année 2007



*Nói ra hợp vô sanh
Đồng với tánh pháp giới
Nếu hiểu được như vậy
Thông đạt hết sự lý!*

Tây thiên Tổ thứ 20 Xà Đa Đa tôn giả.

*Parler selon la non naissance
Est conforme au Dharma
Quiconque comprend cela
Pénètre la vérité de toutes choses!*

Vingtième Patriarche de l'Inde Jayata.

Phật pháp/Bouddhadharma 27

- Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ ba tháng / Edition Trimestrielle.
- Chủ Nhiệm : Vén. Thích Minh Định.
- Đánh máy : Ngô Trí Tuệ, Trần Xuân Tiến, Nguyễn Văn Tuyển ...
- Le correcteur des textes en français : Lý Thị Minh Nguyệt.
- Ban phát hành: Thích Nữ Đàm Như, Anh chị Phạm Tấn Lộc, cô Vi, cô Hồng, Anh chị Lethong Savanh Hảo, cô Li, cô Liên, cô Diệu Hải, cô Đồng Thu, chú Giác Lâm, cô Giác Xuân, Anh chị Thanh Bạch và Bạch Lê ...
- Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang/Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.
- Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.
- La revue Bouddhadharma publie principalement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la voie du Bouddha.
- Hoan nghênh tất cả bài viết về Phật pháp, giáo dục..., của tất cả quý vị, và sự phát tâm đóng góp phiên dịch, đánh máy tiếng Việt/Pháp xin liên lạc về chùa.
- Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.
- Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :

Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny - France
Tel./fax : 01.48.50.98.66
ou tel. : 06.25.05.03.89.
e-mail: kimquangtu@hotmail.com
www: chuakimquang.com

Trong số này/Sommaire

Kinh hoa niêm giảng giải	4
Kinh pháp hoa giảng giải	6
Chú lãnq niêm giảng giải	8
Kinh bát nhã	10
Đại trí độ luận	12
Pháp ngữ thiền sư hui vân	14
Hăm sơn đại sư từ tuyên	15
Tham thiền minh bạch bản lai diện mục	17
Ba đê	19
Niêm phật	20
Quán thế âm bồ tát là huy nh đê ...	22
Tam bộ nhất bái	25
Le sutra du dharmya du lotus	27
Le sutra shurangama	29
Le mantra shurangama	31
Le mantra grand compassion	33
Le sutra du vajra prajna paramita	35
Le bouddha parle le sutra d'amitayha	37
Le sutra quarante deux chapitres	39
Le sutra du sixième fondateur	40
Meditation : une pratique pour ...	42
Bohisatwa avalokitesvara : notre frère	45
La récitation du nom du bouddha	46
Une prostration tous les trois pas	49
L'histoire du bouddha	51





Năm mới丁亥 sắp đến, thành tâm kính chúc chư tôn hoà
thượng, chư thượng toạ, đại đức tăng ni, một năm mới:

Pháp thể an lạc,
Phước trí nhi nhiệm,
Phật sự hank thông
Công viên quả mãn!

Đồng thời kính chúc toàn thể quý vị thiện nam tín nữ Phật tử xa
gần, một năm mới:

Thân tâm an lạc
Phước lộc sung mãn
Gia đình hạnh phúc
Toại tâm như ý!

Kinh hoa nhiệm đại phương quang Phật

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch: Thật Xoa Nan Đà

Việt dịch: Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

**ối Thắng Kiến Thiên Vương
được môn giải thoát, khắp thị
hiện như hình bóng, tùy sự ưa thích
của tất cả chúng chử Thiên.**

Vị Tối Thắng Thiên Vương này kiến giải nhạy bén phi thường, chính xác phi thường. Vị này đặc được môn giải thoát, phổ biến thị hiện tùy sự ưa thích của tất cả Thiên chúng như hình như bóng.

Có hình thì có bóng, có bóng mới có hình, hình là ánh sáng, bóng là đen tối. Hình tức là mặt trăng, mặt trăng trong nước tức là bóng. Mặt trăng chẳng đến, nước cũng chẳng đi, đó đây hổ tương chiếu soi, mà sinh ra ảnh này.

Lại giống như gương sáng, nếu có vật rơi vào thì hình xuất hiện, vì quan hệ có quang thì mới hiện ra ảnh. Cho nên quang ảnh này thị hiện khắp. Giống như đạo lý một ngàn vũng nước, đều có ngàn mặt trăng trong nước. Bản thể của mặt trăng chẳng đến trong nước, mặt trăng chỉ có một, chỉ cần ngàn vũng nước thì hiện ra ngàn mặt trăng trong nước. Vạn vũng nước thì có vạn mặt trăng trong vũng nước. Bất cứ vũng nước lớn hoặc nhỏ, chỉ cần chỗ nào có nước, thì đều hiện ra ảnh mặt trăng. Mặt trăng chẳng có tâm phân biệt, mà là bình đẳng.

Phật và chúng sinh cũng như thế. Phật tương tự như mặt trăng, tâm chúng sinh giống như nước. Tâm nước của chúng sinh thanh tịnh, thì hiện Phật quang; tâm nước của chúng sinh không thanh tịnh, thì không hiện Phật quang. Trong bốn Kinh này nói:

“Bồ Tát thanh lương nguyệt,
Thường du tất kính không,
Chúng sinh tâm cấu tịnh,
Bồ đề ảnh hiện trung.”

Nghĩa là:

Bồ Tát như trăng sáng mát mẻ
Thường lơ lửng trên bầu trời
Tâm chúng sinh thanh tịnh
nh Bồ đề hiện ra.

Quang minh của Phật giống như mặt trăng mát mẻ, ở trong không trung, hiện ra ở trong tất kính không, nếu tâm nước chúng sinh thanh tịnh, thì bồ đề giác đạo tùy thời hiện bóng ở trong tâm.

**Tịch Tĩnh Đức Thiên Vương được
môn giải thoát, đại phương tiện
nghiêm tịnh khắp tất cả cảnh giới
của Phật.**

Vị Tịch Tĩnh Đức Thiên Vương này có đức tịch tĩnh. Đức tịch tĩnh là gì? Tức là có công phu thiền định. Vị này không những có công phu thiền định, mà còn khiến cho chúng sinh cũng có công phu thiền định. Phạm là chúng sinh thấy được vị này, đều sinh ra thú định tâm này. Vị này cũng khiến cho chúng sinh tinh tấn tu thiền định. Lâu dần tích tụ được vô lượng vô biên công đức, có đức tịch tĩnh, cho nên xưng là Tịch Tĩnh Đức Thiên Vương.

Môn giải thoát của vị này đặc được, gọi là đại phương tiện nghiêm tịnh khắp tất cả cảnh giới của Phật. Vị Thiên Vương này trong khoảng một niệm, có thể trang nghiêm khắp cõi Phật trong mười phương. Đồng thời, đó đều là trang nghiêm tốt đẹp thù thắng và thanh tịnh hết thảy tất cả cảnh giới của Phật, lại có thể trang nghiêm thân thông tất cả cõi Phật trong mười phương, và vị này lại có thể hiển hiện cảnh giới này làm đại phương tiện.

Đại phương tiện là gì? Tức là phương tiện trong sự bất phương tiện. Bản lai pháp phương tiện này không thể dùng, nhưng vị này dùng được phương

tiện này, không những dùng được mà còn không chướng ngại.

Tu Di Âm Thiên Vương được môn giải thoát, tùy các chúng sinh vĩnh viễn lưu chuyển trong biển sinh tử.

Vị Tu Di Âm Thiên Vương này. Tu Di dịch là diệu cao, âm thanh của vị này rất vi diệu, ở cõi trời Đao Lợi đều nghe được. Môn giải thoát của vị này đặc biệt được là tùy thuận chúng sinh. Chúng sinh thích gì, thì đều làm cho họ thỏa mãn nguyện vọng, làm cho họ được toại nguyện. Nhưng sự mong muốn của chúng sinh chẳng giống nhau.

Nguyện vọng của A La Hán là tự độ mà không độ người, do đó:

“Ma Ha Tát bất quản tha,
Đi Đà Phật các cố các.”

Chỉ lo cho mình liễu sinh thoát tử, không muốn đi cứu vớt sự khổ của chúng sinh. Bạn khổ là việc của bạn, chẳng liên can gì đến tôi, tự liễu hán không muốn đi độ chúng sinh.

Dục vọng của chư thiên là cứ lo hưởng thụ phước báu, nghĩ đến y phục thì có y phục, nghĩ thức ăn thì có thức ăn. Nghĩ mặc y phục đẹp thì có y phục đẹp, không lớn không nhỏ, vừa vặn thích hợp. Y phục của trời không những nhẹ nhàng, mà còn không có đường khâu, không bao giờ cần giặt, không dính bụi bặm, sạch sẽ vô cùng. Muốn ăn đồ ngon thì có ngay, có khi nhiều một chút, có khi ít một chút, không giống như thế giới Cực Lạc không nhiều không ít, ăn vừa đủ no.

Chư Thiên tuy nhiên sung sướng nhưng cũng có đau khổ. Đau khổ gì? Đau khổ về sinh tử, khi phước trời hưởng hết rồi, thì có năm tướng suy hiện ra. Năm tướng suy là gì?

1. Hoa trên đầu héo: Người trời có mũ bằng hoa, dùng hoa tươi làm thành, hoa này không những không héo, ngược lại ngày càng xanh tươi tốt đẹp. Nhưng đến khi sắp hết tuổi thọ thì hoa trên đầu khô héo.

2. Y phục dơ bẩn: Y của người trời mặc rất sạch sẽ không dơ bẩn, vĩnh viễn không cần giặt. Nhưng đến khi tuổi thọ hết thì y phục dơ bẩn. Sự dơ bẩn này từ đâu đến? Là từ nghiệp chướng hiện ra.

3. Hai nách ra mồ hôi: Thân thể người trời không ra mồ hôi, luôn luôn sạch sẽ. Nhưng đến khi tuổi thọ hết, thì hai nách chảy ra mồ hôi, thân thể nhơ nhớp.

4. Thân thể có mùi hôi: Người trời thân thể luôn luôn có hương thơm, vì người trời tu mười điều lành và giữ năm giới cấm, cho nên thân cảm ứng có mùi thơm. Nhưng khi tuổi thọ hết rồi, thì thân phát ra mùi thây chết, làm cho người bịt mũi không dám lại gần.

5. Ngồi không yên: Người trời thường tu thiền định, tham thiền đả tọa, công phu thâm hậu thì thăng lên, công phu ít thì trầm xuống. Lúc bấy giờ, đã phát sinh ra bốn hiện tượng, biết được thọ mạng sắp kết thúc, cho nên ngồi không yên, ngồi xuống lại đứng lên, đứng lên lại ngồi xuống, cứ như vậy nhiều lần, thọ mạng chấm dứt thì chuyển sinh trong sáu nẻo luân hồi. Đó là hiện tượng năm tướng suy, phạm là chư Thiên trong tam giới đều có sinh tử, ngay cả Thượng Đế cũng còn sinh tử.

Dục vọng của A Tu La là muốn được hưởng phước ở trên trời, muốn chư Thiên sớm về nhân gian, để nhường việc trên trời cho chúng quản lý. Chúng có ham muốn làm lãnh tụ chư Thiên, việc gì cũng muốn tranh đệ nhất, muốn đứng đầu.

Dục vọng của con người là giàu sang danh lợi. Muốn làm quan, muốn phát tài, không cầu danh thì cầu lợi, không thoát ra được vòng danh lợi.

Hoàng đế Càn Long nhà Thanh giá lâm Trấn Giang Kim Sơn Tự, lên chỗ cao để ngắm phong cảnh bên hồ Thiên sư Pháp Khánh: “Mỗi ngày sông trường giang này có bao nhiêu chiếc thuyền qua lại?”

- Thiên sư đáp: “Chỉ có hai chiếc thuyền.”

- Hoàng đế lại hỏi: “Hai chiếc thuyền sao?”

-Thiên sư đáp: “Phải! Một chiếc là danh, một chiếc là lợi.”

Sự tham muốn của con người không bao giờ ngừng, được danh lại muốn được lợi, được lợi rồi lại muốn có danh, đều muốn được cả danh và lợi, do đó: “Nhân tâm bất túc xà tôn tượng,” nghĩa là: “Tâm con người không biết đủ giống như rắn nuốt voi”, làm được Hoàng đế lại muốn sống mãi không chết. (còn tiếp)

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch : Pháp sư Cưu Ma La Thập

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Trước khi Tổ Đạt Ma đến Trung Quốc, thì phải hai vị đệ tử Di Phật Đà và Già Xá đến Trung Quốc hoàng pháp trước. Sư đồ họ đều là người Ấn Độ. Hai vị khoái chí giảng về thiên, bất lập văn tự, kiến tánh thành Phật. Lúc đó, ở Trung Quốc cũng có một vị sư tiểu thừa từ Ấn Độ đến, là Bồ Đề Lưu Chi, thấy hai vị thiên sư đại thừa mới đến bèn liên hợp với tất cả những người xuất gia bôi nhọ họ, khiến cho họ từ Trường An phải chạy đến Lư Sơn. Hai vị sư Di Phật Đà và Già Xá thấy đại sư Viễn Công, mới thuật lại tình hình trên cho đại sư nghe. Lúc đó, đại sư hỏi họ truyền pháp gì ? Hai vị duỗi cánh tay ra, sau đó lại co vào, bèn hỏi duỗi ra co vào có nhanh chăng ?

- Đại sư đáp : "Phải".

Hai vị thiên sư giải thích phiền não và bồ đề và sự biến hoá rất nhanh của nó cũng lại như thế. Ví như duỗi ra co vào đều cùng một cánh tay, mà có sự khác biệt về lòng bàn tay và mu bàn tay. Cũng thế ấy, phiền não tức bồ đề, bồ đề tức phiền não, cả hai thật chẳng lìa nhau, là hai mà chẳng hai, tức tâm tức Phật, minh tâm kiến tánh, cho nên sinh tử tức Niết Bàn, Niết Bàn tức sinh tử. Vô niệm tức Niết Bàn, có niệm tức có sinh tử. Duy có một niệm không sinh toàn thể hiện, Phật tính vốn có hiện tiền, thì dù ma quỷ cũng phải cung kính. Nếu vô niệm thì sẽ trở về nguồn cội, đây là bản địa phong quang vậy.

"Trời rờng đều cung kính, chẳng vì thế vui mừng." Cho nên trời rờng cung kính cũng là bản hữu, chẳng vì thế mà vui mừng, tức xả thiên.

"Lại thấy có Bồ Tát, tại rừng phóng quang minh, cứu khổ dưới địa ngục, khiến họ vào Phật đạo." Lại thấy có những vị Bồ Tát tu thiên ở trong rừng tức là tự lợi, đồng thời phóng ra quang minh thanh tịnh chiếu chúng sinh trong địa ngục, tức là lợi tha.

Dùng tâm đại bi cứu vớt chúng sinh thọ khổ trong địa ngục, đây là bi thiên.

"Lại thấy có Bồ Tát, chưa từng có ngủ nghỉ, kinh hành ở trong rừng, siêng cầu chúng Phật đạo." Những vị này ở trong rừng, hoặc ở trong nhà tu khổ hạnh thường đi không ngồi, không nằm. Pháp môn này gọi là bát chu tam muội, cũng là Phật lực tam muội, trong chín mươi ngày thường đi, không ngồi, không nằm, vì muốn trừ con ma ngủ mà siêng cầu Phật đạo.

"Lại thấy đủ giới đức, oai nghi chẳng thiếu khuyết, thanh tịnh như châu báu, để cầu chúng Phật đạo." Lại thấy có những vị Bồ Tát, thọ trì mười đại giới thanh tịnh như châu báu. Giới cấm thân, miệng, gọi là oai nghi, tự tịnh tâm ý tức chẳng khuyết phạm.

1. Giới chẳng khuyết : Nghĩa là chẳng phạm trọng tội, nếu phạm thập ác, ngũ nghịch trọng tội, thì như túi nổi khuyết thắt.
2. Chẳng phá giới : Nghĩa là chẳng phạm trọng tội, nếu phạm trọng tội thì như túi nổi tàn phá.
3. Giới chẳng thủng : Nghĩa là chẳng phạm tiểu tội, nếu phạm tiểu tội thì như túi nổi thủng lỗ. Đó là nhiếp luật nghi.
4. Giới chẳng tạp nạp : Nghĩa là chẳng khởi niệm ác, nếu khởi niệm ác thì tuy thân miệng thanh tịnh, nhưng ý tạp nạp phiền não, đây gọi là định cộng giới.
5. Giới tùy đạo : Như bậc sơ quả làm đất thì cách cơn trùng bốn tất.
6. Chẳng chấp trước giới : Như A La Hán nơi tam quả lục trần vĩnh viễn chẳng tham trước.
7. Giới được bậc trí ca ngợi : Nghĩa là dùng pháp quyền xảo phương tiện để hoàng pháp lợi sinh, cho nên được bậc trí tán thán.
8. Giới tự tại : Nghĩa là du hí thần thông thị hiện nghịch thuận, nhưng chẳng phạm giới tánh (nếu sinh một niệm tà tức phạm giới, đây là vô hình)

và gia giới (thân miệng chẳng được phạm, đây là hữu hình). Vì có tự tại thần thông, giả thị hiện dùng tạo tội và sát sinh để giáo hóa người, đó thì chẳng phạm tánh và giá hai giới.

Ví như trong Kinh Lăng Nghiêm, Hộ Pháp đập nát đầu quý vương. Và nữa, khi Vua Lương Võ Đế còn làm vua, thì có một vị thiên sư Bảo Chí mỗi bữa ăn, đều ăn hai con chim bồ câu, ăn hết cả xương cả đầu cũng chẳng thừa. Một ngày nọ, người nấu bếp ăn lén cái cánh của một con bồ câu, cho rằng đã chặt vụn ra tưởng đâu có thể nói gạt đặng, không ngờ Ngài Chí Công nhì qua rồi nói : "Ông ăn lén bồ câu." Người nấu bếp tuy kính sợ, nhưng vẫn chối không nhận. Lúc đó, Ngài Chí Công cũng chẳng tranh biện làm chi, bèn ăn hết hai con bồ câu. Chuyện kỳ lạ cũng phát sinh ! Ngài Chí Công ăn hết thịt chim bồ câu rồi, thì lại phun ra hai con bồ câu sống, trong đó có một con bồ câu thiếu mất cái cánh. Cho nên Ngài Chí Công là một dị nhân. Nếu ai ăn bồ câu chín, mà phun ra bồ câu sống, hoặc ăn thịt bò mà phun ra bò sống, thì mới tính là chẳng phạm giới sát sinh. Nếu chẳng có bản lãnh như thế mà cứ tùy tiện ăn thịt chúng sinh, thì tương lai phải trả quả báo vào đọa địa ngục. Giới này gọi là giới tục đế.

9. Giới tùy định : Đi, đứng, nằm, ngồi, cử chỉ hành động, nói năng đều ở trong định, đều có oai nghi.

10. Giới cụ túc : Nghĩa là giới ba la mật tất kính viên mãn, còn gọi là đế giới trung đạo đệ nhất nghĩa.

**Lại thấy có phật tử
Trụ vào sức nhẫn nhục
Bị kẻ tăng thượng mạn
Mắng chửi và đánh đập.
Thấy đều nhẫn thọ được
Để cầu chứng Phật đạo
Lại thấy có Bồ Tát
Lìa bỏ sự giỡn cười.
Và quyến thuộc ngu si
Gần gũi bậc trí huệ
Nhất tâm trừ tạp loạn
Nhiếp niệm ở núi rừng.
Trái ức ngàn vạn năm**

**Để cầu chứng Phật đạo
Hoặc thấy có Bồ Tát
Đồ ăn uống thượng hạng.
Và trăm thứ thuốc thang
Đem cúng Phật và Tăng
Y tốt quần áo đẹp
Trị giá ngàn vạn tiền.
Hoặc là y vô giá
Đem cúng Phật và Tăng
Dùng ngàn vạn ức thứ
Nhà báu bằng chiên đàn.
Các giường nệm tốt đẹp
Dâng cúng Phật và Tăng
Vườn rừng rất thanh tịnh
Hoa quả đều sum sê.
Có suối chảy ao tắm
Cúng dường Phật và Tăng
Như thế đều bố thí
Đủ thứ đồ tốt đẹp.
Vui vẻ chẳng nhàm chán
Để cầu vô thượng đạo.**

Lại thấy có đệ tử của Phật, chuyên tâm nhất chí tu pháp môn nhẫn nhục. Nhẫn nhục đối trị được sân hận, cho nên nhẫn thọ được tất cả chuỗi mắng đánh đập, cho đến quán tất cả cảnh thuận nghịch, cũng đều an nhiên tự tại. Nhưng người tu hành đừng tìm tòi sự nhẫn nhục của người khác sâu hay cạn, mà phóng túng sự tu hành của mình. "Bị kẻ tăng thượng mạn." Là chỉ những người kiêu ngạo, trong tâm mắt chẳng thấy có ai. Kẻ kiêu ngạo không những sẽ bị bại, mà cũng là hành vi ngu si nhất. Tại sao ? Vì Đức Phật là bậc đại giác, Ngài dùng hiểu thuận, bình đẳng và từ bi, để đối đãi với tất cả chúng sinh, vì Ngài đều thấy đều biết tất cả chúng sinh đều có thể thành Phật, đều làm cha mẹ của mình trong quá khứ. (còn tiếp)

Chú lãng nghiêm giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

68. A la ha đế

Kê :

Phổ lễ Ứng chân chúng vương tộc
Chí tâm cung kính đãi duyên thực
Công viên quả mãn thành đại đạo
Dữ Phật đồng thất chúng như như.

Tạm dịch :

*Lễ khắp chúng vương tộc của Phật
Chí tâm cung kính đãi duyên đến
Công tròn quả đầy thành đại đạo
Đồng nhà với Phật chúng như như.*

Giảng giải : Câu này vốn đã giảng qua rồi, chẳng cần phải giảng lại, nhưng ý nghĩa của chú vô cùng tận. Không ngại nói thêm, bất quá nói thêm ít phần ý nghĩa của câu chú, đừng cho rằng bốn câu kệ thì hoàn toàn nói hết ý nghĩa của một câu chú. Vì oai lực và ý nghĩa của một câu chú vô cùng vô tận. “Khắp lễ ứng chân chúng vương tộc”. Ứng chân tức là Phật, phổ lễ chúng tộc của Phật. “Chí tâm cung kính đãi duyên đến.” Người tu đạo phải chí tâm, tức là tâm phải chuyên nhất cung kính Phật, cung kính chúng tộc của Pháp Vương, đến khi cơ duyên thành thực thì “Công đầy quả tròn thành đại đạo”. Tu đạo không cần phải hy vọng, không cần đợi khai ngộ, hoặc là có gì thành tựu, ngày nào thành tựu ? Có những thứ vọng tưởng như thế, thì đó là một thứ tâm tham. Ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, nhất cử nhất động đều phải có oai nghi, không nên tùy tiện, cũng không tùy tiện cười, cũng không tùy tiện khóc, cũng không tùy tiện nổi giận. Tóm lại, đều phải tự nhiên, không chỗ tạo tác, không cần giả trang làm xuất gia, khi công đức tròn, quả đầy, thì sẽ thành bồ đề đại đạo. “Đồng nhà với Phật chúng như như.” Tức

là ở cùng chỗ với Phật, đồng nhà tức là chúng đắc quả vị Phật, như như tức là bất động, không có một chút tâm phân biệt, bất cứ gặp cảnh giới gì đều không động, cảnh giới thiện cũng không giao động, cảnh giới ác cũng không giao động. Người tại trần, nhưng tâm xuất trần, như hoa sen trong bùn không nhiễm trần, sẽ chúng được như như bất động, như như tức là chân như tự tại, một thứ biểu thị, không vì tất cả cảnh giới làm giao động, lúc đó không nghĩ thiện không nghĩ ác. Như như tức cũng là chúng được lý thể chân thật.

69. Tam miếu tam bồ đà gia

Kê :

Quy mạng chánh giác Thiên Trung Thiên
Hư không pháp giới chứng Thánh hiền
Nguyện từ bi ai nhiếp thọ
Hộ Vạn Phật Thành úc vạn niên.

Tạm dịch:

*Quy mạng chánh giác Thiên Trung Thiên
Hư không pháp giới các Thánh hiền
Xin nguyện từ bi mà nhiếp thọ
Hộ Vạn Phật Thành vạn ức niên.*

Giảng giải : “Quy mạng chánh giác Thiên Trung Thiên.” Là quy mạng mười phương ba đời tất cả chư Phật. “Hư không pháp giới các Thánh hiền.” Với tận hư không biến pháp giới tất cả Thánh hiền. “Xin nguyện từ bi mà nhiếp thọ.” Nguyện Phật và Bồ Tát thường thường có đại từ bi tâm đối với con, thương xót con, nhiếp thọ con ! Đừng bỏ con, đừng quên con. “Hộ Vạn Phật Thành vạn ức niên.” Câu Phật và Bồ Tát hộ trì Vạn Phật Thành, tôi thành Phật rồi cũng hộ trì Vạn Phật Thành, bạn thành Phật rồi cũng hộ trì Vạn Phật Thành, người khác Thành Phật rồi

cũng hộ trì Vạn Phật Thành. Vạn Phật Thành cũng giống như trời đất vĩnh viễn tồn tại, không bao giờ hủy diệt.

70. Nam mô bà già bà đố

Kê :

Thập phương tam thế chư Như Lai
Bốn thể đồng cộng nhất pháp thân
Bất tăng bất giảm bất cấu tịnh
Vĩnh tác chúng sinh đại minh đăng.

Tạm dịch :

*Mười phương ba đời các Như Lai
Bốn thể đều đồng một pháp thân
Không tăng không giảm không sạch dơ
Luôn làm đèn sáng cho chúng sinh.*

Giảng giải : Mười phương tức là đông, tây, nam, bắc, đông bắc, đông nam, tây nam, tây bắc, trên và dưới cộng làm mười phương. Ba đời tức là quá khứ, hiện tại và vị lai. Các Như Lai là bao quát Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai. “Bốn thể đều đồng một pháp thân.” Tuy nhiên mỗi vị Phật không đồng, nhưng pháp thân Phật là một, quang minh của Phật cũng là một. “Không tăng không giảm không sạch dơ.” Phật thì không sinh không diệt, không sạch không dơ, không thêm không bớt, nhập cứu kính Niết bàn. “Luôn làm đèn sáng cho chúng sinh.” Phật giống như một ngọn đèn sáng lớn, soi đường trước sau cho chúng sinh, chỉ dẫn chúng sinh ra khỏi đường mê, hướng về con đường giác ngộ.

71. Ti sa xà gia.

Kê :

Đông phương Dược Sư Lưu Ly Quang
Phổ độ hữu duyên nhập bỉ bang
Tăng phước tiêu tai diên trường thọ
Xưng danh lễ kính kiến Pháp Vương.

Tạm dịch :

*Phương Đông Dược Sư Lưu Ly Quang
Độ kẻ có duyên vào nước Ngài
Tăng phước tiêu tai thêm sống lâu
Nghe danh lễ kính thấy Pháp Vương.*

Giảng giải : Ti Sa Xà Gia là "Phật Dược Sư Lưu Ly Quang". “Độ kẻ có duyên vào nước Ngài.” Nhiếp thọ hết thầy chúng sinh có duyên, sinh về phương đông thế giới Lưu Ly, “Tăng phước tiêu tai thêm sống lâu”, làm cho chúng sinh tăng phước tiêu tai nạn sống trường thọ, “Nghe danh lễ kính thấy Pháp Vương.” Niệm danh hiệu hoặc lễ kính đều sẽ thấy được Pháp Vương Phật và Phật đạo đồng, con người tại sao làm người ? Vì con người có quá nhiều tâm phân biệt, đây là tôi, đó là bạn, kia là họ. Vì nhiều tâm phân biệt thì nhiều sự chấp trước, cho nên làm người. Phật thì không có sự chấp trước mới thành Phật, chúng ta muốn thành Phật thì phải phá sự chấp trước về cái ta, chấp trước về pháp, làm cho tâm cuồng dừng lại, tức là bỏ lại tự tánh thiên chân Phật.

72. Câu lô phệ trụ lị gia

Kê :

Dược Sư Như Lai thanh sắc bảo
Cụ túc trang nghiêm chúng tướng hảo
Trần sát hiện thân nhiếp quần loại
Duy vọng tốc phát bồ đề tảo.

Tạm dịch :

*Đức Phật Dược Sư màu xanh báu
Trang nghiêm đầy đủ các tướng tốt
Hiện thân vô số nhiếp quần sinh
Nguyện họ sớm phát tâm bồ đề.*

Giảng giải : Đây là nói Phật Dược Sư màu xanh báu, Phệ Trụ Lị Gia tức là "màu xanh báu", Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật rất trang nghiêm. Ngài có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Ngài hiện thân khắp các cõi nước nhiều như hạt bụi, để thuyết pháp nhiếp thọ hết thầy chúng sinh “Nguyện họ sớm phát tâm bồ đề.” Phật Dược Sư và Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát Dược Thượng hy vọng chúng ta và hết thầy chúng sinh sớm phát bồ đề tâm, lia khổ được vui.

(còn tiếp)

Ai chưa có báo Phật pháp, muốn nhận, xin liên lạc về Chùa Kim Quang.

Kinh bát nhã

Hoà Thượng Tuyên Hoá lược giảng
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

Nay giảng về không vì Bát Nhã đàm luận về không. Tánh không có rất nhiều loại. Nay chỉ giản lược nói về năm loại.

Thứ nhất là ngoan hư không. Ngoan tức là ngoan bì (ngu hèn). Gọi là hư không vì nó vô tri vô thức, không có sự tồn tại của tánh tri giác. Tất cả mọi người đều biết là hư không (trống rỗng). Mọi người đều chấp trước hư không. Mắt thấy hư không nhưng không có tánh tri giác, nên gọi là ngoan hư không. Phàm phu chấp trước cũng là ngoan hư không. Sao gọi là hư không? Tức là không có chi hết, nhưng có thật là chân không, không? Không phải, đó là ngoan (ngu ngơ) hư không. Đây là hư không mà phàm phu thường chấp trước.

Thứ hai là đoạn diệt không. Đó là gì? Là không mà ngoại đạo chấp trước vào. Ngoại đạo không biết ý nghĩa của không. Họ cho rằng người chết rồi là hết, đoạn diệt luôn, cũng là không. Thế nên, họ chấp vào đoạn diệt không.

Thứ ba là pháp không quán. Người nhị thừa tu tích pháp không quán. Tích cũng là phân tích sắc tức là sắc, tâm tức là tâm. Họ không biết tất cả đều là không. Thế nên không thể đắc và chứng được diệu lý chân không, chỉ tạm trú tại hóa thành thôi, không đồng với địa vị của Bồ Tát. Hóa thành là nơi không vọng, chỉ là trạm dừng chân. Họ tu loại tích pháp không quán, nên gọi là bát nhã thô thiển. Bát nhã thô thiển tức là bát nhã không thâm sâu. Họ tu hành pháp bát nhã này thì chấm dứt phần đoạn sanh tử, nhưng biến dịch sanh tử vẫn còn. Sao gọi là phần đoạn sanh tử? Ai ai cũng có thân thể. Chư vị có một phần. Tôi có một phần. Từ sanh đến chết có một đoạn. Một phần một đoạn gọi là phần đoạn sanh tử. Phần đoạn cũng gọi là hình đoạn của mỗi người. Chư vị cao năm thước. Họ cao sáu thước. Lại có người cao bảy thước. Mỗi người đều có một phần đoạn. Thánh nhân chứng sơ quả, nhị quả, tam quả, và tứ quả A La Hán chặt đứt được phần đoạn sanh tử mà vẫn còn biến dịch sanh tử.

Sao gọi là biến dịch sanh tử? Biến tức là biến hóa. Dịch tức là dung dịch, cũng là biến hóa, giao dịch, mâu dịch. Biến dịch sanh tử là gốc của phần đoạn sanh tử. Vì sao gọi là thế? Biến dịch sanh tử cũng là bao loại vọng tưởng. Những vọng tưởng này luôn lưu xuất, vọng niệm trước diệt, vọng niệm sau sanh, vọng niệm sau diệt, vọng niệm kế lại sanh. Sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, nên gọi là biến dịch sanh tử. một niệm diệt tức là mất. Một niệm sanh tức là đã sanh, cũng là vọng niệm của chúng ta. Tứ quả A La Hán chưa đoạn diệt hẳn hết, nên chỉ có Bồ Tát đại thừa mới năng đoạn tận hết. Biến dịch sanh tử cũng là cội gốc sanh tử của chúng ta. Sao chúng ta có sanh tử? Vì chúng ta có vọng tưởng. Những vọng tưởng này phát sanh từ đâu? Vọng tưởng vốn do vô minh phát sanh. Vì có vô minh nên mới phát sanh bao loại vọng tưởng.

*Thứ tư là thế pháp không quán
Duyên Giác tu thế pháp không quán
Thứ năm là diệu hữu không quán
Bồ Tát tu diệu hữu không quán
Chân không diệu hữu.*

Lúc Bồ Tát Quán Thế Âm hành thâm bát nhã ba la, Ngài soi thấy năm uẩn đều không. Đó là đắc được công năng tu hành bát nhã ba la mật đa. Nay y chiếu theo kệ của tôi mà giảng giải.

"Hành đạo tu thân mạc ngoại tâm, (hành đạo tu thân chớ tìm ngoài)".

Chư vị muốn tu đạo, tu thân, thì chớ tìm bên ngoài. Không nên hướng ngoại tìm cầu, mà hãy tìm lại tự tánh của mình.

"Tự tánh bát nhã thâm mật nhân, (tự tánh bát nhã nhân thâm mật)".

Trong tự tánh bát nhã có hạt giống thâm mật.

"Bạch lăng xung tiêu hắc ba chỉ, (sóng bạc tiêu lặn biển đen dừng)".

Lúc tu đạo, sóng bạc tức là trí huệ, như nước chảy tạo thành sóng màu sắc trắng. Sóng biển đen tức là phiền não. Khi sóng đen ngừng thì trí huệ tăng, pháp thậm thâm cũng cao siêu. Hành bát nhã ba la mật đa, lưu xuất pháp thậm thâm không? Vì pháp này rất cao siêu, nhìn xem không thể thấy, nên gọi là bát nhã thậm thâm. Sóng đen dừng tức là phiền não dừng.

"Niết bàn bỉ ngạn nhậm vận đặng, (bờ Niết Bàn, từ từ leo lên)".

Một khi đã có trí huệ thì tự nhiên biết cách để đạt đến bờ niết Bàn, không bỏ phí sức lực nào.

"Thời hệ thời vật thác quá, (thời qua thời chớ để trôi qua)".

Chúng ta tu đạo, thời gian rất quý báu, đừng để chúng trôi qua vô ích. Thế nên, thời qua thời chớ để trôi đi. Thời gian nào? Tức là lúc hành thâm bát nhã ba la mật. Chư vị chớ nên để thời gian trôi qua vô ích.

"Thận chi thận thủ thiên chân, (thận trọng, thận trọng giữ thân chân)".

Chư vị phải cẩn thận, đừng để thời gian trôi mất, ngày đêm luống qua vô ích. Hiện tại phải tu hành đắc được pháp bát nhã thậm thâm, chân lý cao thượng.

"Yếu yếu minh minh thông hư tức, (mờ mờ ảo ảo thông tin tức)".

Mờ mờ ảo ảo, nói nghe nhưng thực không nghe, nói thấy nhưng thực không thấy.

"Hoảng hoảng hốt hốt kiến bốn tôn, (vội vội vàng vàng thấy bốn tôn)".

Hiện nay, chư vị phải được tin tức mờ mờ ảo ảo, vội vội vàng vàng thấy bốn chân. Lại như không có hình tướng mà nói thấy hình tướng. Thấy bốn tôn tức là thấy rõ tự tánh của chính mình.

Soi thấy năm uẩn đều không.

"Tam quang phổ chiếu thấu tam tài
Nhất quy hợp xứ phục nhất lai
Kiến sắc tức không thọ nạp thị
Vọng tưởng quỵen lưu hành nghiệp bài
Thức nãi liễu biệt ngũ âm cụ
Cảnh hoa thủy nguyệt tuyệt trần ai
Không nhi bất không minh đại dụng
Kiến do vị kiến lạc khoái tai."

Dịch:

"Ba quang phổ chiếu thấu ba tài
Nhất quy hợp xứ lại nhất lai
Thấy sắc tức không thọ nạp thế
Vọng tưởng chuyển lưu, tan hạnh nghiệp
Thức vẫn phân biệt đủ năm âm
Gương hoa trắng nước tuyết trần ai
Không mà chẳng không rõ đại dụng
Thấy như chưa thấy vui vô vàn".

"Tam quang phổ chiếu thấu tam tài, (ba quang phổ chiếu thấu ba tài)".

Ba quang là mặt trời, mặt trăng, và các ngôi sao. Phổ chiếu tức là phổ biến chiếu sáng. Ba tài là trời, đất, người. Ba quang là văn tự bát nhã quang, quán chiếu bát nhã quang, thật tướng bát nhã quang. Thật tướng bát nhã quang tức là thậm thâm bát nhã quang. Soi thấy năm uẩn đều không. Dùng ba quang chiếu thấu ba tài, tức chiếu khắp trời, đất, người.

"Nhất quy hợp xứ lại nhất lai".

Nhất quy hợp xứ tức tự tánh của mình. "Nhất" là nói tự tánh. "Hợp xứ" cũng là chỗ của tự tánh. Xưa nay muôn pháp đều quy về một. Một quy về hợp xứ. Ngài Thần Quang có nói bài kệ:

"Muôn pháp quy về một
Một quy về hợp nhất

Thần Quang vốn chẳng sớm biết Đạt Ma
Véch tại núi quỳ nghe Ngài dạy chín năm
Chỉ cầu thoát khỏi Diêm La".

Vì sao thế? Tâm chúng ta cũng chính là tánh. Một khi quay về liền hợp xứ. Hợp tức là tương hợp. Tương hợp với gì? Cùng tương hợp với Phật tánh. Chư vị cùng Phật tánh tương hợp, rồi trở về cội gốc, lại xuất sanh diệu dụng. Diệu dụng này chính giúp thành tựu Phật quả, gọi là trở về nhất lai, cũng là ông Phật của chư vị.

"Thấy sắc tức không thọ nạp thế".

Thấy sắc tức không, nghĩa là thấy được sắc mà sắc vốn là không. Sao nói sắc vốn không? Phạm phu chúng ta đều chấp trước sắc này. Chấp vào sắc gì? Tổng thể của sắc. Sắc pháp tuy có nhiều loại, mà tổng thể của sắc chính là thân thể chúng ta, gọi là sắc thân. Sao sắc thân lại là không? "Thật sự thân này có mà!" (còn tiếp)

Đại trí độ luận

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : Hoà thượng Thích Trung Quán

Tiếp theo kỳ trước

Hỏi : Bồ-tát chưa hết các lậu, làm sao như Hằng sa kiếp nhân các điều ác ?

ĐÁP : Trên đã nói vì lực đà-la-ni nên được như vậy. Lại nữa, tuy chưa hết lậu, Bồ-Tát có trí lớn, căn lợi, hay suy nghĩ, trừ, kiểm tâm sân. Bồ-Tát niệm rằng: Nếu căn tai không đến bên tiếng thì tiếng ác bám vào đâu ?

Lại như tiếng máng, nghe rồi qua luôn, nếu không phân biệt, ai sẽ giận ? Kẻ phàm tục chấp trước ta mình, phải trái, mà sinh tâm hận. Nếu biết lời nói tùy sinh, tùy diệt, trước sau không thực thì không sân khuể. Cũng biết các pháp trong không có chủ, ai máng ? ai giận ? Nếu nghe lời nói lạ từ phương khác, nơi đó cho là tốt, nơi khác cho là xấu; tốt xấu không định, tuy máng không giận. Biết tiếng nói không định sẽ không giận, không vui. Như người thân yêu máng mình, tuy bị máng mà không hận. Nếu không thân bị lời nói ác sinh giận. Như gặp gió mưa thì vào nhà cầm dù, như đất có gai thì dánh giày dép; rét cực đốt lửa; nóng thời tìm nước. Như thế, các hoạn hại chỉ tìm cách ngăn mà không giận. Máng chửi các ác, cũng như thế, chỉ lấy từ bi tắt các ác ấy, tâm không sân hận. Lại nữa, Bồ-Tát biết các pháp không sinh, không diệt, tính vốn không. Nếu người giận, tức, máng, nhiech, đánh, giết, như mộng, như hóa, ai sân ? ai máng ? Nếu có người nhiều như Hằng sa chúng sinh trong đại kiếp ca ngợi, cúng dàng bốn thứ vật dụng, hoa hương, anh lạc, với đức nhân tâm Bồ-Tát không động, không vui mừng, không chấp trước !

HỎI : Nay đã biết với hết thủy nhân duyên, Bồ-Tát không sân, như không biết khi được tán thán công đức, Bồ-Tát có vui mừng không ?

ĐÁP : Biết hết thủy cung kính cúng dàng là vô thường : Lúc gặp nhân duyên tốt thì lại tán thán,

cúng dàng; lúc khác gặp nhân duyên khác có thể sinh giận tức nhẫn đến hành hung, bạo động, cho nên không vui. Lại nữa, nếu lại tán thán cúng dàng, đó là tán thán công đức trí tuệ, đâu phải là tán thán ta, vậy ta vui cái gì ?

Lại nữa, người ấy tự cầu quả báo, nên ở nơi ta mà làm nhân duyên, cúng dàng ta mà làm công đức; ví như người trồng lúa, tưới bón vun sỏi, đất cũng không vui. Lại nữa, nếu người cúng dàng ta, nếu ta vui chịu mà nhận thì phúc của ta bạc mà người cũng ít phúc nên không vui. Lại nữa, Bồ-Tát quán tất cả pháp như mộng, như vang, ai khen? ai vui ? Ta ở trong ba cõi, các lậu chưa hết, chưa được giải thoát, chưa được Phật đạo, làm sao được tán thán mà vui ? Nếu đáng vui, chỉ có một người : Phật, vì tất cả công đức đều đã đầy đủ. Thế nên Bồ-Tát được hết thủy tán thán cúng dàng cung cấp, tâm không sinh vui. Cát tướng như thế gọi là nhập âm thanh đà-la-ni.

Lại có các đà-la-ni tên là Tịch Diệt đà-la-ni, Vô Biên Toàn đà-la-ni, Tùy Địa Quán đà-la-ni, Oai Đức đà-la-ni, Hoa Nghiêm đà-la-ni, Tịnh Âm đà-la-ni, Hư Không đà-la-ni, Hải Tạng đà-la-ni, Phân Biệt Chư Pháp Địa đà-la-ni, Minh Chư Pháp Nghĩa đà-la-ni .v.v... năm trăm đà-la-ni, nếu nói rộng thì có vô lượng, nên nói các Bồ-Tát đều được đà-la-ni.

Các tam-muội là: Ba tam-muội không vô tướng vô tác. Có người nói: Quán ngũ ấm không thấy ta và cái của ta (ngã, ngã sở), ấy là không. Trụ ở tam-muội ấy chẳng làm đời sau mà khởi ba độc, gọi là vô tác. Duyên ly mười tướng pháp, năm trần, nam, nữ, sinh, trụ, diệt, nên gọi là vô tướng. Có người nói : Trụ trong tam-muội ấy biết tất cả thực tướng của các pháp rất ráo không là không tam-muội. Biết không rồi là vô tác. Thế nào là vô tác ? Không quán các sự vật không hay chẳng

không, có hoặc chẳng có .v.v... như Phật nói trong Pháp Cú bài kệ :

Thấy có, thời sợ hãi !
Thấy không, cũng sợ hãi !
Cho nên chẳng chấp có,
Cũng lại chẳng chấp không !

Ấy gọi là vô tác tam-muội. Thế nào là vô tướng tam-muội ? Thấy sự vật không có tướng, không nhận, không đắm nhiễm. Như kệ nói:

Lời nói đã bật,
Tâm hành cũng diệt,
Chẳng sinh, chẳng diệt,
Như tướng Niết Bàn.

Lại nữa, mười tám không gọi là không tam-muội. Năm đạo : Sinh hữu, bản hữu, tử hữu, trung hữu, nghiệp hữu. Trong các hữu này, tâm không cầu gọi là vô tác tam muội. Tất cả các tướng hoại diệt không nhớ nghĩ gọi là vô tướng tam-muội.

HỎI : Có biết bao nhiêu pháp thiên định, sao chỉ nói ba tam-muội ?

ĐÁP : Trong ba tam-muội ấy, suy ngẫm gần Niết Bàn, khiến tâm người không cao không hạ, bình đẳng bất động, chỗ khác không vậy nên chỉ độc nói ba tam-muội ấy. Trong dư định hoặc ái nhiều, hoặc mạn nhiều, hoặc kiền nhiều. Trong ba tam-muội ấy thực nghĩa thực lợi hạng nhất hay được Niết Bàn, nên trong pháp thiên định lấy ba pháp định ấy làm ba môn giải thoát. Ba tam muội ấy thực là tam-muội, dư định cũng được gọi là định. Lại nữa, trừ bốn căn bản thiên, từ chưa « đạo địa » đến « hữu đỉnh địa » gọi là định, cũng gọi là tam-muội ; phi thiên, tứ thiên, các dư định cũng gọi là định, là tam muội như tứ vô lượng tâm, tứ biện, sáu thông, tám bội xả, tám thắng xứ, chín thứ đệ định, mười nhất thiết xứ .v.v... các pháp định. Lại có người nói : Tất cả pháp tam-muội có hai mươi ba thứ; có chỗ nói sáu mươi lăm thứ, năm trăm thứ .v.v... Ma Ha điển tối đại có vô lượng tam muội. Đó là biến pháp tính trang nghiêm tam muội, hay chiếu hết thấy các pháp tam-muội trong ba đời, bất phân biệt tri quán

pháp tính để tam muội, nhập vô để Phật pháp tam muội, như hư không vô để vô biên chiếu tam muội, Như lai lực hành quán tam muội, Phật vô úy trang nghiêm lực tần ngâm tam muội, pháp tính môn toàn tạng tam muội, nhất thiết thế giới vô-ngại tất biến nguyệt tam muội, biến trang nghiêm pháp vân quang tam muội. Bồ Tát được vô lượng tam muội như thế.

Lại nữa, trong Phạm Ma Ha Diễn Nghĩa của Bát Nhã Ba La Mật lược thuyết, thì có một trăm lẻ tám tam muội, đầu gọi là Thủ Lăng Nghiêm tam muội, cho đến hư không bất trước bất nhiễm tam muội. Thế nên nói các Bồ Tát được các tam muội hành không, vô tướng, vô tác.

HỎI : Trước nói Bồ Tát được các tam muội, sao lại nói hành không, vô tướng, vô tác ?

ĐÁP: Trước nói tên tam muội chưa nói tướng. Nay muốn nói tướng, nên nói hành không, vô tác, vô tướng. Nếu có người hành không, vô tướng, vô tác, gọi là được thật tướng tam muội. Như kệ nói:

Nếu trì giới thanh tịnh,
Ấy thực là Tỳ Khuru.
Nếu có hay quán không,
Ấy là được tam muội.
Nếu có hay tinh tiến,
Ấy là hành đạo nhân.
Nếu có được Niết Bàn,
Ấy gọi là thật vui !
Đã được đẳng nhãn ấy.

HỎI : Thế nào là đẳng (bằng, đều) ? Thế nào là nhãn ?

ĐÁP : Có hai thứ đẳng : Chúng sinh đẳng và pháp đẳng. Nhãn cũng có hai thứ : Chúng sinh nhãn và pháp nhãn. Thế nào là chúng sinh đẳng ? Tất cả chúng sinh đều đẳng tâm, đẳng niệm, đẳng ái, đẳng lợi. (còn tiếp)

**Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vất bỏ, vô thức,
Như khúc cây vô dụng!**

Kinh Pháp Cú

pháp ngữ của thiền sư Hư Vân

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

V. Khai thị tại chùa Từ Vân ở Trùng Khánh vào ngày mười tám tháng giêng, năm 1943

Hôm nay cùng quý vị đàm luận. Đối với hai chữ khai thị, thật tình tôi rất xấu hổ, không dám đảm nhận. Hư Vân tôi, ngay chính mình cũng chẳng rõ, sao dám hàm hồ dạy người!

Lời Phật dạy trong các kinh điển, nhiều vô số. Tại các tùng lâm những lúc tọa hương ngồi thiền, đã Quán Âm thất, Phật thất v.v..., các vị ban thủ luân phiên khai thị. Tuy nhiên, việc bái sám lễ lạy thì không như ngồi thiền đã thất. Khi lễ sám, năm thể phải chạm đất và ba nghiệp phải thanh tịnh mà không nên tăng thêm những lời tán ngôn loạn ngữ. Trên đàn sám không ban những lời khai thị. Lúc lễ sám phải quán tưởng: "Người lễ, bậc thọ lễ, tánh không tịch. Cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Nay con đánh lễ Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm ứng đạo giao tự hiện tiền".

Thân tâm mình lễ. Phật và Bồ Tát là những vị thọ nhận lễ. Tâm mình vừa lễ vừa quán tưởng thâm sâu về quá khứ, hiện tại, vị lai, nơi mọi thời, đều không thể đắc được. Tất cả đều không tịch, thì tượng tánh Như Lai sẵn có, tự nhiên hiển lộ. Kinh Kim Cang nói: "Nếu lấy sắc cầu Ta, lấy âm thanh cầu Ta, người này hành tà đạo, không thể thấy Như Lai... Nếu thấy các tướng mà không phải tướng, tức thấy Như Lai".

Đây là hai ý nghĩa vừa ẩn vừa hiển. Không chẳng phải không và sắc chẳng phải sắc, thì mới là không chân thật và là sắc chân thật.

Chúng ta đều là những người xuất gia. Nơi trong lửa bỏng dầu sôi, nước non loạn lạc, không gặp đạn dược cũng gặp phi cơ. Thật không may mắn. Tuy nhiên, trong việc không may mắn lại có những sự may mắn. Vì sao? Người xuất gia vốn: "Một bình bát, ăn cơm ngàn nhà. Thân đơn độc, đi muôn vạn dặm".

Tuy nhiên, hiện tại không thể hành được những hạnh này.

Chúng ta phải nên xả bỏ tất cả, cùng thúc liễm thân tâm. Thân vốn là gốc khổ. Tâm nguyên là nguồn tội. Hiện tại, nếu không nỗ lực tu hành thì đợi đến chừng nào? Một khi mất thân này thì muôn kiếp khó hoàn phục. Xả bỏ vọng tưởng thì bản tâm như như; muốn được như thế, phải tu hành ngay từ tự tâm, chứ không thể hành từ bên ngoài mà đắc được. Nếu luôn tinh cần tu trì thì lo gì không cắt đứt dòng sanh tử? Nhà Nho có câu: "Từ thiên tử (nhà vua) đến thứ dân, mọi người phải lấy việc tu thân làm gốc".

Tâm người đời hiện nay khác xưa. Họ không biết sự quan hệ giữa chánh trị và tôn giáo. Dùng chánh trị để sửa thân. Dùng tôn giáo để chuyên hóa nội tâm. Những ý nghĩa này, họ đều không biết đến. Gần đây, chắc có nhiều vị trí thức biết rõ rằng nếu không nhờ sự nỗ lực nhất chí của chánh phủ và tôn giáo thì không thể cứu tế được thiên tai hoạn nạn trong đại kiếp này. Hiện tại, tổng thống cùng các vị bộ trưởng, đồng phát tâm kiến lập pháp hội Đại Bi Hộ Quốc Giải Trừ Thiên Tai Hoạn Nạn, cũng không ngoài ý này.

Xưa kia, việc kiến lập pháp hội là việc thường. Đối với pháp hội Thập Luân, Kim Cang v.v..., tôi nhớ không hết, nhưng biết rõ rằng sự dụng tâm tại những pháp hội đó không giống nhau. Các vị Lạt Ma Tây Tạng gần đây hoằng pháp tại Trung Nguyên rất nhiều. Chánh phủ rất mực tôn sùng kính trọng. Không biết có phải là tín ngưỡng đặc biệt của chánh phủ hay không? Tăng sĩ áo xanh ngày càng lộng hành. Họ phá chùa đuổi tăng áo vàng. Tăng chúng áo xanh hay áo vàng đều là đệ tử Phật. Mật tông được truyền từ Nhật Bản gọi là Đông Mật. Mật tông được truyền từ Tây Tạng, gọi là Tây Mật. Những năm gần đây, Mật giáo tại Trung Quốc được thịnh hành một thời, vì đều có thể hiển hiện bao loại thần thông biến hóa. Tuy nhiên, vào lúc nhàn rồi không chịu thấp hương. Gặp lúc khẩn cấp mới chạy đến ôm chân Phật thì không thể nào thành tựu được.

Hư Vân tôi đi khát thực khắp nhân gian; những nước lân cận hầu như đã đến. Tôi vốn là phàm phu, không có thần thông, không biết biến hóa, nên không dám ăn thịt, cũng không dám ăn quá giờ. Có một số người chẳng hiểu Phật pháp, chưa quên danh lợi, và thường cầu thần thông biến hóa. Tồn trữ những vọng tưởng như thế, chẳng là tà cũng tức là ma. Phải nên biết rằng Phật pháp tại

tâm mình, nên không thể đem tâm hướng ngoại cầu pháp. Thần thông phát khởi do trình độ dụng công thì có sao khởi tâm hy vọng mong cầu? Dụng tâm như thế, làm sao khế hợp với chân lý vô sở trụ? Đức Phật bảo rằng những người này thật đáng thương hại!

Hiện tại, quý vị Bồ Tát đại tâm phát nguyện tu trì Đại Bi Sám Pháp, vì muốn hộ quốc tiêu tai, nên yêu cầu Hư Vân tôi ra làm chủ trì. Công đức Hộ Quốc Tiêu Tai, mọi người đều nên thành tâm nhất ý, cùng làm cùng tạo. Chúng ta bái sám, xưng dương thánh hiệu; Bồ Tát Quán Âm linh cảm vô vàn. Duyên lành của ngài Quán Âm đối với cõi này thật rất thâm sâu. Tuy nhiên, tâm nếu không chân thành thì không thể đạt được cảm ứng. Nếu thành tâm xưng thánh hiệu thì Bồ Tát Quán Âm sao không tầm thanh cứu khổ? Giữa hai mươi lăm vị thánh trong kinh Lăng Nghiêm, duy chỉ có Bồ Tát Quán Âm là chứng quả vị viên thông vi diệu nhất.

Trong kinh Lăng Nghiêm, Bồ Tát Quán Âm trình bày cách tu chứng viên thông của mình:

- Đức Phật kia (Phật Quán Âm) dạy con từ văn tu tu để nhập vào tam ma địa. Ngay trong cái nghe, không chạy theo âm thanh của trần cảnh, mà xoay cái nghe trở vào chân tánh. Nhập vào liền được tịch tĩnh, khiến hai tướng động tịnh, chấm dứt không sanh.

Thứ nhất, bên trên khế hợp và đồng một lực từ với mười phương chư Phật. Thứ hai, bên dưới đồng một bi ngưỡng với mọi loài chúng sanh. Bồ Tát Quán Thế Âm thật đại vô úy. Ngài luôn dùng ba mươi hai ứng thân để hóa độ chúng sanh. Kinh lại bảo: "Giáo thể chân thật này, thanh tịnh tại âm thanh".

Niệm danh hiệu của sáu mươi ức hằng hà sa Pháp Vương Tử cũng đồng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm.

Bộ "Đại Bi Sám Pháp" do đại sư Tứ Minh Pháp Trí soạn. Bi nguyện thật không thể nghĩ bàn. Năng lực cảm ứng cũng không thể nghĩ bàn. Những câu chuyện cảm ứng được ghi trong sử sách rõ ràng tường tận. Từ sáng đến tối, năm thế chạm đất lễ sám, ba nghiệp thanh tịnh, thì đoạn được tội giết hại, ăn cắp, tà dâm, tham sân si, và chuyển mười việc ác thành mười việc lành. Tất cả đều phải phù hợp với diệu lý của sám pháp. Lại nữa, phát bốn lời đại nguyện, rồi dùng hương

hoa, tự trang nghiêm phước đức trí huệ. Những sự lợi lạc như thế, sao lại không làm? Lời nói là giả mà hành trì mới là chân. Hôm nay, đại khái đàm luận Phật pháp đôi chút. Phải nhớ rằng Đức Phật là đấng trọng phước và mình cũng sẽ như thế. Tự tôn tự quý thì tự nhiên sẽ được cảm ứng.

Đời vua Khang Hy, hòa thượng Nguyên Thông trụ trì chùa Tây Vực. Ngày nọ, một vị tăng đắp y vàng đến chùa. Nhà vua rất tôn sùng kính trọng mà bảo hòa thượng Nguyên Thông ra tiếp đãi. Hòa thượng Nguyên Thông bảo rằng đó chẳng phải là tăng hay người, mà là con nhái tinh. Nó có thần thông vi diệu. Bấy giờ, gặp lúc trời hạn hán. Nhà vua ra lệnh cho vị tăng mặc áo vàng kia cầu mưa. Quả nhiên có mưa, nên nhà vua lại càng cung kính. Hòa thượng Nguyên Thông bảo:

- Hãy lấy nước mưa mà đem so với cứ rái của các con nhái!

Quả nhiên thật giống nhau; tà chánh rõ ràng. Phải biết rõ ràng về năm mươi ám ma trong kinh Lăng Nghiêm, bằng không thì sẽ bị chúng chuyên, khiến nhập vào đường ma. Xin đại chúng hãy lưu ý! (còn tiếp)

Hàm Sơn Đại Ni

tự truyện

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

Ngày thường, mỗi khi học hành xong có chút thời gian rảnh rỗi, Ngài lại tụng đọc kinh điển. Đối với những lời kinh thâm sâu vi diệu, không thể hiểu nghĩa, Ngài thường tự học thuộc lòng từng chữ. Ví như Phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa không ai bắt buộc, mà Ngài lại tự học thuộc lòng. Nếu có ai hỏi duyên cớ, Ngài đáp rằng vì nghe chư tăng dạy bảo tụng niệm phẩm Phổ Môn thì có thể cứu khổ thế gian, nên tự dụng công học thuộc. Bên cạnh, có một nguyên do quan trọng, thúc đẩy Ngài học phẩm Phổ Môn. Số là mẹ Ngài tuy tín thành Bồ Tát Quán Thế

Âm, nhưng chưa hề biết đến hạnh nguyện của Bồ Tát như được trình bày trong phẩm Phổ Môn. Nhằm báo đền ân sâu của từ mẫu, Ngài cố học thuộc lòng phẩm Phổ Môn và chờ đúng dịp để đọc. Lần nọ, về thăm nhà Ngài đi theo mẹ đến chùa lễ bái Bồ Tát Quán Thế Âm. Lễ bái xong, Ngài thưa với mẹ: "Thưa mẹ! Có một quyển kinh nói về hạnh nguyện của Bồ Tát Quán Thế Âm. Mẹ có biết không?"

- Bà Thái Hồng Thị ngạc nhiên, bảo: "Mẹ chưa từng nghe đến."

- Ngài thưa tiếp: "Ngày thường, khi lễ bái Bồ Tát Quán Thế Âm, mẹ niệm như thế nào?"

- Bà Thái Hồng Thị đáp: "Suốt đời, mẹ luôn niệm bảy chữ chơn ngôn "Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát", nên được cảm ứng vô cùng."

- Ngài thưa: "Thưa mẹ! Bảy chữ chơn ngôn này tuy hàm ý bao la vạn tượng, nhưng thiết thật vẫn chưa bằng phẩm Phổ Môn. Nay con sẽ tụng lại cho mẹ nghe."

- Nói xong Ngài liền xướng tụng: "...Chúng sanh bị khổ ách, vô lượng khổ bức thân, Quán Âm diệu trí lực, năng cứu khổ thế gian, đầy đủ sức thần thông, rộng tu trí phương tiện, mười phương các cõi nước, không chỗ chẳng hiện thân, bao loại chư ác thú, địa ngục quỷ súc sanh, sanh già bệnh chết khổ, từ từ được tiêu diệt. Chân quán thanh tịnh quán, quảng đại trí huệ quán, bi quán cùng từ quán, thường nguyện thường chiêm ngưỡng, vô cầu thanh tịnh quang, huệ nhật phá chur ám, năng phục nạn gió lửa, sáng khắp chiếu thế gian, bi thể giới sấm chớp, từ ý diệu mây to, ban mưa pháp cam lồ, diệt trừ lửa phiền não. Kiện tụng nơi cửa quan, sợ hãi trong quân trận, niệm nhớ Quán Âm lực, các oán đều thối tán. Diệu Âm Quán Thế Âm, Phạm Âm Hải Triều Âm, vượt hơn thế gian âm, vì thế phải thường niệm, niệm niệm chớ sanh nghi, Quán Âm bậc tịnh thánh, nơi khổ não từ ách, làm nơi chỗ nương tựa, đầy đủ tất cả công đức, mắt từ nhìn chúng sanh, biển phước tụ vô lượng, phải nên thường đánh lễ..."

Tụng xong, Ngài giải thích nghĩa của từng câu, y như lời dạy của vị hòa thượng trụ trì thuở trước. Bà Thái Hồng Thị lắng thính lắng nghe, nhưng nước mắt chảy ròng. Đợi Ngài giải thích xong, bà ôm chầm lấy đứa con trai, bảo: "Con học được từ nơi nào vậy?"

- Ngài thưa: "Con thường đến chùa viện, nghe chư tăng tụng niệm ngày đêm, nên mượn quyển kinh này về học thuộc lòng."

- Bà mẹ nói: "Lạ thật! Giọng của con thật giống như âm thanh tụng kinh của các hòa thượng lớn tuổi."

Khi đó, trí huệ của Ngài thiết thật vượt hẳn chúng bạn, nhưng ít khi biểu hiện ra ngoài. Tuy biết con mình thông minh, ngày ngày bà Thái Hồng Thị vẫn nhắc nhở thúc giục Ngài học hành. Mới mười tuổi, Ngài không tránh được tánh thích chơi đùa. Vì ngày ngày luôn bị bà mẹ đốc thúc hành, Ngài tự nhiên nảy sinh tư tưởng chán học. Tuy vậy, Ngài không còn dùng cách thức phản kháng tiêu cực bình thường của các đứa trẻ đồng dạng như trốn học mà lại bắt đầu cùng bà mẹ đối đáp lý lẽ. Ngày nọ, bà Thái Hồng Thị vẫn bảo Ngài lấy sách vở ra học. Vì nhẫn không nổi, Ngài liền thưa hỏi mẹ: "Thưa mẹ! Con có việc muốn hỏi. Khi hỏi, xin mẹ chớ trách mắng."

Bà Thái Hồng Thị tuy biết thẳng con của mình sẽ dùng những lý lẽ quái lạ để bào chữa cho việc làm biếng học hành, nhưng lại không muốn dùng những phương pháp bức bách như xưa. Bà cũng nghĩ rằng đây là cơ hội để răn nhắc giáo dục nó thêm, nên bảo: "Con cứ nói. Mẹ không phiền trách đâu."

- Nghe thế, Ngài an tâm mạnh dạn hỏi: "Thưa mẹ! Cả ngày từ sáng đến tối, mẹ bắt con học hành, vậy có lợi ích gì?"

- Bà Thái Hồng Thị bảo: "Người xưa bảo rằng trong sách vở tự có nhà bằng vàng ngọc. Hôm nay nếu con lo lắng học hành giỏi dang thì mai sau sẽ đỗ đạt trạng nguyên, ra làm quan lớn."

Xã hội của nước Tàu rất trọng học vấn, như câu: "Mọi việc đều là thấp kém, chỉ có học vấn là cao."

Con cái dân thường chỉ nhờ học vấn mà tiến thân trên đường quan lộ, tức có danh phận trong xã hội.

- Với tư tưởng đó, bà Thái Hồng Thị nói tiếp: "Từ chức quan nhỏ, trong tương lai nếu có khả năng, sẽ dần dần tiến lên chức tể tướng. Khi đó, làm đại quan chỉ dưới nhà vua, nhưng lại hơn muôn người."

Bà mẹ tưởng rằng nói đến chức vị tể tướng sẽ hấp dẫn con mình, nào ngờ Ngài lại hỏi thêm: "Thưa

mẹ! Được chức tể tướng rồi, lại còn có chức nào cao hơn nữa không?"

- Bà Thái Hồng Thị gập ngừng đáp chẳng được: "Làm tể tướng rồi..."

Đối với quyền thế oai phong của chức tể tướng, bà Thái Hồng Thị khó mà giải thích cận kề cho thằng con mười tuổi hiểu được. Và lại, cả đời bà thường ở trong huyện thành nhỏ, ít khi đi xa thì làm sao biết rõ việc của quan trường. Đối với việc này, bà chỉ nghe qua nhờ những lời giảng giải của ông chồng. Vì vậy bà đáp: "Làm tể tướng rồi, nếu muốn thì có thể từ quan về hưu."

- Nghe thế, Ngài hỏi thêm: "Cả một đời khổ cực học hành. Vậy mà đến chức tể tướng, rồi lại về hưu. Như thế làm quan có ích lợi gì?"

- Bà Thái Hồng Thị hỏi: "Sao con không muốn tiến thân làm quan?"

Thật ra, bà Thái Hồng Thị chẳng phải nói thế để vạch rõ con đường tiến thân làm quan cho Ngài, mà chỉ vì muốn khuyến khích con mình học hành. Vì vậy bà hỏi lại: "Vậy thì tương lai con muốn làm gì?"

- Không suy nghĩ, Ngài đáp: "Thưa mẹ! Tương lai, con nhất định làm việc mãi, chẳng muốn từ chức về hưu."

- Bà Thái Hồng Thị bảo: "Chỉ có làm tăng sĩ du phương mới không từ chức về hưu."

Ngài thường được vị hòa thượng trụ trì nhắc đến những lời này tại ngôi chùa viện năm xưa. Thế nên, Ngài lại hỏi: "Thưa mẹ! Làm tăng sĩ có hay lắm không?"

- Bà đáp: "Tăng sĩ là đệ tử xuất gia của Phật đà, thường luôn du phương hành cước khắp thiên hạ, tự do tự tại, không đấm cháp vào ăn mặc chỗ ở, đi đến nơi nào, đều được người người cúng dường y phục thức ăn. Tương lai sẽ thành Phật, gia đình được tiếng thơm."

- Nghe vậy, Ngài vui mừng đáp: "Như vậy, con sẽ làm tăng sĩ."

Nhận biết tâm tư con mình muốn xuất gia làm tăng sĩ, bà liền bảo: "Thằng ngu! Xuất gia đâu phải là chuyện dễ làm. Phải xem coi con có duyên phận và đủ phước đức không nữa!"

- Ngài hỏi: "Xuất gia làm tăng sĩ, sao lại cần có phước đức?"

- Bà đáp: "Đương nhiên là phải cần có phước đức. Đường quan lộ tuy thường gặp hiểm nạn, nhưng xuất gia đệ tu thành Phật lại càng khó gấp trăm ngàn lần. Trên thế gian, rất nhiều người làm trạng nguyên, nhưng lại rất ít người làm Phật Tử. Mẹ thấy con chỉ nói lời xàm bậy. Hãy bỏ ý định đó đi."

- Ngài thưa: "Thưa mẹ! Con tự biết mình có phần phước đức. Tuy nhiên, chỉ sợ rằng mẹ không đành lòng cho con đi xuất gia thôi."

- Nghe vậy, bà đột nhiên toát mồ hôi, như linh cảm có điều chi sẽ xảy ra. Bà nghĩ: "Trời ơi! Thằng con của tôi lại muốn đi tu thật sao?"

Tuy nhiên, vì suốt đời bà luôn chân thành khẩn thiết lễ bái cúng dường chư Phật cùng Bồ Tát Quán Thế Âm, nên không dám nói lời lừa lọc con mình: "Này con! Ngày nào đó, vì duyên phận đã định, nếu con có phần phước làm quan hay làm hòa thượng, sao mẹ lại không cho phép! Tuy nhiên, hãy giữ kín chuyện này giữa mẹ và con thôi nhé!"

Tương đối đáp cho qua loa, ai ngờ rằng chính bà Thái Hồng Thị đã giúp Ngài vạch rõ con đường xuất gia làm tăng sĩ. Sau này, Ngài được vào chùa xuất gia mau chóng, phần lớn là do ảnh hưởng của mẹ mình.

Không những bà Thái Hồng Thị kiên thành lễ bái Bồ Tát Quán Thế Âm mà còn tin Phật trọng Tăng. Bà thường cúng dường y phục ẩm thực cho các du tăng hành khất đến nhà. (còn tiếp)

*tham thiền minh bạch
bản lai diện mục*

Hoà thượng Tuyên Hoá

giảng tại Vạn Phật Thành ngày 20/12/87

Đã thất gọi là "khắc kỳ thủ chúng", khí huyết con người trong bảy ngày phục lại, tinh khí thần trong bảy ngày có tuần hoàn. Cho nên

trong bảy ngày này không thể lười biếng giải đãi, không tham ăn, cũng không tham ngủ. Như vậy trong bảy ngày nhất định có biến hóa lớn. Gì là biến hóa lớn ? Tức là khai ngộ. Khai ngộ tức là những việc từ trước không minh bạch, nay hoàn toàn thông đạt ; những việc từ trước buông xả không đặng, nay buông xả đặng, những việc từ trước không nghĩ ra, nay thì nghĩ ra được. Nghĩ ra được, buông xả đặng thì mới đắc được tự tại, mới chân chánh không tranh, chân chánh vô sở cầu, chân chánh không tham, không ích kỷ, không tự lợi, không nói dối. Tại sao ? Vì đã đắc được gốc rễ thì ngoài ra như : tài, sắc, danh, ăn, ngủ đều là ngọn ngành. Chúng ta mỗi năm cử hành đả Phật thất, đả thiên thất, khiến cho chúng ta buông xả tất cả, chuyên tâm dụng công.

Muốn dứt sinh tử, muốn trở về cội nguồn, muốn bỏ mê về với giác, thì phải tranh thủ trong thời kỳ đả thất. "Tranh thủ" nói theo thế tục tức là hướng thượng cầu tiến bộ, ý nghĩa trong Phật giáo là tinh tấn. Tuy nhiên chúng ta mỗi năm cử hành đả Phật thất, đả thiên thất. Mọi người trong thời kỳ này sợ ăn khổ, giải đãi, lười biếng, hoặc là một cây hương, hai cây hương, ba cây hương không tham gia thì làm sao đối với thường trụ, đối với đạo tràng, đối với tất cả mọi người. Đó là thành phần hỗn tạp trong đạo, là ma trong đạo.

Ở trong đạo mà không tu đạo là tạo nghiệp, vì tham sướng một thời phóng dật mà lưu chuyển trong sinh tử, đọa lạc tam đồ, không biết phải trải qua bao lâu mới có thể làm được thân người lại. Đợi đến được thân người lại, muốn minh bạch Phật pháp thật không phải dễ.

"Thân người khó được,

Phật pháp khó nghe,

Thiện tri thức khó gặp,

Sinh vào nước có Phật pháp rất khó".

Có nhiều vấn đề khó khăn như vậy, mà chỉ vì một thời phóng dật mà chúng ta đời đời kiếp kiếp đến nay bỏ qua không cú cha mẹ, sư trưởng, lục thân quyến thuộc. Họ đang đợi chúng ta thành đạo, để độ họ. Chúng ta gánh vác trách nhiệm rất trọng đại. Cho nên:

"Một người đắc đạo, chín tổ sinh thiên".

Ở trong đạo tràng không tu đạo, ngày ngày để thời gian trôi qua lãng phí, không phải chấp trước trên danh thì cũng chấp trước trên lợi. Có vị pháp sư bế quan, không nhìn truyền hình, không nghe đài, không biên thư, xem thư, hoặc gọi điện thoại, nghe điện thoại .v.v... Chỉ chuyên môn đọc Kinh Lăng Nghiêm, đọc Kinh Lăng Nghiêm xong thì đọc Kinh Pháp Hoa, sống trong quốc gia thời đại khoa học phát đạt, thật là đáng quý. Còn chúng ta không bế quan du du đàng đàng bên ngoài, gặp cơ hội đả thất, lại không vì sinh tử, dụng một phen công phu, thật khiến cho cha mẹ, lục thân đều rơi lệ.

Chúng ta tuy nhiên, mỗi năm đả thất, nhưng trong quá khứ không có ai đả thất, cũng không lo liễu sinh tử, đều ở trong nhiễm khổ cho rằng vui sướng, nhận giặc làm con. Tức nhiên trong quá khứ không có đả thất, không chân chánh dụng công phu. Bây giờ các bạn có cơ hội, nếu bạn lại giải đãi lười biếng, không dụng công, bịt tai ăn cắp chuông, lại không nhận chân tu đạo thì bạn vĩnh viễn không thể thoát khỏi lục đạo luân hồi. Nhất định phải bỏ cho được cái chết, bỏ cho được cái giả. Cho nên :

"Bỏ không được cái giả,

Không thể được cái thật;

Bỏ không được cái chết,

Không thể được cái sống".

Cứ chấp túi da hôi thối cho là bửu bối, cuối cùng không thể thoát ly thì tinh thần vĩnh viễn không thể khôi phục lại trí huệ vốn có.

Tuy nhiên, Phật tính mỗi người với Phật giống nhau, không hai không khác, nhưng bạn mê thì là chúng sinh, giác ngộ thì là Phật. Hiện tại chúng ta mê mất trong biển khổ, lại không muốn tu, thì chẳng thể đến được bờ bên kia. "Biển khổ mênh mê, hồi đầu là bờ". Hồi đầu thì không tham đồ thế gian, phải chuyên tâm nhất chí, liễu sinh thoát tử, phải sớm sinh về thế giới Cực Lạc, hoa nở thấy Phật mới là mục đích đả thất.

Đả thất chẳng phải như tác chiến. Phần đông đả thất, thường đi hóa duyên các nơi, nói cúng dường thì có công đức, muốn kiếm tiền các nơi. Chúng

ta đã thất ở đây, thậm chí người bên ngoài cũng không biết, vì tại quốc gia này, căn bản không có người hiểu việc đã thất, cho nên quốc gia to lớn như thế mà người lại tham gia đã thất chỉ bất quá đếm không quá đầu ngón tay. Chúng ta cũng không tuyên truyền, không hóa duyên các nơi. Chúng ta chỉ yên lặng dụng công, nếu không nỗ lực, lại giải đãi làm biếng, ăn ngủ li bì, thì đó là tạo tội nghiệp là đã thất ăn, chẳng phải là đã thiên thất.

Người xuất gia hoan hỉ đã thiên thất, tại sao? Vì đã thiên thất, được ăn ngon, ăn bánh bao, buổi tối lại được ăn nữa. Cho nên đã thiên thất, đã thất mọi người đều đến. Như Chùa Kim Sơn, chùa Cao Môn, khi đã thiên thất thì "thiên hòa tử" các nơi tức là còn trùng các nơi đều đến. Nhưng trong còn trùng cũng có rỗng, rỗng hỗn tạp. Buổi tối thì ăn bánh bao, cái bánh bao cân nặng khoảng nửa cân, ăn một cái thì đủ no. Nhân bánh bao thì tuyệt diệu, bấy nhiêu đó cũng khiến người khởi vọng tưởng mà bạn còn cảm giác ăn không ngon. Chúng ta ở đây tuy nhiên "Đã ăn" thì ít nhưng "Đã ngủ" thì nhiều, hy vọng những thú mao bệnh này đều sửa đổi.

Ba độc

Hoà thượng Tuyên Hoá (trích trong bài giảng)

Ở trước đã nói về tham và sân, bây giờ nói về si, đây gọi là ba độc. Ba độc này, đầu độc Phật tánh của con người hôn mê như là ngủ. Tại sao chẳng giác ngộ, một đời đều sống trong cơn say, chết trong ảo mộng? Là vì ba độc này. Tham tức là dâm dục, dâm dục là lợi hại nhất đối với tự tánh, thế mà một số người cho rằng đó là sự hưởng thụ cao nhất, cho nên cứ làm những hành vi điên đảo, thứ bụi bặm này càng ngày càng nhiều, vì Phật tánh quang minh của bạn chẳng hiển hiện, đó là sự lợi hại của tham độc. Sân độc cũng như tham độc, lợi hại vô cùng.

Bây giờ nói về si độc. "Ngu si" là gì? Tức là cảm thấy mình chẳng ngu si, đó càng là ngu si. Cho rằng mình là người rất thông minh có trí huệ, thật tế bạn hỏi họ: "Anh từ đâu đến? Tương lai

anh đi về đâu?" Thì họ chẳng biết, đến chẳng biết đến, đi chẳng biết đi, bạn nghĩ rằng người như thế là thông minh nhất chẳng? Song họ chẳng thừa nhận mình là người ngu si. Do đó:

“Danh lợi việc nhỏ ai cũng ham

Sinh tử việc lớn chẳng ai màng.”

Trên thế giới này, cầu danh cầu lợi tuy là việc nhỏ, song con người suốt ngày vì nó mà bôn ba lao nhọc, thậm chí đi hại người, giết người cũng vì "lợi". Chẳng phải vì lợi, thì là vì "danh". Người của các nước trên thế giới này, nhiều đếm chẳng hết được, song hợp lại mà nói thì chỉ có hai loại người. Tức là, một là cầu danh, một là cầu lợi. Danh và lợi chi phối làm cho con người điên đảo, song vẫn chưa tỉnh, từ sinh ra đến chết đi đều hồ đồ. Có người tham cầu làm quan, có người cầu phát tài, có người cầu con trai con gái, một đời khát vọng các thứ khoái lạc, song hưởng thụ chẳng bao lâu thì chết đi. Chết rồi sinh về đâu cũng chẳng biết. Khi sống thì cho mình là bất phàm, cảm thấy là ngon lành lắm, mình là người có trí huệ rất thông minh, thậm chí học ở nhà trường năm nào tôi cũng đứng nhất lớp, bất cứ làm việc gì tôi cũng đứng đầu, cao hơn mọi người, tự cho rằng thông minh khác thường. Kỳ thật, cho đến mặt mũi của mình cũng chẳng nhận thức được, sự thông minh của bạn đều là giả, đó là thông minh giả. Nếu bạn có trí huệ thật sự, thì chẳng cảm thấy mình có trí huệ. Vậy nói là cảm thấy mình ngu si chẳng? Cũng chẳng cảm thấy có trí huệ. Tuy trên bề mặt nhìn lại, đồng thân thể hình trạng với một số người, song những tư tưởng quan niệm bạn đều minh bạch. Minh bạch hết thấy tất cả, như huyền như hóa. Biết hết thấy tất cả đều giả, thì bạn chẳng tham trước những vinh hoa phú quý ở trong mộng, tham đồ sắc đẹp, tranh ta người, tranh đúng sai, tranh hạng nhất, tranh danh đoạt lợi, mà thấy rõ tất cả đều là vô thường. Cho nên trong Kinh Kim Cang có nói:

”Nhất thiết hữu vi pháp,

Như mộng huyễn bào ảnh

Như lộ diệt như điện,

Ứng tác như thị quán”.

Nghĩa là:

Tất cả pháp hữu vi

Như mộng huyễn bọt bóng

Như sủng cũng như điện

Hãy quán sát như vậy.

Tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn bọt bóng. Pháp hữu vi là gì? Tức là tất cả có hình tướng, có thể nhìn thấy được, đều gọi là pháp hữu vi, tựa như mộng huyễn bọt nước. Bọt nước ở trong biển, bạn nói là thật hay là giả? Nói là thật, nó lại hóa là không, nói là giả mà nó lại có bọt nước. Tuy có bọt nước, nhưng chẳng thật tại, chẳng có thể tách chân thật. Bóng cũng là hư huyễn, lại giống như giọt sương, sáng sớm thì có giọt sương, nhưng khi mặt trời xuất hiện, thì nó lại tiêu mất. Điện cũng là có, song điện quang lửa đá chuyển nháy mất thì mất, cũng chẳng chân thật. Nếu quán tưởng tất cả sự vật như thế, thì có gì để chấp trước? Chẳng có gì chấp trước, thì mới thật minh bạch, cũng chẳng tưởng đông nghê tây, càng không tưởng nam nghê bắc, buông xả hết tất cả những trần lao vọng tưởng. Buông xả hết được tất cả trần lao vọng tưởng, thì lúc đó bạn không muốn thành Phật cũng không được, muốn chẳng có trí huệ cũng không thể được, tự nhiên sẽ có.

Cho nên, khi mình chẳng có trí huệ, thì đừng cho rằng mình có trí huệ. Trí huệ chẳng phải từ bên ngoài đến, đừng sinh ra tâm kiêu ngạo: “Ở trong tất cả mọi người, ta là thông minh nhất, đẹp nhất, nổi bật hơn tất cả mọi người, chẳng giống mọi người!” Nếu bạn có tư tưởng như thế, thì tức là chấp tướng. Tướng vốn là túi da hôi thối, như mộng huyễn bọt bóng. Bạn suốt ngày tới tối mặc quần áo đẹp cho nó, ăn đồ ngon, hết lòng vì nó mà hưởng thụ. Song, đến lúc nó muốn đi, thì nó chẳng màng đến bạn. Có người chuyên vì túi da hôi thối mà hút thuốc, lại uống rượu, lại ăn thịt. Suốt ngày đến tối cứ lấp cho cái đáy sâu không đáy này, lấp đầy rồi lại voi, voi rồi lại đầy, vĩnh viễn lấp chẳng đầy, vì mình mà bận tới bận lui.

Tại sao tôi mỗi ngày ăn một bữa? Là vì sợ phiền não, cho nên ăn ít một chút, thì bớt đi rất nhiều phiền não. Một số người cho rằng, ăn đồ ngon là hưởng thụ tốt nhất, tôi thì cho rằng là việc phiền não. Vậy giải thích sao đây? Nếu ăn nhiều thì trong bụng chẳng thoải mái, mà ăn ít thì lại sinh tâm tham: “Vì ăn ngon thì lại ăn thêm một chút.” Nếu ăn đồ chẳng ngon, thì chẳng sinh ra tâm tham, bụng cũng chẳng thọ tội, cho nên đây đều là việc phiền não. Tại sao con người có những phiền não? Vì mình quá ngu si, mới tham hưởng thụ, cầu giàu sang, cầu danh lợi, cầu sung sướng, đủ thứ đâu chẳng phải là điên đảo? Bạn tham cái này, cái kia, kết quả lại thế nào? Đến lúc vẫn phải chết như nhau. Khi chết, một chút gì cũng chẳng mang theo được, đó chẳng phải là ngu si chẳng? Nếu ngu si như thế, thì phải làm thế nào? Y chiếu theo Kinh Pháp Hoa: Thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm. Khi ngu si đi rồi, thì trí huệ sẽ đến. Ai biết được mình ngu si, thì người đó mới chân chánh nhận thức được mình, đã có trí huệ, thì mới cảm thấy mình là ngu si, càng chạy càng xa. Mình vốn là ngu si, mà tự cho rằng là thông minh, đó chẳng phải là ngu si lại thêm ngu si chẳng? Một cái ngu si vốn chưa đủ, mà biến thành hai cái ngu si. Nếu bây giờ chúng ta không muốn ngu si, thì phải thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm. Đây là cách diệu nhất, linh nhất, tuyệt đối diệu không thể tả.

niệm phật

Ngày xưa, có một phú ông rất sùng mộ đạo Phật. Phú ông xuất tiền xây cất một ngôi Chùa cực kỳ nguy nga tráng lệ.

Ông già hảo tâm ấy lại có tính hiếu kỳ. Sau khi hoàn thành ngôi Bảo điện, ông già muốn có một điểm gì đặc biệt khác thường nên ông chạm trổ một bức hoành phi thật đẹp và khắc sáu chữ vàng "Nam mô A Di Đà Phật" bằng chữ phạn rồi treo trước chánh điện. Những học giả và bô lão trong làng đều chịu không biết là chữ gì. Họ rất thán phục Phú ông, cho Phú ông là một học giả uyên bác, thông hiểu cả Phạn ngữ. Kỳ thật thì Phú ông

đã nhờ một Pháp sư người Ấn Độ viết cho sáu chữ đó.

Được thiên hạ trăm trò khen ngợi bao nhiêu thì tính hiếu kỳ tự đắc của Phú ông càng bị kích thích bấy nhiêu. Một hôm, ông cho viết sáu chữ ấy lên các tấm bảng gỗ kèm theo mấy hàng chữ bản xứ ở dưới: "Nếu ai đọc được mấy chữ này, tôi sẽ gả con gái cho làm vợ và chia một nửa gia tài". Đoạn Phú ông cho dựng những tấm bảng đó khắp nơi trong vùng, và mỗi nơi cắt một người đứng gác.

Sau khi những tấm yết thị được dựng lên, các học giả, văn gia, thi sĩ và nho sinh nô nức đến xem, nhưng không một ai đọc được cả.

Một ngày nọ có chàng thanh niên bán chiếu tên Hoàng Kim Ân, đi qua một nơi có dựng bảng, thấy rất nhiều người đang chen lấn nhau vào xem chữ, dĩ nhiên là ai cũng ôm một bầu hy vọng to tướng trong lòng. Tò mò, chàng bán chiếu cũng cố len lỏi để vào cho được. Nhưng khi đến nơi, nhìn lên tấm bảng chàng chẳng hiểu cái quái gì, chỉ thấy mấy dòng chữ ngoằn ngoèo như giun bò, chàng thất vọng quay ra. Song, lúc chàng vừa quay ra, thì không may đầu đồng gánh của chàng đụng ngay vào trán của một văn sĩ đang đứng bên cạnh. Hoàng Kim Ân hoảng hồn la lên "Nam Mô A Di Đà Phật". Lập tức người đứng gác bảng tóm lấy cổ chàng và nói: "Đúng người này rồi". Hoàng Kim Ân chẳng hiểu đầu đuôi ra sao, cứ van lạy để xin lỗi vì trót vô ý để đòn gánh đụng vào trán nhà văn. Nhưng người gác nhất định không buông tha chàng, và vội vàng đưa chàng về trình với Phú ông. Chàng bán chiếu vẫn kêu van lạy lục xin tha, nhưng người gác lại nói:

- Anh này thật đại dột, sắp được vợ đẹp và giàu sang đến nơi rồi mà không biết, còn cứ xin tha mãi! Bộ anh sợ vợ hay sao?

Hoàng Kim Ân càng hoang mang ngờ ngác thêm, không hiểu chi hết và cứ bước theo người gác về nhà Phú ông.

Chả là Hoàng Kim Ân là một Phật tử rất kiên thành. Mặc dầu nhà nghèo, học ít, không được đọc kinh sách, nhưng chàng rất tin Phật, nên chỉ trì sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật, và lúc nào cũng nhớ Phật, niệm Phật, dù đi đứng, nằm, ngồi, không bao giờ quên cả. Niệm Phật đối với chàng đã thành một thói quen. Mỗi khi gặp nguy hiểm,

hay việc gì ngoài ý muốn của chàng, chàng lại niệm Phật to hơn. Do đó, lúc vô ý để đòn gánh của mình đụng vào trán nhà văn sĩ, chàng cất tiếng niệm danh hiệu Phật, mục đích để cầu cho việc đó được vô sự. Nhưng không ngờ sáu chữ chàng niệm, lại đúng với sáu chữ viết bằng chữ Phạn ở trên bảng, nên người đứng gác tưởng chàng biết những chữ ấy, nên liền tóm lấy cổ chàng rồi lôi cổ chàng về, để Phú ông gả con gái cho. Khốn nỗi chàng bán chiếu không hiểu, cứ tưởng là người ta bắt đi để mang "gông" vào cổ, vì đã làm sút trán của nhà văn lúc nãy nên cứ kêu xin tha tội hoài!

Khi về tới nhà Phú ông, chàng bán chiếu mới vỡ lẽ là chàng được tôn lên hàng "học giả" để cùng sánh vai với tiểu thư, con gái Phú ông để cùng ca khúc "Phượng cầu Kỳ Hoàng". Chàng bán chiếu thấy bàn tay của định mệnh xếp đặt lắm việc kỳ diệu quá. Bất giác chàng khẽ ngâm hai câu đối để ghi lại một biên chuyện trong quãng đời chàng, mà chàng cho là vô cùng huyền bí:

"Phúc chủ, lộc thầy, bát tát con hiền, con thận,

Thơm tay, may miệng, hà tụ phụng thỉnh, phụng chur".

Từ đó, Hoàng Kim Ân sống cuộc đời trường giả, nhưng hàng ngày chàng vẫn không quên công việc niệm Phật của quãng đời bán chiếu hồi xưa.

Một hôm, vì trái nắng trở trời, vợ chàng cảm gió. Cũng tưởng chỉ qua loa, nào ngờ mỗi ngày bệnh tình mỗi trầm trọng, cứ sốt li bì, không thuốc nào khỏi. Hoàng Kim Ân đâm lo và lúc nào cũng ngồi bên giường bệnh nhân để niệm Phật. Vừa niệm, chàng vừa đưa tay thoa từ đầu đến chân của tiểu thư, và huyền diệu thay! Hễ chàng đưa tay đến đâu là nàng cảm thấy nhẹ nhõm đến đó. Chẳng bao lâu, vợ chàng bình phục hẳn. Thật là đã "may miệng" lại "thơm tay".

Từ đó, Hoàng Kim Ân nổi tiếng là một "Đại y sư" thành danh lừng lẫy, đồn đến tai Vua.

Thật là một sự trùng hợp ly kỳ. Cũng trong thời gian trái nắng, trái gió ấy. Công chúa cũng lâm bệnh, và bao nhiêu danh y đã được triệu vào để trị liệu cho Công chúa, nhưng đều vô hiệu. Khi tiếng tăm của Hoàng Kim Ân được đồn đến Hoàng cung, lập tức nhà vua hạ chiếu chỉ vời chàng vào để chữa cho Công chúa. Nhận được chiếu chỉ,

Hoàng Kim Ân cảm thấy bối rối, lo sợ, sợ vì không biết miệng chàng còn may không nữa? Câu niệm Phật biết có còn hiệu nghiệm để chữa bệnh cho Công chúa nữa không? Mặc dầu lo sợ, song không cách nào để khước từ mệnh lệnh của nhà Vua, bởi vậy chàng đành "nhắm mắt đưa chân" và chỉ tin tưởng vào sức vạn năng của một câu niệm Phật chí thành, đã đến chỗ nhất tâm bất loạn.

Khi tới Hoàng cung, Hoàng Kim Ân được đưa ngay vào phòng bệnh của Công chúa. Chàng đuổi hết người hầu cận ra ngoài. Trong phòng chỉ còn có chàng và Công chúa. Bây giờ chàng bắt đầu chữa cho Công chúa bằng phương thần dược: Miệng chàng niệm Phật, tay chàng thoa vào đầu và mình mảy Công chúa. Công chúa ngạc nhiên và không thấy y sư cho uống thuốc gì cả, mà trong người thì cứ thấy nhẹ nhàng dần, rồi cuối cùng như một chiếc đĩa thần, hễ tay Hoàng Kim Ân đưa đến đâu là bệnh hết đến đấy. Mừng và lạ quá, Công chúa chạy vào tâu với Hoàng hậu và Đức Vua. Nhà Vua thấy con mình bình phục mau quá, cũng hết sức ngạc nhiên và trong bụng nghĩ thầm Hoàng Kim Ân đúng là "Thánh sư".

Nhà Vua hạ lệnh mở yến ăn mừng và khoản đãi "Thánh sư". Trong bữa tiệc không thiếu một thứ gì, đủ cả sơn hào hải vị. Trong lúc rượu đã ngà ngà, Nhà Vua nhìn ra sân, nơi có đắp một con rồng thật lớn nói với Hoàng Kim Ân:

- Trẫm đồ khanh biết trong miệng con rồng kia có cái gì? Nếu khanh nói đúng, Trẫm sẽ cho làm phò mã và gả Công chúa cho, bằng không trẫm bắt tội!

Nguy to rồi, nếu lần này mà cái miệng của chàng hết "may" thì đến "du địa phủ". Đầu óc Hoàng Kim Ân lúc này thật là rối tung xòe, như một túi bông vậy. Chàng tự nghĩ: "Nếu không nói đúng, chắc mình phải chết, còn nếu nói đúng thì cái nghĩa "tào khang chi thể" mới làm sao đây?" Thật là tiến thoái lưỡng nan. Đúng cũng khổ mà không đúng thì chết. Chàng cứ bần khoăn lo lắng, tự nghĩ đời tàn, bất giác chàng than một câu để thương cho số phận: Hoàng Kim Ân! Nhưng chàng vừa dứt lời thì bỗng nhà Vua vỗ tay reo và truyền gọi Công chúa ra dâng cho chàng một ly rượu. Hoàng Kim Ân ngỡ ngác, không hiểu ra sao. Chàng còn đang ngỡ ngác thì nhà Vua nói:

- Khanh nói đúng, thật là Thánh sư! Trẫm có cất chiếc "Hoàng Kim Ân" trong miệng rồng đó! Kỳ diệu biết bao! Tưởng mình chết đến nơi, kêu tên mình lên để than thở cho số phận, không ngờ tên mình lại trùng với tên có giấu bằng vàng rồng của nhà Vua, chết thì thoát rồi, còn việc phò mã và lấy Công chúa thì sao? Hoàng Kim Ân vấp đầu xin nhà Vua tha cho tội đó, viện lẽ mình đã có vợ và phải giữ trọn đạo thủy chung. Nhà Vua cảm kích vì người có tiết nghĩa, không nỡ ép buộc, liền ban thưởng thật trọng hậu rồi sai cận vệ đưa tiễn về nhà...

Huyền diệu và linh nghiệm thay sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật, khi được phát ra với niềm chí thiết, chí thành và nhất tâm bất loạn!

Ví dù muôn đấng ngàn cay,
Một câu niệm Phật tan ngay cấp kỳ!...
Niệm Phật dứt bỏ oán thù,
Lòng không hung dữ ngục tù đâu vương?
Niệm Phật mở rộng lòng thương
Oan thân bình đẳng tai ương nào vào?

Quán Thế Âm Bồ Tát là huyền diệu của chúng ta

Hoà thượng Tuyên Hoá

Chúng ta ngày ngày niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, song "Quán Thế Âm" nghĩa là gì? "Quán" là quán xét âm thanh ở thế gian. "Quán" cũng là nhìn, nhưng không phải nhìn bên ngoài, mà là nhìn tâm của chúng sanh, xem chúng sanh nào tâm không còn vọng tưởng lăng xăng. Không còn vọng tưởng, tâm rỗng không, tức là khai ngộ. Do đó nói rằng:

"Thập phương cùng tụ hội,

Đồng học pháp vô vi."

Niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ tát cũng là một pháp vô vi. "Vô vi" là không làm nhưng chẳng gì là không làm-tức là dạy chúng ta chớ khởi vọng tưởng vậy.

Khi quý vị niệm "Nam Mô Quán Thế Âm Bồ-tát" thì Quán Thế Âm Bồ-tát cũng niệm quý vị-hai bên cùng niệm nhau giống như quý vị nhớ tưởng

người thân, thì người thân của quý vị cũng nhớ tới quý vị vậy. Chúng ta và Quán Thế Âm Bồ-tát, từ vô lượng kiếp đến nay, chính là bà con trong Đạo-pháp, thân thích trong Phật-pháp. Bà con kể từ lúc nào? Tính từ thời Đức Phật A Di Đà đây! Đức Phật A Di Đà là Giáo-chủ cõi Cực Lạc ở Tây Phương và cũng là sư-phụ của Quán Thế Âm Bồ-tát. Đức Quán Thế Âm Bồ-tát giúp Đức Di Đà hoàng dương pháp môn Tịnh-Độ. Chúng ta chính là quý vị đồng môn với Đức Quán Thế Âm Bồ-tát. Đức Quán Thế Âm Bồ-tát là vị anh cả đối với tất cả chúng sanh nào chưa vãng sinh cõi Cực Lạc, và do đó, chúng sanh là em của Ngài. Nói như vậy thì rõ ràng Ngài và chúng ta là bà con rất gần. Do đó, hãy mình nhớ tới anh mình, thì anh mình cũng nhớ tới mình. Mình là em của Đức Quán Âm, và Đức Quán Âm là anh của mình.

Có người nói: "Tại sao Đức Quán Âm có thể là anh của mình đặng? Nói như vậy chẳng phải là quá đáng chăng?" Chẳng những Đức Quán Âm xem chúng ta như em, Ngài còn xem tất cả chúng sanh là em út cả. Nếu không thế, thì sao Ngài lại tầm thanh cứu khổ? Vì sao hãy chúng sanh gặp khó khăn, Ngài liền cứu giúp? Đó là vì Ngài xem chúng sanh như tay chân ruột thịt của Ngài vậy, cho nên Ngài mới không sợ gian khổ, đi cứu độ tất cả chúng sanh đang đau khổ ở cõi Ta Bà này. Vì thế quý vị chớ quên người anh trong Đạo-pháp của mình, hãy chúng ta niệm một tiếng Quán Thế Âm Bồ-tát, Đức Quán Thế Âm Bồ-tát cũng liền nhớ niệm tới chúng ta.

Khi niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, chính là chúng ta kêu gọi người anh của mình. Khi Đức Quán Thế Âm Bồ-tát gọi tên chúng ta, chính là Ngài gọi các đứa em, tức là các Bồ-tát tương lai, các vị Phật tương lai vậy.

Nếu nhìn Quán Thế Âm Bồ-tát như vậy, chúng ta càng phải thành tâm, càng phải khẩn thiết niệm tên người anh ruột trong Đạo-pháp này, chớ để lỡ cơ hội. Khi niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ-tát, quý vị chớ cúi đầu xuống mà phải ngược đầu lên, biểu thị một tinh thần dũng mãnh, tinh tấn. Chớ làm ra vẻ rũ rượi, lơ đãng. Khi Đức Quán Thế Âm Bồ-tát thấy quý vị có tinh thần tinh tấn, Ngài sẽ nói với quý vị rằng: "Hãy mau nắm lấy tay ta!" Thế rồi, Ngài sẽ đưa quý vị tới thế giới Cực Lạc.

Có người nghĩ vắn vơ rằng: "Tại sao Đức Quán Thế Âm Bồ-tát từ sáng đến tối cứ nhìn, nhìn, nhìn

hoài, còn tôi thì chẳng được phép nhìn gì cả?" Quý vị "nhìn" và Quán Thế Âm Bồ-tát "nhìn," hai cách nhìn khác nhau lắm! Đức Quán Thế Âm Bồ-tát nhìn bên trong, còn quý vị thì nhìn ra ngoài. Đức Quán Thế Âm Bồ-tát nhìn tự tánh. Tâm tánh của Ngài giống như màn ra-đa, hiện ra tất cả mọi chúng sanh. Chúng sanh nào có vọng tưởng gì, Ngài đều biết hết. Ngài nhìn vào màn ra-đa bên trong, khác với cái nhìn của quý vị. Bởi vì chúng sanh ở cách xa Ngài quá, tuy rằng Ngài có ngàn tay ngàn mắt, song nếu dùng để nhìn vô lượng chúng sanh thì cũng không đủ dùng, không đủ nhìn. Do đó Ngài mới hồi quang phản chiếu (xoay ngược ánh sáng trí huệ, chiếu rọi tự tâm), phản văn văn tự tánh (xoay ngược cái nghe, lắng nghe tự tánh). Ngài quan sát tự tánh của chúng sanh xem ai là kẻ đang chịu khổ; rồi Ngài đi cứu độ chúng sanh ấy. Nhưng quý vị thì lại nhìn ra ngoài, quên bằng trí huệ căn bản của mình. Do đó, cái nhìn của quý vị với cái nhìn của Ngài hoàn toàn khác nhau.

Có người lại nghĩ rằng: "Thầy ơi! Tôi không tin điều Thầy khai thị đâu! Vì sao tôi không tin? Vì Thầy nói chúng tôi là anh em với Quán Thế Âm Bồ-tát, song Ngài là bậc thánh còn chúng tôi là phàm phu; phàm phu làm sao có thể là anh em với bậc thánh đặng? Điều này không hợp lý nên tôi không tin." Tốt lắm! Quý vị không tin cũng được, điều quý vị nói cũng có lý. Song, lý lẽ này thuộc tri kiến của kẻ phàm; bởi vì quý vị chưa thâm nhập Kinh Tạng, nên chưa có trí huệ rộng sâu như biển.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: "Bồ-tát suy nghĩ như vậy: Ta với chúng sanh, từ vô thủy kiếp tới nay đã từng là anh em, cha mẹ, chị em, vợ chồng với nhau." Quý vị nói quý vị không tin, chẳng qua là vì quý vị không hiểu rõ đạo lý Kinh Hoa Nghiêm đó thôi.

Hơn nữa, chẳng những Bồ-tát nhìn chúng sanh như vậy mà ngay cả Phật, Ngài cũng xem chúng sanh "tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta." Nếu Phật xem chúng sanh như cha mẹ thì tôi nói Quán Thế Âm Bồ-tát xem chúng sanh như anh em, có gì là không hợp lý? Quý vị nói quý vị không tin, đó là do quý vị không đủ trí huệ, thiếu kiến thức đó thôi. Hoặc giả cái nhìn của quý vị quá hạn hẹp, nên quý vị mới trở nên si mê, không tin những gì tôi nói.

Vì sao Phật muốn độ chúng sanh? Vì Ngài quan niệm "tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ

là mẹ ta." Vì cha mẹ Ngài đang thọ khổ trong lục đạo luân hồi nên bất luận thế nào, Ngài cũng phải cứu họ, khiến họ được ly khổ đặc lạc.

Mỗi ngày chúng ta đều niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, đều lạy Quán Thế Âm Bồ-tát; song khi Ngài hiện thân trước mặt chúng ta thì chúng ta lại chẳng hay biết. Do đó chúng sanh chúng ta thật rất đáng thương! Vì sao Quán Thế Âm Bồ-tát hiện ra trước mặt

mà chúng ta không hay biết? Đây là thử thách đối với chúng ta. Khi quý vị niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, quý vị phải học làm sao để được như Ngài vậy. Đức Quán Thế Âm Bồ-tát thì có lòng đại từ, đại bi, đại nguyện, đại lực; do đó, khi niệm danh

hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, chúng ta phải học sao cho có lòng đại từ, đại bi, đại nguyện, đại lực - ai đối xử xấu với mình, mình chớ động tâm; ai mắng chửi mình, mình phải nhẫn lặng; ai đánh đập mình, mình hãy nhẫn chịu; thậm chí có ai giết hại mình, mình cũng phải chịu, coi như là trả nợ vậy! Thế nào là "trả nợ?" Ví như xưa kia mình không chửi rửa ai, thì sẽ không ai tới chửi rửa mình; xưa mình không đánh đập ai, thì cũng chẳng ai lại đánh đập mình. Vì sao có kẻ tới chửi rửa, đánh đập hay giết hại mình? Bởi vì xưa kia, khi mình còn si mê, mình đã từng chửi rửa, đánh đập, giết hại người khác; do đó, kiếp này mình cần phải thanh toán cho sạch nợ nần xưa kia. Khi xưa, vì si mê nên mình có nợ mà không trả. Ngày nay hiểu Đạo, mình phải chân thành trả sạch nợ kia. Hễ mình trả hết nợ thì sẽ thấy đặng Quán Thế Âm Bồ-tát và làm bà con trong Đạo với Ngài.

Thế nên, đã niệm Quán Thế Âm Bồ-tát thì khi gặp ai chúng ta cũng chớ tìm lỗi lầm của họ. Hễ cứ xoi mói lỗi lầm của người thì mình chưa hết khổ, chưa chặt đứt gốc rễ đau khổ. Do đó quý vị hãy nhận định rõ ràng mọi cảnh giới, thấu suốt căn nguyên mọi sự. Học Phật-pháp, quý vị phải biết vận dụng Phật-pháp. Nếu không biết vận dụng Phật-pháp, thì bất luận quý vị tu bao lâu, Phật-pháp vẫn là Phật-pháp, mà quý vị vẫn là quý

vị. Khi biết vận dụng thì quý vị nhập làm một với Phật-pháp, không còn ngăn cách gì nữa.

Nhẫn nại là pháp tối trọng yếu. Quý vị phải nhẫn được những việc khó nhẫn. Ví dụ, quý vị không thích bị chửi rửa, song hễ có ai mắng quý vị, quý vị hãy vui vẻ nhẫn nhịn. Tuy quý vị không thích bị đánh đập, song hễ ai đánh quý vị, quý vị hãy vui vẻ chịu đựng. Quý vị không muốn chết, vì mạng người quý báu lắm; song hễ có ai muốn giết quý vị, quý vị hãy xem như họ giải thoát một đời nghiệp chướng cho quý vị-họ chính thật là Thiện-tri-thức đấy. Quý vị ơi! Khi học Phật-pháp, chúng ta phải đổi ngược thái độ lại mà học, tu Đạo cũng phải đổi ngược thái độ lại mà tu! Thế nào là đổi ngược thái độ? Tức là hãy thích làm những việc mà xưa kia mình không ưa thích; việc mình chẳng ưa thì chớ bao giờ bắt kẻ khác làm.



Nếu quý vị cũng hết như những kẻ tầm thường khác: chẳng thể nhìn suốt, chẳng thể buông bỏ, chẳng thể dứt trừ sự chấp trước vào cái "tôi" và vào cái "pháp," cứ giữ chặt bốn quan điểm phân biệt mình, người, chúng sinh và thọ-giả thì quý vị sẽ có rất nhiều rắc rối phiền hà. Nếu quý vị biết lùi một bước thì chuyện gì cũng tự nhiên yên bình như biển lặng trời trong. Khi học Phật-pháp, chớ học đòi thứ cao thâm diệu vợi, vì rằng:

"Bình thường tâm thị Đạo,

Trực tâm thị đạo tràng."

(Tâm bình thường-tâm không dục vọng-là Đạo,

Lòng thẳng thắn là đạo tràng, nơi tu hành.)

Bởi thế chúng ta cần phải có tấm lòng chính trực, thẳng thắn khi tu hành.

Khi niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, quý vị chớ có lòng tham lam. Đừng nghĩ: "Tôi niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, tôi sẽ phát tài!" Đó là việc không thể có! Khi quý vị không tham, giàu sang có thể tới; một khi nảy lòng tham, quý vị sẽ chẳng được gì đâu. Khi niệm Đức Quán Thế Âm Bồ-tát, quý vị đừng khoe khoang: "Tôi tới chỗ nợ chỗ kia tham gia Thất Quán Âm. Quý vị chưa hề

tham gia thì đâu có bằng tôi!" Quý vị chớ khởi vọng tưởng như thế, cũng đừng ham danh, tham lợi hay thích hưởng thụ sung sướng.

Lúc niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, hãy niệm một cách bình thường, chớ cầu cạnh bất kỳ việc gì. Đừng nên bắt chước những kẻ vừa niệm Quán Thế Âm Bồ-tát vừa nghĩ: "Tôi hiềm muốn không con, cầu xin Đức Quán Thế Âm Bồ-tát cho tôi đưa con trai." Có người thì xin con gái; cũng có nhiều cậu niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để cầu xin có đặng cô bồ xinh đẹp, và nhiều cô niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để cầu gặp bạn trai-những việc như thế đều chẳng thể được! Khi niệm danh hiệu Đức Quán Âm, hãy quét sạch những ý tưởng dơ bẩn ấy đi. Đừng nên có lòng tham lam, giận dữ hay si mê. Ví như ngày ngày mặc áo, chớ để ý áo đẹp hay không, chỉ cần ấm thân là tốt. Ngày ngày ăn cơm, chớ nẩy lòng tham thức ngon vật lạ. Nếu có những ý tưởng ấy, quý vị chẳng còn dùng chân tâm để niệm Quán Thế Âm Bồ-tát nữa. Nếu quý vị quả thật thành tâm niệm đức Quán Thế Âm Bồ-tát, thì sao lại còn nghĩ tới chuyện ăn ngon, mặc đẹp? Quý vị đã quên những thứ ấy đi từ lâu rồi mới phải chứ! Chỉ có một cách là quên đi mọi chuyện thì chúng ta mới hợp nhất với Quán Thế Âm Bồ-tát đặng.

Trong lòng chúng sanh, ai ai cũng sẵn có một vị Quán Thế Âm Bồ-tát. Bây giờ chúng ta niệm Quán Thế Âm Bồ-tát chính là niệm Đức Quán Âm ở lòng mình. Có người nói: "Tôi tìm trong tâm, sao chẳng thấy tâm tôi đâu hết?" Nếu quý vị không có tâm, quý vị chẳng cần niệm Quán Thế Âm Bồ-tát làm gì. Bởi vì chính đó (tức là quý vị không có tâm) là Quán Thế Âm Bồ-tát. Quán Thế Âm Bồ-tát chính là sự không có tâm, bởi vì Ngài hoàn toàn không khởi vọng tưởng, cũng chẳng có tham, sân, si. Ngài không bao giờ tính toán hôm nay mặc áo gì cho đẹp, ăn món gì cho thật ngon, hoặc muốn hưởng thụ đồ cúng dường gì. Ngài không chấp trước gì cả, không mong cầu gì hết. Việc Ngài làm là cứu độ chúng sanh, nguyện cho tất cả chúng sanh ly khổ đắc lạc, liễu sanh thoát tử, thành tựu Phật Đạo. Ngài không mong cầu gì ở chúng sanh cả. Ngài mong cho chúng sanh có thể chân chánh hiểu rõ Phật-pháp, hết sạch tham, sân, si.

Khi niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, chớ nghĩ lãng xăng suốt ngày: "*Sáng ra chẳng ăn gì cả, tối lại cũng chẳng có trà uống, thật khổ quá mức! Chịu không nổi nữa rồi, mau mau cuốn gói chạy thôi!*"

Tu hành như vậy thật chẳng có giá trị gì cả!
(Giảng ngày 16 tháng 3 năm 1976)

tam bộ nhất bái

Hằng Cự và Hằng Do

Tiếp theo kỳ trước

Ngày 21 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Do viết:

Cơn gió hú thổi qua cây lá khiến chúng tôi thức giấc. Dù trời vẫn còn tối đen, nhưng chúng tôi đã lo thu dọn lều chõng, lần mò trở ra đường. Thầy Hằng Cự bị trặc lưng khi nhảy qua hàng rào, mặc dù vậy sư huynh tôi cũng ra tới được mặt đường vừa lạnh lẽo, vừa tối thui để bắt đầu lễ lạy.

Khi Hòa Thượng Hư Vân bắt đầu chuyển bái hương, có nhiều Tăng sĩ cũng tháp tùng theo Ngài. Nhưng chẳng bao lâu, vì mệt mỏi nên họ đã phải quay trở về. Bây giờ chúng tôi chỉ mới đi được có năm ngày thôi mà tôi cũng đã thấy rất rõ việc lễ bái một ngàn dặm (tức 1600 km) sẽ còn khó khăn hơn là tôi tưởng. Tin chắc rằng nếu như không phải vì Thầy Hằng Cự nhất quyết làm việc chánh đáng, nhằm đem lợi ích cho thế gian, thì chuyến đi này có lẽ sẽ bị dẹp qua một bên rồi.

Gió thổi mạnh làm gãy đổ những nhánh cây to nằm ngổn ngang trên đường. Tiếng nước mưa chảy âm âm vào cống rãnh, hòa vang cùng tiếng mưa rơi ào ạt. Chiều nay có ông cảnh sát đến khám xét, xem chúng tôi có phải là tội nhân vượt ngục, hay là bọn khủng điên. Ông bỏ đi với gương mặt thất vọng vì không tìm được lý do để bắt bớ. Chúng tôi căng lên tám lều đơn sơ gần lối quẹo ra vùng Bolinas.

Ngày 23 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Hôm nay chúng tôi lạy qua vùng Olema, một làng nhỏ nằm yên tĩnh phía trong bờ biển Point Reyes National. Tôi quên nhắc là trước đây đã có mấy gia đình từ tu viện vẫn thường đến và cúng dường những bữa cơm chay nóng hổi. Như gia đình Quả Đôn Schweig, Quả Dung Epstein và Quả Tả Linebarger, họ luân phiên đến với chúng tôi, mỗi lần chào mừng gặp gỡ là mỗi lần lý thú bất ngờ.

Trưa nay khi lạy ngang qua vùng đồng bằng hoang vu, có ông lão hành đơn độc cùng với con chó nhỏ gia nhập vào chuyến bộ hành kỳ hoặc của chúng tôi. Bây giờ chúng tôi ba người dựng lều dưới gốc cây sồi trên đất tư nhân, cách xa lộ khoảng một phần tư dặm. Chuyện kiếm chỗ dựng lều ở chung quanh vùng này vốn không gì dễ, nhưng Thầy Hằng Do lúc nào cũng tìm được chỗ. Cứ mỗi buổi chiều, khoảng nửa giờ trước khi tôi kết thúc lễ lạy, là Thầy đi trước để tìm chỗ. Hầu như mỗi tác đất chung quanh vùng này đều thuộc về tư nhân, nên việc lựa chọn địa điểm cũng rất găng. Lúc trước Thầy Hằng Do không tự chọn lấy mà chờ tôi đến để quyết định. Bây giờ sau bảy ngày trên đường, Thầy đã thay đổi hoàn toàn. Khi tôi vừa lạy tới nơi thì Thầy đã dựng lều xong, đôi khi nếu điều kiện cho phép, Thầy còn nhóm sẵn lửa lên nữa. Thật là một phần thưởng xứng đáng sau một ngày dài lễ lạy.

Quyết định sự việc là một phương diện quan trọng của sự tăng trưởng về tinh thần. Nhớ có lần ở Chùa Kim Sơn, khi tôi cố làm một cú quyết định, nhưng không ổn gì mấy. Lúc đó vừa mới làm chú Sa Di và còn sót lại bảy chục đồng, tiền tôi làm được khi chưa xuất gia. Số tiền này đã làm tôi nôn nóng như muốn đốt lũng túi, nên tôi chỉ muốn tiêu quách nó đi cho rồi. Chuyện xảy ra là vào một hôm khi tôi đang đứng ở hành lang trên lầu ba của Chùa Kim Sơn, cách phòng Sư Phụ khoảng một trăm bước (feet), tay đang mân mê số tiền trong túi áo và cố nghĩ cách sẽ làm gì với số tiền đó. Lúc đầu tôi định sẽ cúng hết vào chùa, nhưng lại có chút ý tưởng tham lam nổi lên:

"Có lẽ nên nhín lại cho mình một chút chớ! ờ, mà nên giữ lại bao nhiêu hờ?" Tôi nghĩ thầm như vậy, rồi cả một chuỗi dài ý tưởng suy tính, biện luận về tiền bạc cứ vậy mà nổi lên. Tôi đứng ù lì ra vì không thể quyết định được gì, trong khi tay cầm tiền thì rịn chảy mồ hôi càng lúc càng nhiều. Tôi cảm thấy mình giống như con lừa khùng đang bị điều đứng giữa hai bó cỏ khô ngon như nhau, rồi nổi cơn lên vì không biết nên ăn bó nào.

Đứng đó mà nhìn đầu óc mình đang chiến đấu, tôi chợt nghe từ xa tiếng cửa mở từ phòng Sư Phụ.

Hình như cánh cửa tâm tôi cũng đang được mở ra. Tôi biết ngay là Sư Phụ đã "rà đúng" ngay tôi rồi.

Sư Phụ có lần nói: "Khi một người có được thân thông về thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm và túc mạng thông, thì người đó sẽ không cần dùng đến truyền hình, radio, máy ra-đa, hay so-na gì hết. Vì tâm người đó đã không còn những vọng tưởng điên đảo, nên có thể thấu đáo một cách nhiệm mầu về tất cả mọi việc xảy ra trong vũ trụ, như mỗi tế bào trong cơ thể sẽ là một máy truyền hình và mỗi sợi tóc sẽ là một nút bấm điều khiển."

Lúc đó tôi nghe Sư Phụ lớn tiếng sai bảo điều gì cho một trong những Thầy người Mỹ đang đứng gần bên. Không đầy một phút, vị Thầy đó chạy dọc theo hành lang về phía tôi, vừa hớn hờ ve vẩy tờ giấy mười đồng vừa nói:

"Hằng Cụ! Sư Phụ muốn biết đệ có tiền lễ để đổi mười đồng không?"

Tôi đứng trân mình một lúc, không nói được lời nào, đầu óc như muốn vỡ tung. Vẫn như đang ngẩn ngơ, tôi lôi ra hai tấm giấy năm đồng và trao cho Thầy.

Thầy này nói: "Ủa! Mặt đệ sao giống như vừa mới gặp ma vậy!"

Tôi đáp: "Dạ! Thấy con ma của chính đệ đấy!"

Một vị Thầy có trí huệ sẽ dạy đệ tử theo nhiều trình độ khác nhau, điều này khó mà diễn tả được hết. Như về lãnh vực tư tưởng và ngôn ngữ chỉ là một khía cạnh của việc giảng dạy. Phải hiểu rằng một khi tâm thầy trò tương ưng như một, thì tất cả đều là phương tiện của sự giáo hoá. Tiếng đóng cửa bất thành linh vừa đúng lúc với sức đẩy cũng có thể là một cách rất tốt để một người trực nhận và bùng ngộ. Cũng vậy, tiếng điện thoại reo, tiếng ho khan, giọng cười gằn, sự làm lơ, sự quở mắng, lời khen quá đáng, những câu hỏi nan giải và nhiều phương pháp thiện xảo khác. Mặc dầu mới xem qua, chúng như có vẻ tầm thường, nhưng nếu sự việc xảy ra đúng lúc thì nó chính là dịp của mối liên hệ trực tiếp không chướng ngại giữa thầy và trò, thật không thể lầm lẫn được. (còn tiếp)



le sutra du merveilleux Dharma du lotus

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

ES PRINCIPES ILLIMITES. Avant de parler du Sutra du Dharma du Lotus, le Bouddha Sakyamuni avait auparavant parlé d'un Sutra appelé : « Les Principes Illimités ». Ces principes sont effectivement innombrables. Notamment,

- D'où vient l'infini ?
- Il vient du fini.
- Et d'où vient le fini ?
- D'un seul principe.
- D'où vient le seul principe ?
- Il vient du Néant.
- D'où vient le Néant ?
- Il vient de la réelle vérité.

On dit donc que : « La vérité réelle est sans tache ». Les principes illimités viennent des principes limités et les principes limités viennent d'un seul principe, le principe fondamental. D'où vient le principe fondamental ? Il vient du néant, principe irréel, celui-ci vient du principe de la vérité réelle.

Le principe réel est sans tache. Quelle réalité n'a-t-il pas eue. Il n'a pas de réalité de naissance ni celle de mort. « Le signe réel est aussi sans tache » car il n'a pas de vérité du Nirvana. Absence de réalités de naissance ni de mort ni du Nirvana, c'est la vraie réalité.

Il n'y a pourtant rien qui ne soit pas marqué par elle. Par exemple, les principes illimités, tous proviennent d'elle, de la vraie réalité. Pour cette raison, le Sutra de Principes Illimités est aussi le Sutra des Principes de la Vraie Réalité.

D'où vient l'unité. Elle vient de l'absence de l'unité. Au fond, il n'y a pas d'unité, mais délibérément, l'être humain s'oblige à en créer une. Même lorsqu'il n'y a rien à faire, il sort et trouve le moyen de s'occuper. Au fond, il n'y a absolument pas de problème mais les gens s'affairent pour en trouver pour s'en s'occuper.



Quelle est la fonction du Sutra des Principes Illimités exposé par le Bouddha ? C'est un Dharma destiné à instruire les Bodhisattvas, une méthode d'enseignement et de transformation, leur apprenant également comment pratiquer la voie du Bodhisattva. Les Bodhisattvas étudient la Doctrine du Grand Véhicule dont le Bouddha EST PROTECTEUR et auquel il est particulièrement attentif. En réalité, le Bouddha n'avait pas l'intention de parler de ce Dharma et il demeurerait silencieux un

long moment. Il préférerait ne pas en parler, étant protecteur et attentif à l'égard de cette Doctrine du Grand Véhicule, il n'avait pas l'intention d'en parler. Pourquoi ? Car s'il en prêchait, cela pourrait semer le doute dans l'esprit des gens qui risquaient ainsi de perdre leur croyance. Car cette doctrine ne correspondait pas à leur aptitude. Puisqu'elle était inappropriée, le Bouddha avait longtemps hésité avant de parler de cette Doctrine. Ceci a été une discussion à propos du premier des six miracles, l'expression du Dharma.

Sutra :

Après avoir parlé de ce Sutra, le Bouddha se mit en posture du lotus et entra dans le Samadhi, la base des principes illimités, corps et esprit impassibles.

Commentaire : Il s'agit du deuxième miracle, celui de l'entrée dans le samadhi. APRES AVOIR PARLE DE CE SUTRA : Après que le Bouddha Sakyamuni ait parlé de ce Sutra. De quel Sutra s'agissait-il ? Était-ce le Sutra du Dharma de la Fleur ? Non c'était le Sutra des Principes Illimités qui traite la Doctrine enseignant aux Bodhisattvas les principes protégés et surveillés par le Bouddha. Ayant achevé l'exposé du Sutra, il aurait pu prendre une pause. Mais il ne se reposait pourtant pas. IL SE MIT EN POSTURE DU LOTUS. La posture du lotus peut être une posture du plein lotus ou du demi-lotus selon que les deux jambes ou seulement l'une des deux se pose sur la cuisse opposée. Pourquoi s'asseoir en posture du plein lotus ? Cette position nous aide dans la pratique de la voie. La posture du lotus est appelée aussi la posture du Vajra.

Vous avez sans doute tous entendu raconter le récit d'une apparition du démon au Maître du Dharma, aussi je n'ai pas besoin de le répéter maintenant, mais je vais parler de la position du plein lotus.

En pratiquant le Ch'an, si vous vous asseyez en plein lotus, vous risquez moins de vous assoupir. C'est le premier avantage. Que veut-on dire par assoupissement ? Il veut dire que vous pouvez vous asseoir tout en sommeillant ! Lorsque vous vous mettez en posture du plein lotus, vous ne vous renverserez pas car elle crée un véritable équilibre en dessous de votre corps. Elle favorise votre pouvoir de Samadhi. On médite en espérant obtenir le pouvoir de Samadhi; la position du lotus est utile à cet égard. Lorsque votre pouvoir de Samadhi naît, votre pouvoir de sagesse augmentera aussi, car la sagesse vient du pouvoir de Samadhi. Le pouvoir de Samadhi vient du pouvoir des préceptes. Lorsque vous vous mettez en posture du plein lotus, droit et calme, vous

atteignez votre propre substance des préceptes. Le Samadhi vient des préceptes, la sagesse vient du Samadhi. Les préceptes, le Samadhi, et la sagesse, les trois entraînements supérieurs, naissent de la posture assise du plein lotus.

Autre chose : lorsque vous vous mettez en posture du plein lotus, tous les dieux et les dragons, ainsi que le reste de l'assemblée octuple vous protègent des démons déviants des voies extérieures, des démons bizarres et des esprits étranges. Tous les rois démons restent à distance : ils s'enfuient au loin. Ainsi la posture assise en plein lotus est l'un des facteurs les plus importants dans la pratique de la voie.

Lorsque j'étais en Mandchourie se produisit l'événement suivant. A l'époque vivait un maître d'une voie non bouddhiste qui avait plus de trois mille disciples. Il savait lui-même qu'il n'avait aucun karma de la voie, aucun pouvoir spirituel. Pour cette raison, il allait partout chercher la voie. Bien entendu, il prenait soin de ne pas laisser transparaître ce fait car si jamais son insuffisance était connue de ses disciples, ceux-ci ne lui accorderaient plus leur confiance. Il enseignait donc une branche du Dharma de la voie non-bouddhiste et voyageait en même temps partout à la recherche de la voie. Il poursuivait cette recherche pendant deux ou trois ans mais ne réussissait toujours pas à rencontrer un bon ami spirituel. Enfin il m'a rencontré. Comment cela s'était-il passé ? Je l'avais connu auparavant mais je l'avais perdu de vue pendant longtemps. J'avais fait sa connaissance au moment où j'accomplissais mon devoir filial auprès de la tombe de ma mère. Un jour, je lui rendais visite. La veille, son neveu avait fait un rêve. Celui-ci ne m'a jamais rencontré auparavant mais lorsqu'il me vit dans son rêve, sans savoir pourquoi, il voulait chercher la voie en moi. Son nom était Kuan Chan Hai. Toujours dans ce rêve, je lui disais : -Vous ne pouvez pas trouver la voie. Vous ne pouvez pas cultiver la voie. Pourquoi ? Parce que vous portez la peau de châtiments sur votre corps, la peau pleine de karmas. (à suivre)

le sutra shurangama

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

Sutra :

A la vue du Bouddha, Ananda se prosterna et pleura tristement, regrettant d'avoir consacré tout son temps dans l'érudition et négligé quant au perfectionnement de la voie. Il sollicitait respectueusement et à plusieurs reprises une explication des moyens de base des merveilleux Samatha, Samapatti et Dhyâna, au moyen desquels les Tathagathas des dix directions avaient réalisé le bodhi.

Commentaire : Le Bodhisattva Manjusri avait utilisé le Mantra Shurangama pour secourir Ananda; sur le chemin de retour, à un certain moment une petite brise se leva frôlant légèrement leur visage réveillant Ananda de son rêve, ils arrivèrent au Bosquet de Jeta.

A la vue du Bouddha, Ananda se prosterna et se mit à pleurer tristement. Son chagrin était extrême.

Sa douleur jaillissait du plus profond de son être et il pleurait silencieusement de remords. Le plus beau terme dans cette partie du texte était le mot remords, parce qu'il indiquait qu'Ananda fut éveillé. S'il n'avait pas été plein de regrets, alors en retournant au Bosquet de Jeta il ne serait pas aussi sincère et honnête à propos de ce qui lui était arrivé. Il se serait retourné à l'endroit où se trouvait

le Bouddha et aurait agi comme si rien n'était arrivé. Ce qui était bon chez Ananda c'est qu'il ne cherchait pas de prétexte pour dissimuler sa faute. Il retourna, se tint devant le Bouddha et se prosterna, sans aucun prétexte, parce qu'il savait qu'il devait corriger ses fautes et changer ses manières. Il demanda au Bouddha de lui enseigner les nouvelles voies. Grâce à quoi, il réaliserait plus tard l'éveil.

Non seulement durant cette vie présente, mais depuis plusieurs éons passés, depuis le temps où Ananda avait été un être humain, personne ne pouvait préciser le commencement de ces temps, il s'était consacré entièrement à l'érudition. Vie après vie, il s'était concentré sur ses études, résultat, il avait développé son grand pouvoir d'érudition et sa mémoire prodigieuse mais il avait négligé de développer son pouvoir de Samadhi, n'avait pas perfectionné cette force dans la voie.

C'est pourquoi son pouvoir de Samadhi était très faible, extrêmement

immature.

Heureusement, le Bouddha

Sakyamuni l'avait secouru, alors il se jeta à genoux par terre complètement soumis de corps et d'esprit, se

prosternait respectueusement maintes et maintes fois, sans le moindre repos.

Il demandait au Bouddha Sakyamuni d'expliquer le principe grâce auquel les Tathagathas des dix directions avaient réalisé le Bodhi. Il ne demandait pas aux Tathagathas, aux « Ainsi Venus » des dix directions de lui expliquer. Vous ne devriez pas mal interpréter le texte à ce point.

*Si on me voit à travers la forme
Si on me cherche dans le son
On pratique une voie déviante
Et ne peut pas voir le Tathagatha.*

Si Ananda demandait aux Bouddhas des dix directions d'expliquer, que ferait le Bouddha Sakyamuni à ce moment là ? Ananda était le disciple du Bouddha Sakyamuni. Aurait-il ignoré qui était devant lui et serait-il allé chercher au loin les Bouddhas des dix directions ? Non. Le texte veut dire qu'il tournait vers le Bouddha Sakyamuni et lui demandait d'expliquer la doctrine sur laquelle les Tathagathas des dix directions se sont basés pour devenir éveillés. Ananda ne savait pas quelle méthode il devait appliquer pour réaliser l'état de Bouddha mais il avait entendu parler des trois genres de Samadhi : Samatha, Samapatti et Dhyâna. Alors, il les mettait tous sur table et les a considérés comme extrêmement merveilleux.

Dès que le s Bouddha Sakyamuni entendit sa demande, il savait qu'Ananda ignorait encore le Samadhi qui a aidé les Tathagathas à réaliser la Bouddhéité. Et quel est ce Samadhi ? C'est le Samadhi du Shurangama. C'était simplement parce qu'Ananda ne comprenait pas la branche du Dharma du Shurangama qu'il continuait à se poser beaucoup de questions comme décrit le texte en dessous.

Les moyens de base. Ananda voulait connaître, comme tout débutant, tous les moyens de base, les méthodes les plus simples pour commencer à pratiquer la Voie.

Certaines personnes avaient immédiatement des préjugés. "Ananda se concentrait sur l'érudition et a failli tomber. Disaient-ils. Donc, inutile d'étudier, je vais pratiquer exclusivement le Samadhi, et je laisse tomber l'étude comme lui." Cette vision unilatérale n'est pas en accord avec la voie du juste milieu qui ne nous pousse au loin ni à droite, ni à gauche, ni devant, ni derrière. Ananda avait des préjugés parce qu'il se concentrait sur l'étude et négligeait le Samadhi. Mais si vous vous concentrez exclusivement sur le Samadhi et négligez l'étude, votre sagesse ne se développera pas. Vous devez étudier pour développer votre compréhension et vous devez aussi pratiquer pour avoir le Samadhi, l'étude et la pratique doivent s'intégrer. Dans la salle de conférences, vous étudiez les Sutras et vous méditez. Concentrez

vous sur le Bouddhadharma, ne laissez pas votre esprit errer au Nord, au Sud, à l'Est, à l'Ouest. Ne gaspillez pas votre temps précieux. Ne bavardez pas à tort et à travers, ne faites pas des choses qui ne sont pas bénéfiques. Vous ne pouvez pas faire des carrés et des cercles si vous ne possédez pas une règle et un compas et de la même façon, vous devez suivre les règles dans votre pratique quotidienne. Dans la salle de méditation quand l'éclisse en bois sonne trois fois, c'est le signal d'arrêter tout et de rester tranquille. Pendant ce moment, personne ne devrait parler. Ceux qui parlent peuvent recevoir un coup de pilon orné du Bodhisattva Wei T'o.

"Il ne m'a pas encore frappé." Dites-vous car il n'était pas encore en colère. Mais quand il se met en colère, les choses deviennent vite sérieuses. Tout le monde devrait prendre garde de bien suivre strictement les règles. Quand les règles sont suivies, il peut y avoir des réalisations réussies. Ne soyez pas trop à l'aise.

Les gens dans cette assemblée, en général, se comportent très bien mais au cas où certains auraient pu oublier les règles, je pourrai les leur rappeler. Durant l'étude du Sutra Shurangama, tous devraient s'y appliquer et méditer. Si vous le faites, je peux vous garantir qu'il y aura une réponse positive et vous aurez quelque réalisation. Si ce n'était pas un grand Eveil, ce serait certainement un petit éveil. Vous ne raterez pas le mérite et la vertu. Si vous êtes sincère et résolu pendant la durée de l'étude et de la pratique, vous gagnerez certainement des avantages. Je vous en garantis. Cependant, si vous ne suivez pas les règles, vous serez comme le Mongol qui va à l'opéra, vous perdrez tout entièrement. Quand quelqu'un est déconnecté, les Chinois utilisent cette expression disant qu'il est comme le Mongol qui va voir un opéra chinois et quitte la salle sans avoir compris un mot de ce qui a été dit. La seule raison de votre présence ici c'est : étudier le Dharma, et cela me rend si heureux que même si je dois souffrir dans la dure pratique, cela ne me fait pas peur.

(à suivre)

le mantra shurangama

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

Mantra :

Les bonnes actions du Seigneur de la Terre dans le passé lui permettent de bénéficier de sa haute position actuelle. En plus les gens l'admirent, protègent et le soutiennent. Comment fait-on pour devenir le Seigneur du ciel ? Est-il élu ? Il n'en est pas ainsi. C'est une manifestation de ses rétributions karmiques. Comment s'était-il passé ? Il y a des éons illimités, il existait une femme pauvre qui travaillait comme domestique chez les gens. Un jour elle vit un temple délabré, à l'intérieur, la statue du Bouddha écorchée. La vue du Bouddha écorché et écaillé lui faisait beaucoup de peine. Aussi, elle a décidé de la réparer. Elle a réussi à réunir trente deux femmes intéressées par le projet de rénovation du temple et de la restauration de la statue du Bouddha. Ensemble, elles allaient recueillir des dons. Celle qui dirigeait l'oeuvre méritoire parvint au but et finalement le temple fut réparé et la statue du Bouddha redorée. Le mérite et la vertu qu'elle en tirait lui ont permis de renaître dans les cieux après sa mort. En réponse de son bon karma, elle devint le seigneur du ciel Trayastrimsha, l'un des trente trois cieux. Les trente deux autres femmes devinrent les seigneurs des trente deux autres cieux qui groupent huit à l'est, huit au sud, huit à l'ouest, huit au nord. Elle, en tant que chef, est le seigneur des trente trois cieux. Ce seigneur surveille d'innombrables créatures. Il est le seigneur des cieux, alors les gens le respectent, comme ils respectent le seigneur de la terre. Il est le roi des Trois Mondes. Il est appelé le Seigneur Capable. Il portent cent et huit noms. YIN TWO LA, Indra, est un des ses noms. Indra se traduit comme Respecté, parce que tous les dieux et les gens lui témoignent du respect. Il y a du mérite et de la vertu accumulés dans la construction des temples ou la redorure des statues du Bouddha. Le seigneur du ciel atteignait ce poste pour avoir construit le temple et redora la statue du Bouddha.

La récitation de la première ligne du Mantra jusqu'à cette ligne, NA MWO YIN TWO LA YE, peut nous aider à nous débarrasser des démons célestes, des esprits et des êtres étranges. Mais encore faut-il faire preuve de vertu de la voie et de pratique assidue afin que le Mantra soit efficace lorsque vous le récitez. Si vous ne faites pas preuve de pratique et de vertu de la voie, alors quel que soit le Mantra que vous récitez, il ne sera pas nécessairement efficace. Pourquoi en est-il ainsi ? C'est parce que si vous ne pratiquez pas et vous n'avez aucune pratique vertueuse, alors les esprits du Mantra ne vous écouteront pas. Comme ils ne vous écouteront pas, alors quel que soit le Mantra que vous récitez, c'est juste comme s'ils ne l'entendaient pas. Alors ils n'offriront pas leur conduite. Depuis quelques années, nous avons commencé à réciter tous les matins ces vingt-neuf premières lignes du Mantra Shurangama. Pourquoi l'avons-nous fait ? Nous avons fait ceci dans le but de purifier le monde du Dharma, purifier le lieu de la pratique sur plusieurs centaines de kilomètres à la ronde, la région entière serait toujours pure et propice. Au début, lorsque je vous ai enseigné à réciter ce Mantra, aucun d'entre vous ne connaissait le résultat qu'il pourrait produire. Mais vous ne devez pas être au courant du pouvoir d'un Mantra lorsque vous le récitez. Parce que si vous le connaissez, quand vous le récitez vous ne vous concentrez pas. Cette ignorance est vraiment merveilleux. Ce qui est merveilleux réside dans le fait que vous l'ignorez. Une fois que vous le connaissez, il n'est plus merveilleux. Merveilleux signifie inconcevable. Ce que vous savez est concevable. Ainsi, pour protéger le côté merveilleux du Mantra, je ne vous ai pas révélé sa fonction au début. Vous devez juste savoir que les Mantras ont un pouvoir inconcevable. Il en est de même dans le fait de manger. Nous savons que manger a un certain pouvoir. Quel est ce pouvoir ? Celui de

savoir que : après avoir mangé, vous n'avez plus faim ! C'est une chose que nous savons parfaitement car si nous ne savions pas que nous n'aurions plus faim après avoir mangé, personne ne mangerait. C'est parce que nous savons qu'après avoir mangé, nous n'avons plus faim, et ce faisant. Sans savoir si la nourriture est bonne ou non ou comment elle se digère, fondamentalement, vous savez que si vous mangez, vous êtes rassasié. Le même principe s'applique au fait de se vêtir. Réciter les Mantras est aussi analogue.

NA MWO YIN TWO LA YE. Le seigneur du ciel, le vrai dieu ou Indra ou d'après le sutra d'Amitabha, Shakra Devam Indra. Shakra veut dire capable. Indra signifie seigneur. Le nom entier signifie Capable d'Être le Seigneur du Ciel. Si vous expliquez ceci aux catholiques, ils diraient : Eh bien, ce seigneur du ciel dont vous parlez n'est pas notre Dieu.

Alors de quel dieu s'agit-il ? Comment savez-vous qu'il n'est pas ce dieu ? S'il n'est pas le seigneur du ciel, alors il doit y avoir deux seigneurs du ciel. Alors j'aurai un seigneur du ciel et vous auriez un seigneur du ciel. S'il y avait deux seigneurs du ciel, il y auraient donc un vrai seigneur et un faux seigneur. Lequel est faux et lequel est vrai ?

- Le mien est vrai, dites-vous.
- Comment savez-vous que le vôtre est vrai ?
- Je crois que le mien est vrai.
- Eh bien, je dis aussi que le mien est vrai.

- Alors, je redis : Lequel est vrai ? On s'embrouille. Lequel est vrai et lequel est faux. Je n'ai jamais vu Dieu et vous non plus. Alors pourquoi disputons-nous ? Si Dieu est vrai ou faux, ce n'est pas à nous d'en décider. Parce que si vous dites qu'il est vrai et qu'en réalité il n'est pas vrai, il n'y a rien que vous puissiez faire pour le rendre réel. Et, si vous dites qu'il est faux et qu'en réalité il n'est pas vraiment faux, alors il n'y a rien que vous puissiez faire pour le rendre faux. Les gens inventent fortuitement une image du dieu avec des mots et de l'imagination. Comment peuvent-ils savoir à quoi ressemble Dieu ? Ils LE harcellent sans cesse, en revendiquant que celui-ci est faux et que celui-là est

vrai, jusqu'à ce que le seigneur du ciel éclate de rire et s'exclame : Holà, mes enfants, que vous êtes imbéciles ! Vous ne pouvez pas dire aux catholiques que Shakra est l'unique et tout puissant seigneur du ciel. Ils le nieraient et ne l'accepteraient jamais. Car ils n'en savent rien, donc ils n'y croient pas. Il en est de même pour les bouddhistes. Ceux-ci ont foi en Bouddha et LE soutiennent comme étant leur Dieu. Il est donc normal qu'ils disent que leur Seigneur est bon, réel, authentique, qu'il est tout puissant et que le vôtre est faux, le vôtre est irréal. Ceci est l'attachement propres aux êtres vivants. Le Seigneur Dieu c'est le Seigneur du Ciel, le vrai Dieu, mais c'est aussi Indra parce qu'Indra est le seigneur. Qu'est-ce qui est vrai ou faux dans la nature du seigneur ? Ecoutez-bien ceci. Il ne s'agit là d'une apparence provisoire. Il est un Grand Bodhisattva, Le Seigneur du Ciel, qui pratique la voie du Bodhisattva. Dans l'intérêt

du vrai Bouddhadharma, Il se sert du Dharma provisoire et enseigne aux gens à croire en Jésus, en Dieu et à croire aux

esprits terrestres et aux dieux de la ville. C'est juste une méthode d'enseignement pour vous aider à avancer pas à pas. Pour parvenir à l'éveil réel, il utilise d'abord le Dharma provisoire pour vous enseigner. Il est un Grand Bodhisattva.

Accomplissant de bonnes actions, accumulant des mérites, il pratique les six Paramitas. Dans le passé, le Seigneur du Ciel accumulait des mérites en pratiquant à la perfection les six Paramitas : le don, l'éthique, la patience, la persévérance, le Samadhi du Dhyâna et la sagesse.

Les dieux dans les cieus, le Grand Seigneur Brahma, toute l'assemblée des aryas lui témoignent beaucoup d'estime et de respect, il est donc insensé que vous vous disputiez à propos de votre croyance en Dieu ou en Bouddha puisque il s'agit de la même personne. (à suivre)

*Avec les réalités tout faux et vide
Si vous voyez toutes les réalités
comme non réalités
Alors vous voyez le Tathagatha.*

Le mantra de la grande compassion

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français: Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Les vœux sont des promesses sacrées et toutes les personnes qui étudient le bouddhisme devraient en faire. Ils sont importants parce que sans vœux vous n'auriez pas de directives. Comme si vous prenez la route sans savoir si vous marchez dans la bonne direction. Si vous faites un vœu, vous serez guidé comme tout voyageur a besoin d'un guide.

Pourquoi tous les Bouddhas et Bodhisattvas formulaient-ils des vœux en pratiquant la voie ? Car en formulant des vœux, ils doivent s'y conformer. Par exemple, le bodhisattva Ksitigartha a formulé d'immense vœux suivants :

“ Tant que les enfers ne sont pas vidés
Je jure de ne pas devenir un Bouddha
Quand tous les êtres vivants seront sauvés,
Je certifierai le fruit le Bodhi. ”

Le pouvoir des vœux est extrêmement grand. Nous devrions aussi en faire autant conformément la pratique de la voie.

38. E la shen fwo la she li

E La Shen veut dire “ le roi du Dharma de la roue tournante ”. C'est le grand roi qui tourne la roue du Dharma en proclamant continuellement le merveilleux grand véhicule du Dharma. Les doctrines que vous expliquez quand vous interprétez ce Dharma sont extrêmement profondes, subtiles et merveilleuses. N'importe qui ne peut parler d'un tel subtil et merveilleux Dharma, mais vous êtes capable de l'expliquer en détail. C'est l'explication de cette phrase.

Ceci est « la main et l'œil » de la transformation du Bouddha. Vous devriez pratiquer ce dharma ainsi vous aurez une chance de naître auprès des Bouddhas et d'être leur disciple.

Plusieurs interprétations du Mantra de la grande compassion peuvent être données d'une façon erronée. Par exemple, on considère chaque « main et œil » comme un Bodhisattva. C'est une grave erreur, car en s'écartant d'un millième de millimètre du vrai sens, on commet une grave erreur. Pourquoi ? Il n'y a absolument pas de pareils bodhisattvas. Vous pouvez lire le Tripitaka en entier du début jusqu'à la fin et vous n'y trouverez pas un Bodhisattva nommé “ Bouddha de la transformation à la couronne ”. Vous pourriez dire que le Bodhisattva pratiquait comme l'indiquait la « main et œil » du Bouddha à la couronne, mais ne confondez pas le Bouddha à la couronne avec la main et œil du Bodhisattva. Si vous comprenez ainsi, vous commettez une grave erreur. Vous ne pouvez pas dire “ que c'est la main et l'œil du bol orné du Bodhisattva ”, vous pouvez seulement dire que c'est la main et l'œil du bol orné pratiqué par le Bodhisattva. Le bol orné, en d'autres termes n'est pas le nom d'un Bodhisattva. Dans le commentaire du mantra de la grande compassion qui est arrivé récemment de Hong Kong, les quarante deux mains étaient traduites comme les noms de quarante deux Bodhisattvas. C'est faux. Les quarante-deux mains représentent les pratiquent des Bodhisattvas. Les étudiants de l'enseignement du Bouddha devraient retenir ceci et ne pas déclarer les faits qui ne sont pas basés sur des faits réels. En expliquant l'enseignement du Bouddha, vous devriez avoir des connaissances de base bien solides sinon vous commettez de graves erreurs regrettables.

« E La Shen » est « la main et l'œil de la transformation du Bouddha qui l'a pratiqué ». “ De quel Bodhisattva s'agit-il ? ” Vous vous demandez. C'est celui qui pratique les quarante-deux mains et yeux d'un Bodhisattva. Si vous pratiquez les quarante-deux mains et yeux avec

succès, vous pouvez certifier le fruit de Bodhisattva. « Fwo La She Li » veut dire “ les germes du corps illuminé ”. C’est la main et l’œil des perles de récitation pratiquée par le Bodhisattva. Lorsque le Bodhisattva pratique « cette main et œil », les Bouddhas des dix directions viendront rapidement conférer une prédiction sur lui et l’emmèneront dans les terres des dix directions afin qu’il puisse réaliser la Bouddhité.

39. Fa sha fa shen

« Fa Sha Fa Shen » se traduit de trois façons : “ parole joyeuse, sourires joyeux ”, “ le grand héros ” et “ chevalier sans égal ”. Ceci est « la main et l’œil de l’arc orné de bijoux ». Quand vous la pratiquez, si vous êtes dans le monde des profanes, vous pouvez devenir un grand homme et si vous faites partie de la communauté des moines, vous pouvez réaliser le fruit d’Arahatship.

40. Fwo la she ye

Dans Fwo La She Li, She Li avait la signification de “ germes du corps », dans cette phrase, cela signifie “ éléphant ». Quand votre cœur est éveillé, vous êtes le prince éléphant ce qui veut dire le prince du Dharma. Vous pouvez être le très grand roi du Dharma de la porte qui s’ouvre à tous les Dharmas. La signification générale de cette phrase du mantra est “ grand et vaillant prince éléphant au cœur illuminé ”.

La phrase Fwo La She signifie “ le corps originel du Bouddha Amitabha ». Le Bouddha Amitabha est le maître du Bodhisattva qui écoute les sons provenant du monde Saha. Puisque le Bodhisattva respecte toujours son maître, il lui présente ses respects en parlant du mantra de la grande compassion. Dans cette phrase, le Bouddha Amitabha émet de la lumière pour illuminer celui qui récite le mantra.

Fwo La She Ye est « la main et œil du lotus pourpre ». Dans les quarante-deux mains et yeux, il y a « une main et œil » du lotus blanc, une autre pour le lotus bleu, une pour le lotus pourpre et une autre encore pour le lotus rouge. Quand vous pratiquez la main et œil du lotus pourpre, vous pouvez rencontrer les Bouddhas des dix directions. C’est pour cette raison que « la main et œil » pourpre est extrêmement important.

41. Hu lu hu lu mwo la

Cette phrase signifie “ Pratiquez le Dharma qui vous convient ». Elle veut dire aussi “ Tout Dharma n’est pas séparé de moi. ” C’est la main et œil de la bague de jade. Notre pratique des quarante-deux mains et yeux est appelée “ Pratiquez le Dharma qui vous convient ” signifie en conformité avec nos désirs venant du cœur. Quand nous accomplissons cette main et œil, nous pratiquons “ selon notre cœur, notre volonté ”.

“ L’œuvre du Dharma n’est pas séparé du moi ” ce qui signifie : c’est moi-même qui dois pratiquer. On doit le faire soi-même. Quand je pratique le Dharma, le Dharma n’est pas séparé de moi et je ne suis pas séparé du Dharma. Le Dharma et Moi sommes unis. Comme il n’y a ni Dharma, ni Moi donc les deux attachements du moi et du Dharma sont vides.

Il n’y a pas d’attachement du moi ni du Dharma. C’est ce qui est spécifié par “ ne pas séparer du moi ». La main et œil de la bague de jade, une fois pratiquée, peut faire obéir tous les êtres vivants qui pratiqueront tout Dharma que vous leur proposerez.

42. Hu lu hu lu syi li

Cela signifie “ pratiquer le Dharma sans pensée et à l’aise ». “ A volonté ” du Hu Lu Hu Lu Mwo La interprété comme “ la volonté ” ou l’esprit ”. Avec Hu Lu Hu Lu Syi Li aucune pensée n’existe quand vous pratiquez le Dharma. Même si une pensée surgit, celle-ci ne sera pas fautive et vous pouvez donc pratiquer le Dharma à l’aise et devenir celui qui écoute à l’aise c’est-à-dire comme le Bodhisattva qui écoute à l’aise les sons des êtres vivants.

Cette phrase du mantra est « la main du bol orné », la troisième des quarante-deux mains. Cette « main et œil » peut soulager les souffrances des êtres vivants.

Parfois pour guérir les malades, les moines récitent le mantra de la grande compassion dans un verre d’eau et leur donnent à boire. Certains sont guéris, d’autres non. Cela dépend de vos causes et conditions. Si les conditions sont bonnes, quand vous buvez cette eau de la grande compassion, vous pouvez vous guérir et vous vous mettez à croire en le Bodhisattva qui écoute les sons du monde. Si vous n’êtes pas guéri, vous ne croiriez pas en lui. (à suivre)

Le Sutra du Vajra Prajna Paramita

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Néanmoins, je travaillerai même plus dur. En acceptant cette offrande je dois m'efforcer de pratiquer davantage. Je dois toujours progresser. Ayant obtenu le premier fruit d'Arhatship, je dois progresser pour obtenir le second fruit, puis le troisième; parvenu au troisième fruit, je chercherai à atteindre le quatrième. Je dois avancer avec beaucoup de rigueur."

3) Abstenez-vous de tout excès de cupidité qui est à l'origine de toute maladie. A table, ne soyez pas trop gourmands, ne mangez pas trop, ne vous bourrez pas. La maladie vient souvent de la bouche. Si vous mangez trop lorsque la nourriture est bonne, votre estomac déborde de nourriture, il se fatigue, il est donc évident que vous souffrirez d'une indigestion ou d'un gastro-entérite.

4) Mangez pour maintenir votre bonne forme pour survivre. Considérez la nourriture comme une sorte de médicament afin de garder votre corps en bonne santé.

5) C'est pour mettre fin à mon karma que j'accepterai cette nourriture. Demandez-vous vous-même, "Pourquoi est-ce que je mange ? Puis dites-vous ceci, "parce que je veux pratiquer et réaliser ma vocation qui va m'aider à devenir un Bouddha."

En recevant des offrandes, les membres du Sangha doivent se garder de ne pas se montrer trop cupides, trop arrogants ; et pas de rancune quand les gens n'offrent pas des dons. Même si vous mourez de faim, vous devriez pratiquer la voie. Mourir de faim au cours de la pratique est la victoire la plus grande, et le plus digne de tous les sacrifices. Alors ne craignez pas de la famine.

Partout où se trouve le Sutra, il y a la présence du Bouddha, du corps Dharma du Bouddha. C'est le Sarira du Bouddha. Par conséquent, le Sutra lui-même est le corps du Dharma du Bouddha, le Sarira,... Ou un disciple du Bouddha plein de

vénération. Tous ceux qui voient le Sutra doivent le respecter tout comme un disciple respecte son maître. Tout disciple respectant son maître, doit respecter le Sutra. Respectant le Sutra comme respectant son Maître. Un bon disciple ne doit absolument pas faire la différence entre le Sutra et le Bouddha.

Volume II

Pourquoi ? Le Dharma que vous comprenez vient de votre Maître.

Le Dharma du Maître vient du Sutra. Ils sont en même temps trois et un, un et trois. Ne faites pas l'erreur en disant : "Le Sutra est mon Maître, alors je n'ai pas besoin d'un autre Maître!" Si vous renoncez à votre Maître alors le Maître qui est le Sutra disparaît aussi.

13. Recevant et tenant "Ainsi" Le Dharma.

Puis Subhuti dit au Bouddha, "Seul Honoré du Monde, qu'est ce que le Sutra devrait être nommé ? Comment devrions-nous le respecter et le maintenir ?"

Sutra :

Le Bouddha dit à Subhuti : "Le nom du Sutra est Vajra Prajna Paramita. Vous devriez le respecter et le maintenir ainsi". Et pourquoi ? Subhuti, le Prajna Paramita était prêché par le Bouddha comme si aucun Prajna Paramita n'a été prêché par le Bouddha, par conséquent il est appelé Prajna Paramita.

« Subhuti, qu'en pensez-vous ? Y a-t-il un Dharma prêché par le Tathagata ? »

Subhuti dit au Bouddha. « Seul Honoré du Monde, rien n'a été prêché par le Tathagata ».

« Subhuti qu'en pensez-vous ? Tous les atomes de poussières sont-ils nombreux dans les trois milliers de grands milliers de systèmes du monde ? »

Subhuti dit : « très nombreux, seul Honoré du Monde. »

« Subhuti, tous les atomes de poussières ont été parlés par le Tathagata comme s'ils n'ont pas été parlés par le Tathagata, par conséquent ils sont appelés les atomes de poussières. Les systèmes du monde ont été parlés par le Bouddha comme s'ils n'ont pas été parlés par le Bouddha, par conséquent ils sont appelés les systèmes du monde. »

Après, le Bouddha dit : « Partout où se trouve le Sutra, il y a un Bouddha ou un disciple du Bouddha plein de vénération », Subhuti demande au Bouddha quel devrait être le nom du Sutra. “Comment tous les Arhats, les Auditeurs, et les illuminés aux conditions, aussi bien que les êtres vivants du futur devraient-ils rendre hommage au Sutra ?”

Le Bouddha dit : « Son nom est Vajra Prajna Paramita. »

Commentaire : VAJRA a trois significations : indestructible, lumineux et capable de tout couper. Vajra est si indestructible qu'il ne peut être jamais être détruit, mais par contre il peut lui-même tout détruire.

“Si Vajra détruit tout, alors je n'aurai rien, à quoi cela servira-t-il ?” Vous pouvez vous demander.

La raison qui vous empêche de réaliser la Bouddhité est justement que vous “avez tout”. Si vous n'aviez rien, vous pourriez atteindre la Bouddhité. “Tout” se reporte à vos attachements. Toutes ces choses auxquelles vous ne pouvez pas mettre fin et donc vous ne pouvez vous séparer.

Quel est l'origine de toutes ces choses ?

Elles viennent des connaissances de l'existence des réalités. Tout ce qui est réel possède une forme, une apparence donc changera et disparaîtra. Ce qui n'est pas réel est sans forme ni apparence ne changera ni ne disparaîtra. Personne ne peut détruire ce qui n'est pas réel. Pas de réalité donc pas de pensée, et pas de pensée c'est la substance fondamentale des dix mille Dharmas. Si vous pouvez atteindre la réalisation de la pensée inexistante vous êtes retourné à l'origine.

Le Vajra indestructible est capable de trancher toute pensée réelle mais pas la pensée inexistante, irréelle. Il est si dur qu'il est capable de démolir toutes les réalités existantes. Toutes les réalités sont conditionnées donc soumises aux échappements. La pensée inexistante peut détruire les pénétrations spirituelles des démons célestes et ceux des voies hétérodoxes parce que leurs pénétrations spirituelles sont réelles. S'ils avaient atteint l'état de la pensée non existante, ils ne seraient pas des démons célestes ni ceux des hétérodoxes. Mais puisqu'ils sont pourvus de pensée réelle, ils existent en forme, créent des lois avec échappements, et sèment des causes avec écoulements. La dureté du Vajra peut enfoncer toutes ces lois écoulements et ces causes.

Le Vajra est lumineux. Sa lumière peut dissiper toute obscurité. Il est capable de tout couper. Un couteau tranchant peut tout couper d'un seul coup, alors qu'un couteau non tranchant doit avoir beau scier n'arrive toujours pas à couper.

Les fonctions du Vajra ressemblent à celle d'une lame tranchante capable de trancher les déviations pour dévoiler l'orthodoxe. Le Vajra démolit toute connaissance déviante, celles des démons célestes et hétérodoxes, coupe les calamités des gens et tranche l'ignorance. (à suivre)

le Bouddha parle du Sutra d'Amitabha

UNE EXPLICATION GÉNÉRALE PAR
LE VÉNÉRABLE MAÎTRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Ananda dit « Deuxièmement, vous êtes notre Maître, mais quand vous entrerez dans le Nirvana, qui sera notre Maître ? S'il vous plaît, instruisez-nous. Serait-ce Mahakasyapa ? ».

Le Bouddha dit « Non. Quand j'entrerai dans le Nirvana, prenez le Pratinaksa. (Les préceptes) pour votre Maître. Pour concorder avec les instructions du Bouddha, ceux qui veulent se convertir doivent d'abord recevoir les préceptes ».

Ensuite, Ananda dit « Nous avons toujours vécu avec vous, Bouddha, mais quand vous entrerez dans le Nirvana, où allons-nous vivre ? »

Le Bouddha Sakyamuni dit « Quand j'entrerai dans le Nirvana, tous les Bhiksus, Bhiksunis, Upasakas et Upasikas devraient demeurer dans les quatre contemplations spirituelles : contemplation du corps, des sensations, des pensées et des dharmas.

1. Contemplez le corps comme impur. Si vous savez que le corps est impur, vous ne l'aimerez plus et sans l'amour, il n'y aura pas d'attachement. Sans attachement, c'est la liberté. Alors avant tout, considérez le corps comme impur.

2. Contemplez les sentiments comme les souffrances. Tous les sentiments sont une forme de souffrances, qu'ils soient agréables ou désagréables, puisque les sentiments agréables sont la cause des sentiments désagréables.

3. Contemplez la pensée comme non-permanente. Les pensées changent, s'écoulent et ne sont pas permanentes.

4. Contemplez les dharmas comme dépourvus du moi. »



Nam mo Amitabha Bouddha

Ananda demanda plus loin, « Comment devrions-nous traiter les Bhiksus de mauvais caractères ? ».

Le Bouddha dit « Cela n'est pas du tout un problème. Soyez simplement silencieux et ils s'en iront. Combattez les mauvais gens à l'aide du pouvoir de la concentration. N'en soyez pas troublés. S'ils sont mauvais, ne soyez pas mauvais en retour. Si un chien enragé vous mord et si vous le mordez, vous êtes aussi un chien vous-même. Les gens de mauvais caractère sont nés

avec une mauvaise humeur. Tout ce que vous pouvez faire c'est de les ignorer ; ils se décourageront très vite et partiront ».

« Oh », dit Ananda, « c'est vraiment très simple ».

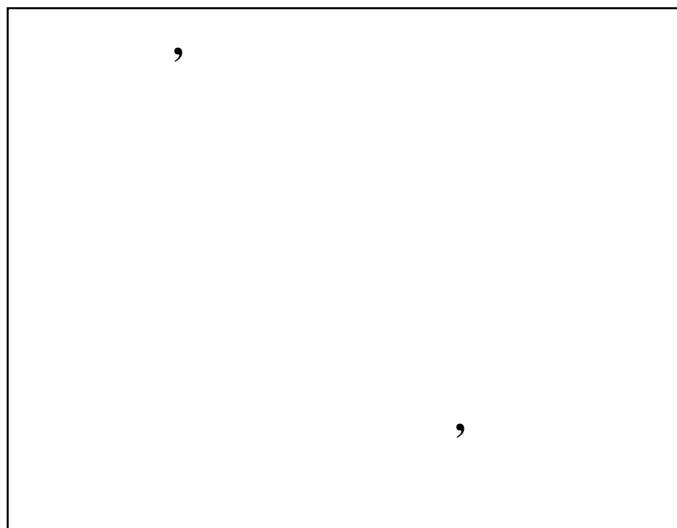
Pourquoi le Bouddha a-t-il dit à Ananda d'utiliser les quatre mots « Ainsi j'ai entendu » ? Ces quatre mots ont trois significations :

1. Pour distinguer les Sutras bouddhistes des écritures des autres religions. Les religions non-bouddhistes en Inde commençaient leurs textes avec les mots « A » ou « O », ce qui veut dire « La non-existence » ou « L'existence ».

Selon ces religions, tous les dharmas dans le ciel et sur terre existent ou n'existent pas. S'ils existent, ils disent : « ils existent » et s'ils n'existent pas, ils disent « ils sont inexistantes ». En général, aussi loin qu'ils puissent voir, rien ne dépasse l'existence et la non-existence. « Au commencement, ils n'existaient pas » mais maintenant, ils existent. « Aucune de ces religions ne parle du vrai vide ni de la merveilleuse existence. Leurs doctrines pourraient ressembler légèrement à celles du Bouddhisme mais ils ne les expliquaient pas clairement.

Les Sutras bouddhistes sont « Ainsi ». Tout le Bouddhadharma est « Ainsi ». Vous nous demandez « Qu'est ce qui n'est pas cette voie ? Tout est cette voie. Si vous vous demandez « Qu'est ce que c'est que cette voie ? ». « Rien n'est cette voie ». « AINSI » est extrêmement merveilleux, les mots « Ainsi j'ai entendu » distinguent les sutras bouddhistes des écritures des autres religions.

2. Pour lever les doutes de l'Assemblée, le Bouddha savait que tout le monde avait des doutes. Après l'entrée du Bouddha dans le Nirvana, pendant qu'Ananda et Mahakasyapa rédigeaient les sutras, Ananda s'installait dans le siège du Bouddha pour parler du Dharma. En le voyant assis dans le siège du Bouddha, les membres de l'Assemblée semaient soudainement trois doutes :



A. Certains pensaient que , « le Bouddha Sakyamuni n'est pas entré dans le Nirvana. Notre Maître vit encore ! ». Ils pensaient qu'Ananda était le Bouddha Sakyamuni revenu à la vie.

B. D'autres pensaient que « Le Bouddha Sakyamuni était déjà entré dans le Nirvana. Celui-ci devrait être un Bouddha d'une autre direction : Nord, Est, Sud ou Ouest ».

C. « Non », disaient les autres, « Le Grand Maître est entré dans le Nirvana. Il n'est pas revenu à la vie et les Bouddhas des autres directions sont en train d'enseigner les habitants de leur monde. Ils ne

reviendraient jamais sur la route du monde Saha. Ananda lui-même aurait la Bouddhité ?

Ces trois doutes disparurent au moment où Ananda dit « Ainsi j'ai entendu ». Dès qu'il prononça ces mots, tout le monde sut que le Bouddha Sakyamuni n'était pas revenu, que ce n'était pas le Bouddha d'une autre direction et qu'Ananda n'était pas devenu un Bouddha. Est-ce qu'Ananda a entendu personnellement les paroles du Bouddha Sakyamuni ? Ces trois mots : « Ainsi j'ai entendu » dispersèrent ces doutes.

3. Pour terminer les débats de la réunion. Pourquoi Ananda ? Parmi tous les grands Bhiksus, Ananda était le plus jeune. Il était né le jour de l'accomplissement de la Bouddhité du Bouddha et quand le Bouddha est entré dans le Nirvana, Ananda avait seulement quarante neuf ans. Pourquoi Bouddha a-t-il choisi

Ananda pour expliquer et rédiger les sutras ? De tous les disciples, le Vieux Kasyapa était l'aîné et Maudgalyana et Sariputra étaient tous les deux de rang bien supérieur à Ananda. En dehors de ceux-ci, il y en avait beaucoup d'autres qui essayaient d'être le premier et qui probablement n'avaient pas confiance en lui.

Ils pourraient dire, « J'ai entendu plus de sutras que lui, alors je devrais les expliquer. « Mais quand Ananda disait, « Ainsi j'ai entendu », tout le monde savait que ce n'était pas les principes d'Ananda ni ceux du grand rassemblement. « C'était le Dharma que moi, Ananda, ai entendu le Bouddha parler personnellement ». Il n'est pas votre enseignement ni le mien; il est l'enseignement de notre Maître. Vous n'êtes pas le premier et ni moi non plus ». Ces paroles stoppèrent immédiatement toute discussion. (à suivre)

LE SUTRA EN QUARANTE-DEUX CHAPITRES PARLE PAR LE BOUDHA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Ainsi il est dit "En présence des choses, si vous avez peu de connaissance, vous aurez peu d'afflictions. Si vous pratiquez la voie au point d'atteindre le niveau où extérieurement, tout deviendra inexistant et intérieurement vous atteignez l'état où tout deviendra également inexistant, votre esprit sera complètement détaché, totalement libre. Vous ne diriez plus : « Oh ! j'ai appliqué la voie. Il ne vous serait plus nécessaire de pratiquer la voie, plus de connaissances, plus de pensées. Il vous serait impossible de créer le moindre mauvais Karma. Vous ne seriez plus attaché au mauvais Karma. Vous seriez sans pensée et sans action, plus de fausses pensées mais que de pensées pures. C'est ce qu'a voulu dire « étant sans pensée ». C'est ce qui est appelé "sans action". « Plus de pratique, plus de certification. » Ils ont fait ce qu'ils devaient faire, ils sont arrivés au but final.

Alors il ne reste plus rien qu'ils puissent pratiquer. Ils ne certifient pas parce qu'ils ont déjà obtenu la substance fondamentale de la voie. Ils ont déjà certifié la Sainteté.

"Ils ne traversent pas les différentes étapes." Inutile d'accomplir les dix pratiques, les dix transmissions, de passer à travers les dix mondes terrestres. Ils les dépasse dépassent d'un seul coup, et cependant, ils sont respectés et vénérés. La position que les Shramanas occupent est très haute, très éclairée quand il a obtenu la voie. « C'est ce que signifie la Voie »

3. Le Bouddha dit, "Pour devenir Shramanas, ils doivent non seulement accepter les Dharmas de la Voie, mais se raser leur tête et la barbe, renoncer aux richesses mondaines, mendier de la nourriture et prendre un seul repas par jour, à midi, manger suffisamment à leur faim, dormir sous les arbres, ne possédant rien. Car l'origine de la stupidité et de l'ignorance aveuglante c'est la passion et le désir.

Commentaire:

C'est le troisième des 42 Chapitres; Il fait l'éloge des pratiques ascétiques au plus haut point. Si vous pouvez pratiquer rigoureusement et assidûment ces pratiques, vous pouvez mettre fin à votre Karma.

Sutra :

"Le Bouddha dit: "Se rasant la tête et la barbe, ils deviennent Shramanas." Les gens qui quittent la vie de famille pour se faire moines se rase la tête et la barbe, acceptent les Dharmas de la voie." Accepter les Dharmas de la voie signifie pratiquer la voie.

Le Sutra en Quarante Deux Chapitres
parlé par le Bouddha

Commentaire : Ces mots expriment les noms dans le sens général et spécifique du Sutra.

Le mot "Sutra" est un nom général. Tous les Sutras parlés par le Bouddha portent ce nom général. Le nom spécifique, qui accompagne le mot "Sutra" dans chaque titre du Sutra est le nom particulier de ce Sutra; le nom spécifique le distingue des autres Sutras. Le mot "Sutra" c'est juste comme le mot "humain".

"Humain" est le nom général, puisque chaque personne a son propre nom spécifique: celui-ci se nomme Smith, celui-là Chang etc. Les Sutras préchés par Bouddha procèdent de la même façon.

"Sutra des Quarante-deux Chapitres parlés par le Bouddha" est le nom spécifique de ce Sutra.

En examinant le nom spécifique, nous trouvons que le titre de ce Sutra est basé sur la personne et son Dharma. "Le Bouddha" est la personne et "Quarante-deux Chapitres" son Dharma.

Ce Sutra se compose du Dharma parlé par le Bouddha et se divise en chapitres par les disciples du Bouddha au moment où ils compilaient le Sutra. Les paroles du Bouddha étaient rassemblées et divisées en chapitres, puis intitulées : "Le Sutra en quarante-deux chapitres parlés par le Bouddha".

Bouddha est un mot Sanskrit. Transcrit en chinois, c'est Fwo, two ye; puis traduit en français "Celui qui est illuminé". Il y a trois sortes d'illumination: l'illumination du soi, l'illumination des autres et la perfection de la pratique.

1). L'illumination du soi: Celui qui est illuminé/éclairé est différent des personnes ordinaires. Une personne ordinaire n'est pas éclairée; ceux des deux véhicules du Shravaka et Pratyekabouddha peuvent s'éclairer eux-mêmes, mais ils n'éclairent pas les autres.

2). L'illumination des autres : Celui qui peut éveiller les autres, est différent de ceux des deux véhicules et est appelé un Bodhisattva. Les Bodhisattvas peuvent s'éclairer eux-mêmes et peuvent éclairer les autres. Ils considèrent que tous les êtres vivants sont égaux. Ils s'illuminent, et ils veulent que tous les êtres vivants deviennent illuminés également.

3). La perfection de l'illumination et de la pratique: Bien que les Bodhisattvas puissent éclairer les autres, ils n'ont toujours pas encore complètement achevé leur mission.

Les Bouddhas peuvent s'illuminer eux-mêmes, peuvent éclairer les autres et ils ont achevé leur illumination et leur pratique. Ils ont accompli les trois sortes d'illumination.

Le Dharma en Quarante Deux Chapitres parlé par le Bouddha.

Le Dharma que le Bouddha parlait, était divisé en quarante-deux chapitres.

Sutra. Le seul mot Sutra contient quatre significations: enfile, rassembler, immuable et méthode.

1). Enfiler, veut dire enfile les significations, les explications, les récitations des prières comme on enfile des haricots. Les doctrines du Sutra sont enfilées mot par mot, reliant les significations qui sont élucidées.

2). Rassembler, veut dire rassembler ceux qui sont prêts à recevoir l'enseignement - les êtres vivants peuvent être enseignés.

3). Immuable, veut dire qu'à travers le temps le Sutra ne change pas. Dans le passé, il ne changeait pas, au présent il ne change pas et dans

le futur, il ne changera pas. Il reste toujours et est éternellement immuable.

4). Une méthode : A tous ceux qui ont vénéré, qui vénèrent, et qui vénèreront les doctrines des Bouddhas, ce Sutra apporte une bonne méthode pour pratiquer la Voie.

Le mot "Sutra" a aussi d'autres significations. Comme le printemps avec toutes ses manifestations, ou comme un trait à la craie du charpentier comporte plusieurs significations. Parmi des multiples fonctions, le Sutra instruit aux gens les méthodes pour pratique, alors autrement dit le chemin de la pratique. (à suivre)

*le sutra du sixième
fondateur*

Commenté par Maître du Tripitaka Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

Il se levait à 4 heures du matin, se faisait un brin de toilette, sortait, allumait un bâtonnet d'encens et se prosternait sans se soucier du temps. Qu'il neige ou qu'il vente, il se prosternait malgré les intempéries. Le soir, longtemps après que tout le monde se fût endormi, il sortait et se prosternait. Il pratiquait de cette manière tous les jours pendant six ans.

Durant ces années, son dévouement pour ses parents était connu partout et il était réputé comme " Pai, le fils pieux ". Son dévouement ne se terminait pas à la mort de ses parents. Après avoir effectué toutes les cérémonies rituelles de l'enterrement de sa mère, il se rendit au Temple des Trois Conditions qui se trouvait au Sud de P'ing Fang de Harbin pour recevoir les préceptes du Shramanera auprès du Grand Maître Ch'ang Chih. Ensuite, il retourna à la tombe de sa mère et construisit une petite hutte pour se protéger du vent et de la pluie. En guise de reconnaissance envers sa mère, il vivait là pour surveiller sa tombe pendant trois ans. Vêtu seulement d'une soutane en lambeaux, il endurait la neige glaciale d'hiver et le soleil ardent d'été de la Mandchourie. Il prenait seulement un repas par jour quand il avait de la nourriture, et s'en privait

si on ne lui faisait pas offrandes, ne s'allongeait jamais pour dormir.

Le Maître lisait beaucoup de Sutras. A la première lecture du Sutra du Lotus, il sauta de joie. Il s'agenouillait et le récitait pendant sept jours et sept nuits, sans dormir ni manger à tel point que du sang s'écoula de ses yeux et sa vision se troubla. Ensuite, il lisait le Sutra SHURANGAMA, en pénétrait le grand Samadhi entièrement et pratiquait discrètement : les trois cessations, les trois contemplations, tout en restant sans bouger, l'esprit paisible. Le Maître racontait cette expérience : « Je commençais à pénétrer dans une tranquillité profonde constante appelée l'état nouménal. Lorsque je lisais L'AVATAMSAKA, l'illumination devint illimitée dans son étendue, indescriptible dans sa magnificence, sans égale dans sa douceur et ineffable dans sa clarté. Maître National Ch'ing Liang dit :

Ouvrir et révéler
Le mystérieux et délicat,
Comprendre et développer l'esprit
Et son état,
Epuiser le principe
En pénétrant la nature,
Pénétrer le résultat
Comprendre la cause,
Profond et immense,
Et inter fusionné,
Immense et grand
Et totalement complet.

« C'est certainement ainsi ! C'est certainement ainsi ! A ce moment je ne pouvais pas m'arrêter de lire le texte, et je me prosternais et récitais le Grand Sutra comme s'il s'agissait du vêtement dont on ne pouvait pas se séparer ou de la nourriture dont on ne pouvait pas se passer même un jour. Et je faisais serment moi-même de voir sa grande circulation. »
Quand ses devoirs de piété filiale furent achevés, le Maître se retirait dans la case d'Amitabha située dans les montagnes à l'est de sa ville natale. Là, il entra profondément dans la méditation Dhyâna et pratiquait l'ascétisme rigoureux, mangeait seulement les graines de pins et buvait de l'eau des ruisseaux. La région abondait de bêtes sauvages, mais ils ne dérangaient jamais le Maître. Les loups et les ours se comportaient comme les animaux domestiques. Les tigres s'arrêtaient pour

écouter son enseignement et les bêtes sauvages se rassemblaient pour écouter le merveilleux Dharma.

Après son séjour dans les montagnes, le Maître retournait au Monastère de Trois Conditions où il aidait le Vénérable Maître Ch'ang Chih et le Maître Vénérable Ch'ang Jen dans les travaux du monastère, et où il consacrait la plupart de son temps à propager le Dharma en même temps.

Pendant plus de trois décennies en Mandchourie, le Maître maintenait rigoureusement la pratique ascétique, pratiquait assidûment la méditation Dhyâna et travaillait inlassablement pour le développement et la propagation du Dharma. Durant ces années, il visitait beaucoup de monastères bouddhistes de la région, assistait à des séances de méditation et de récitation des prières et du nom des Bouddhas et marchait plusieurs kilomètres pour écouter les conférences sur les Sutras et en plus faire lui-même. Il visitait aussi divers établissements religieux non-Bouddhistes.

En 1946, le Maître faisait un grand pèlerinage à la montagne de Puto où il recevait les préceptes au complet en 1947. Ensuite, en 1948, après avoir fait trois mille kilomètres de voyage, le Maître se rendit au Monastère de Nan-hua et se prosterna devant le Vénérable Maître Hsü-Yün, le 44^e Patriarche disciple du Bouddha Sakyamuni.

Dès la première rencontre, le Vénérable Maître Yün, qui avait alors 109 ans, reconnut que le Maître serait un bateau digne du Dharma et capable de le propager. Il cachetait et certifiait la qualité spirituelle du Maître et lui transmettait le merveilleux sceau de l'esprit de tous les Bouddhas. Le Maître devint donc le 45^e génération dans la ligne descendante de Bouddha Sakyamuni, la dix-neuvième génération en Chine de Bodhidharma, et la neuvième génération de la ligne Wei-Yang. Après leur rencontre, le Maître a écrit :

Le Noble Yün me vit et me dit : « C'est ainsi. »
Je vis le Noble Yün et confirmai : « C'est ainsi. »
Le Noble Yün et moi, tous deux ainsi,
Faisons serment universellement que
Tous les êtres soient aussi ainsi.

(à suivre)

La méditation : une pratique pour maîtriser son esprit

Le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

a méditation, c'est une pratique par où doit passer tout nouveau pratiquant bouddhiste.

«Thiên» (méditer) ne vient pas du chinois mais du sanscrit. «Dhyana» : ce qui signifie : «Tu-duitu» (perfectionner la réflexion), ou bien «Tinh-lu» (méditer calmement). Les Chinois résumant ces deux sens en un seul : «Thien» (méditer). Par ailleurs cette pratique est aussi exprimée par d'autres termes notamment «Toa-Thien» ou «Da-toa» (méditer dans la position assise). A partir de ces termes, on peut comprendre : «Da-toa» c'est-à-dire qu'il faut s'asseoir pour méditer. Pourquoi cette position assise ? Parce qu'il faut maîtriser son esprit. La plupart des gens, bien que leur corps soit présent, laissent leur esprit divaguer ailleurs. Où erre-t-il ? Il est parti provoquer des illusions, tantôt à l'Est, tantôt à l'Ouest, au Nord, ou au Sud. Il est capable de voyager même en fusée selon son plaisir et en plus sans billet. Les illusions se dispersent partout, il n'est pas facile de les maîtriser. Pourquoi les gens manquent-ils de sagesse ? Parce que leur esprit court partout. Pourquoi vieillissent-ils au fil des années ? Parce que leur esprit, toujours pressé, court par-ci, par-là. De même, si en conduisant une voiture neuve, vous l'obligez à rouler vite, elle consomme davantage d'essence, ainsi vous gaspillez davantage d'essence. Résultat, la carrosserie ainsi que la mécanique de la voiture subissent des dégâts, la voiture tombe en panne. Il en est de même pour votre corps, si vous n'en prenez pas soin, vous le laissez courir partout selon sa volonté, vous gaspillez aussi du carburant. Qu'est-ce que ce carburant ? C'est votre esprit précieux. Inutile de connaître la quantité d'essence alimentée, vous avez, tout de même, gaspillée du carburant. Tous les jours, vous consommez des plats nourrissants, en vous disant que c'est pour apporter des vitamines nutritives à votre corps. Mais si vous êtes incapable de maîtriser votre esprit, le laissant

poursuivre les biens matériels, alors quelle que soit la quantité d'éléments nutritifs que vous avez consommés, ils ne seront pas suffisants pour combler votre esprit perdu. C'est pourquoi disait un proverbe : « l'esprit maîtrisé, tous les problèmes résolus. » Donc il faut maîtriser son esprit, l'obliger à rester à la même place. C'est de cette façon qu'on ne le gaspille pas et qu'on le maîtrise entièrement. » C'est comme si vous conduisez une voiture, vous devez conduire prudemment, ne commettre aucun accident, ainsi vous pouvez prolonger la durée de vie de votre voiture. De même pour un corps humain, si on sait bien l'entretenir, l'améliorer, il ne vieillira pas, et on ne mourra pas. « Je ne vous crois pas, disaient certains, tout le monde doit mourir, même le Bouddha Sakyamouni a dû entrer dans le Nirvana, comment pouvez-vous dire qu'on ne meurt pas. » Vous devriez comprendre que l'entrée d'un Bouddha dans le Nirvana ne ressemble pas du tout à la mort des êtres humains, mais c'est véritablement l'entrée dans un monde où n'existent ni la naissance, ni la mort, un monde d'extinction, d'extase. Bouddha ne meurt pas comme meurent des êtres humains de maladies. Mais après avoir fait ce qu'il avait à faire, sauvé ceux qui avaient semé des causes de Bouddhité, Bouddha annonça qu'il entrerait dans le Nirvana. Avant son départ, pour faire ses adieux, Bouddha rassemblait tous les Bodhisattva des dix directions, les saints, les sages, le Sangha, les Arhats, les Bhiksu, tous les habitants des cieux, les êtres humains, et enfin tous les êtres vivants. Ceci montre que Bouddha s'en allait d'une façon absolument claire brillante. Si vous désirez en connaître plus de détails, consultez Kinh Niết-Ban (le Sutra du Nirvana).

Méditer, c'est maîtriser l'esprit et en même temps le corps, la bouche et la Conscience, les garder purs, c'est-à-dire empêcher le corps de commettre des actes criminels, de vols et d'adultère, la bouche de mentir de raconter des histoires nuisantes, des médisances, d'injurier, la conscience de tomber dans la cupidité, la haine et la passion. Tant que la pensée ne poursuit pas le monde extérieur, le corps et l'esprit resteront en paix. Ainsi, quand on pratique la méditation, on aura une chance d'atteindre l'état d'éveil. Méditer consiste à maîtriser votre corps et votre esprit, en empêchant votre corps de tomber malade, votre bouche de prononcer des paroles criminelles, votre conscience de se lancer dans la rivalité, la

cupidité, l'ambition, l'égoïsme, l'intéressement et le mensonge. Si ces trois sources causales se purifient, la sagesse apparaît. Méditer signifie revenir à notre source originelle découvrir la sagesse préexistant en nous, brillante et immense. Si vous désirez cultiver le Bouddhadharma, cultivez-le d'un cœur absolument sincère, ainsi vous pourrez entrer en communion avec Bouddha. Mais si vous considérez que le fait de manger et de s'enrichir est plus important que celui de cultiver le Bouddhadharma, alors vous serez incapable définitivement d'apprendre le Bouddhadharma. Vous devez considérer le Bouddhadharma comme la chose la plus importante en ce monde. C'est l'attitude que doit avoir un disciple bouddhiste.

Bodhisattva Avalokitesvara :

Notre frère aîné

Nous récitons tous les jours le nom du Bodhisattva Avalokitesvara, mais comprenons-nous le sens du mot : « Avalokitesvara » (Quán Thế Âm) ? « Quán » veut dire : écouter en observant tous les sons du monde entier. « Quán » veut également dire : observer non seulement l'apparence extérieure, mais aussi pénétrer la pensée des êtres vivants pour repérer celui qui s'est débarrassé de toutes ses pensées tumultueuses et illusoirs. Quand l'esprit est complètement vidé de toute pensée illusoire, c'est l'état d'éveil et c'est ce qu'illustre la phrase suivante :

« Les gens des dix directions se rassemblent
Pour apprendre le Dharma du "non-agir" »

Réciter le nom du Bodhisattva Avalokitesvara c'est un Dharma du « non-agir ». « Ne pas agir » signifie en réalité : rien au monde qu'un Bodhisattva puisse « ne pas agir ». Ce Dharma nous apprend à ne pas susciter nos pensées illusoirs.

Quand vous récitez « Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát » (Namo Bodhisattva Avalokitesvara) d'un cœur absolument sincère, Bodhisattva Avalokitesvara récite aussi votre nom en pensant à vous simultanément. C'est comme si vous pensez à un être qui vous est cher et que celui-ci pense aussi à vous en même temps. Car nous-autres, êtres

humaines et Bodhisattva Avalokitesvara, depuis d'innombrables générations, étions de la même famille, dans la même voie religieuse, tous parentés du Bouddhadharma. Depuis quand sommes-nous parentés ? Depuis l'époque du Bouddha Amitabha qui était souverain du Royaume Pur de l'Ouest et également maître du Bodhisattva Avalokitesvara. CELUI-CI L'avait aidé à propager ce Dharma du Royaume Pur de l'Ouest.

Nous sommes donc précisément condisciples du Bodhisattva Avalokitesvara. Bodhisattva Avalokitesvara était le frère aîné de tous les êtres vivants qui n'ont pas encore passé dans le Royaume Pur de la Félicité donc tous les êtres vivants sont ses petits frères. Autrement dit, il est donc clair que Bodhisattva Avalokitesvara et nous sommes des parents très proches. C'est la raison pour laquelle, lorsque nous pensons à Lui, Lui aussi pense à nous. Nous sommes ses petits frères et Il est notre grand frère aîné.

Il y en a qui disent : « Comment Bodhisattva Avalokitesvara peut-il être notre grand frère ? N'exagérons-nous pas un peu en parlant ainsi ? » Non seulement, Il nous considère comme ses propres frères mais également tous les êtres vivants comme ses frères cadets. Si non pourquoi cherche-t-il à nous sauver hors des souffrances ? Pourquoi, chaque fois que nous rencontrons des difficultés, Il vient tout de suite nous aider ? C'est parce qu'il considère les êtres vivants comme ses propres membres et en dépit de toutes les misères et difficultés, il vole au secours de tous ceux qui sont en train de sombrer dans la mer des souffrances de ce monde Saha. C'est pourquoi, n'oubliez pas votre frère aîné dans la Voie du Bouddhadharma, chaque fois que nous récitons le seul mot Avalokitesvara, Celui-ci récite aussi votre nom en pensant à vous simultanément.

Quand nous récitons le nom « Bodhisattva Avalokitesvara », c'est précisément comme si nous appelons notre frère aîné. Et quand Bodhisattva Avalokitesvara prononce votre nom, c'est comme s'Il appelle ses propres petits frères c'est-à-dire : les futurs Bodhisattvas, les futurs Bouddhas.

S'il en est ainsi, nous devrions réciter le nom de notre propre frère aîné bouddhiste d'un cœur absolument sincère et ardent, ne laissons pas passer cette chance.

Quand vous récitez le nom du Boddhisattva Avalokitésvara ne baissez pas la tête, relevez-la, montrez-vous vaillant, courageux, bien déterminé de vous améliorer, n'ayez pas l'air las, hébété. Devant cette ferme volonté de progresser, Boddhisattva Avalokitésvara nous dira : « Dépêchez-vous de prendre ma main ! » Ainsi, Il nous emmènera dans le Royaume Pur de la Félicité.

Il y en a qui pensent futilement de cette manière : « Pourquoi du matin jusqu'au soir, Boddhisattva Avalokitésvara ne fait que regarder, regarder, regarder, alors que moi, je n'ai aucun droit de regarder quoi que ce soit ? » Vous « regardez » et Boddhisattva Avalokitésvara « regarde » aussi mais ces deux regards ne se ressemblent absolument pas ! Celui du Boddhisattva Avalokitésvara converge vers l'intérieur, tandis que le vôtre tourne vers l'extérieur. Boddhisattva Avalokitésvara regarde notre essence naturelle. Son esprit est comparable à un radar où apparaissent tous les êtres vivants. Tournant son « radar » vers l'intérieur de chaque être vivant, il le connaît parfaitement, jusqu'à la moindre pensée illusoire. C'est pourquoi son regard diffère du nôtre. Comme les êtres vivants lui sont trop éloignés, malgré ses mille yeux et mille mains, Il ne pourrait les servir, ni les observer tous. C'est pourquoi, Il tourne la lumière de sa sagesse vers l'intérieur pour éclairer l'essence intérieure, tourne son ouïe aussi vers l'intérieur pour écouter l'essence intérieure. Et en observant ainsi l'essence naturelle des êtres vivants, Il repère celui qui souffre et vole à son secours. Tandis que vous, vous regardez toujours l'apparence extérieure, oubliant complètement votre sagesse naturelle. C'est pourquoi, votre regard diffère complètement de celui du Boddhisattva Avalokitésvara.

D'autres pensent ainsi : « Oh ! Maître, je ne crois pas à ce que vous venez de déclarer ! Pourquoi ? Vous disiez que nous sommes frères du Boddhisattva Avalokitésvara, or nous sommes profanes alors que Lui est un Saint, comment les profanes peuvent être frères d'un Saint ? Cela n'est pas logique, donc je n'y crois pas ». Très bien, vous pouvez ne pas y croire. Ce que vous dites semble logique aussi. Seulement, votre raisonnement provient des connaissances d'un profane ; ne pénétrant pas encore le sens du Sutra Pitaka (Recueil des livres de doctrines Bouddhistes) vous n'avez pas encore acquis

l'immense et profonde sagesse comme l'océan d'un Saint.

Le Sutra Avatamsaka (Kinh Hoa Nghiêm) nous apprend : « Un Boddhisattva pense de la façon suivante : les êtres vivants et moi, depuis une infinité de générations, étions frères, sœurs, parents ou époux ». Vous dites que vous n'y croyez pas, évidemment parce que vous ne comprenez pas encore la doctrine du Sutra Avatamsaka.

Par ailleurs, non seulement un Boddhisattva possède ce regard, mais même Bouddha disait à propos des êtres vivants : « Tout homme est mon père et toute femme est ma mère ». Si Bouddha nous considère comme ses parents, alors quand je dis que le Boddhisattva Avalokitésvara nous considère comme ses frères, qu'y-a-t-il de si illogique ? Vous dites que vous n'y croyez pas, c'est parce que vous n'avez pas encore la sagesse, pas de connaissances suffisantes. Ou bien parce que votre regard est trop limité, trop étroit, ce qui vous rend stupide et vous empêche de croire à mes paroles.

Pourquoi Bouddha veut-il sauver les êtres vivants ? Puisqu'Il considère que : « Tout homme est mon père et toute femme est ma mère ». Et puisqu'ils sont en train de subir des souffrances dans les six chemins de la roue tournante de la métempsychose, il doit les secourir, les éloigner des souffrances et les emmener dans le monde de la Félicité coûte que coûte.

Tous les jours, nous nous prosternons devant Boddhisattva Avalokitésvara, nous récitons son nom, pourtant, même s'Il apparaît devant nous, nous ne le reconnaissons pas. Que nous sommes pitoyables ! Pourquoi nous ne le reconnaissons pas ? Ceci est une épreuve pour nous. Quand vous récitez le nom du Boddhisattva Avalokitésvara vous devez apprendre à devenir comme Lui. Le Boddhisattva Avalokitésvara est plein de compassion, de miséricorde, de puissances, formulant d'immenses vœux. Par conséquent, quand nous récitons le nom du Boddhisattva Avalokitésvara, nous devons apprendre à être plein de compassion, de miséricorde, de puissances avec d'immenses vœux aussi. Face aux insultes, restons calmes ; supportons en silence les pires affronts ; ne réagissons même pas quand on essaie de nous tuer ; considérons tout cela comme un

acquiescement de nos dettes. Comment acquiesce-t-on ses dettes ? Si dans le passé, nous n'avons jamais insulté, ni battu personne, aujourd'hui personne ne vient nous insulter, ni nous battre. Pourquoi les gens veulent nous insulter, nous battre, nous nuire ou même nous tuer ? Car, dans le passé, à cause de notre stupidité aveuglante, nous avons insulté, battu, ou même tué quelqu'un. C'est pourquoi, dans cette vie présente, nous devons payer, acquiescer toutes ces dettes. Dans le passé, notre stupidité aveuglante nous empêchait de payer nos dettes. Aujourd'hui, comprenant mieux la Voie, nous devons acquiescer sincèrement nos dettes en totalité. Quand nous aurons acquiescé toutes nos dettes, nous verrons le Bodhisattva Avalokitésvara et serons de sa famille.

C'est aussi la raison pour laquelle, quand vous récitez le nom du Bodhisattva Avalokitésvara, ne recherchez pas la faute des autres, car tant que vous continuez à rechercher les fautes des autres, vous attirerez des ennuis, vous ne pourrez jamais couper les racines de vos souffrances. C'est pourquoi, vous devriez être très clairvoyant dans chaque situation, comprendre parfaitement les causes de toutes les choses. Vous apprenez le BouddhaDharma, vous devriez l'appliquer ; car, sinon, quel que soit le temps durant lequel vous pratiquez la Voie, le BouddhaDharma restera toujours le BouddhaDharma et vous resterez toujours vous-même. Si vous saurez l'appliquer, vous n'en ferez qu'un avec le BouddhaDharma, il n'y aura plus de distinction.

La Patience est le Dharma le plus important. Vous devriez supporter ce qui est difficilement supportable. Par exemple, vous n'aimez pas qu'on vous insulte, mais s'il arrive qu'on vous insulte, accepterez ces insultes avec joie. Vous ne voulez pas mourir, car la vie humaine est précieuse, mais si jamais on veut vous tuer, considérez cela comme une délivrance d'un mauvais Karma et votre assassin comme un bon ami. Messieurs ! Quand vous apprenez le BouddhaDharma, ou quand vous pratiquez la Voie, vous devriez inverser votre comportement. Et comment inverse-t-on un comportement ? Il s'agit simplement et précisément de faire ce que vous n'aimiez pas faire dans le passé. N'obligez jamais les autres à faire ce que vous n'aimez pas faire.

Si vous ressemblez à des profanes ordinaires qui ne voient pas clair, incapables de lâcher, de se

débarrasser de son égo, du « Dharma », si vous continuez à garder solidement vos quatre points de vue concernant : le moi, l'autrui, l'être vivant et celui qui reçoit, vous vous attirerez d'innombrables ennuis. Si vous savez reculer d'un pas, tout redeviendra naturellement calme, serein comme le ciel transparent et l'océan paisible. Quand vous apprenez le BouddhaDharma, n'essayez pas d'atteindre les concepts ultimes et merveilleux, car :

« L'esprit serein, dépourvu de pensées illusives, c'est la bonne Voie.

L'esprit droit, c'est le Bodhimandala, l'endroit où l'on pratique la Voie »

C'est pourquoi, nous devrions pratiquer la Voie d'un esprit absolument droit et loyal.

Quand vous récitez Namô Bodhisattva Avalokitésvara, ne soyez pas cupide, ne pensez pas ainsi : « Je récite le nom du Bodhisattva Avalokitésvara. Il m'accordera la fortune ». Ce serait inadmissible. La richesse pourrait vous arriver si vous n'en êtes pas cupide, mais si vous en êtes avide rien ne vous arriverait. Et puis, en récitant le nom du Bodhisattva Avalokitésvara, ne vous vantez pas en disant : « J'ai participé par ci ou par là à des séances de récitation du nom du Bodhisattva Avalokitésvara, vous ne pouvez pas vous comparer à moi car vous n'y avez pas participé ». N'ayez pas ces fausses pensées, ni ces stupides avidités d'intérêt, de réputation ou de jouissances amusantes.

Quand vous récitez le nom du Bodhisattva Avalokitésvara, récitez normalement, n'espérant quoique ce soit. N'imitiez pas certaines personnes qui récitent en pensant : « Je n'ai pas d'enfant, je vous prie de bien vouloir m'accorder un garçon ». D'autres demandent une fille. Des garçons sollicitent d'avoir une belle petite amie et des filles de rencontrer un beau jeune homme. Ce serait absolument impossible ! Quand vous récitez le nom du Bodhisattva Avalokitésvara, balayez de votre esprit toutes ces pensées souillées, débarrassez-vous de toute cupidité, toute colère et toute stupidité. Par exemple, quand vous mettez un habit, ne vous souciez pas s'il est beau ou laid, l'essentiel c'est qu'il vous tienne chaud. Tous les jours vous mangez, ne soyez pas avide de bonnes et rares nourritures. Si vous nourrissez ces pensées, vous ne récitez plus le nom du Bodhisattva Avalokitésvara d'un esprit

absolument sincère et serein. Si vraiment, vous voulez réciter d'un cœur absolument sincère, pourquoi pensez-vous encore aux beaux habits et bonnes nourritures ? Vous auriez dû les oublier depuis longtemps, n'est-ce pas ? Le seul moyen pour communiquer avec le Boddhisattva Avalokitésvara c'est d'oublier tout.

A l'intérieur de tous les êtres vivants, il existe fondamentalement un Boddhisattva Avalokitésvara. En récitant de nom du Boddhisattva Avalokitésvara, nous récitons le nom de notre Boddhisattva Avalokitésvara. Certains nous disent : « J'ai beau chercher mon esprit, je le trouve nulle part ». Si vous ne possédez pas d'esprit, vous n'avez pas besoin de réciter le nom du Boddhisattva Avalokitésvara, car vous êtes précisément Boddhisattva Avalokitésvara. Boddhisattva Avalokitésvara est précisément l'absence d'esprit. Car Il est dépourvu de pensées illusoire, de cupidité, de colère et de stupidité. Il ne se soucie jamais de quels habits il va mettre ni de quelles nourritures il va manger pour satisfaire ses goûts, ni de quelles offrandes il va recevoir. Il ne s'attache à rien, n'espère rien. Toute sa tâche consiste à sauver les êtres vivants, les éloigner des souffrances et leur apporter la joie, mettre fin à leur cycle de la naissance et la mort, enfin les mener jusqu'à la Bouddhité. Il n'attend rien des êtres vivants, mais tout ce qu'il espère c'est qu'ils soient capables de comprendre clairement et justement le Bouddha Dharma, de se débarrasser de toute cupidité, toute colère et toute stupidité.

En récitant le nom du Boddhisattva Avalokitésvara, ne laissez pas votre pensée courir dans tous les sens : « Rien à manger au petit déjeuner, pas de thé le soir, que de souffrances ! C'est insupportable, prenons nos affaires et fuyons ! » Pratiquer la Voie de cette façon ne vaut absolument rien ! (Conférence donnée le 16 mars 1976)

La récitation du nom du Bouddha

Traduction en français : Ly thi Minh Nguyet

Il existait autrefois, un homme très fortuné et très croyant. Il faisait construire une pagode extrêmement splendide et grandiose.

Cet homme généreux était aussi très curieux. Après la construction de la pièce principale du Culte des Trois Joyaux, pour apporter une note originale à l'édifice, il a fait sculpter sur un magnifique panneau six caractères dorés suivants en Sanskrit « Nam mô A Di Đà Phật » (Namô Amitabha Bouddha) et il l'accrocha devant la pièce principale du Culte des Trois Joyaux. Les lettrés et patriarches du village, ne sachant pas lire le Sanskrit, n'y comprenaient rien. Ils l'admiraient pour sa vaste érudition, connaissant même le Sanskrit. En réalité, il a demandé à un moine indien de lui rédiger ces lettres.

Plus augmentaient les éloges, plus sa fierté et sa curiosités étaient excitées. Un jour, il faisait écrire ces six lettres sur des panneaux en bois, accompagnés de quelques lignes suivantes écrites en langue originale du pays : « Si quelqu'un arrive à déchiffrer ces caractères, je lui donnerai ma fille comme épouse et lui laisserai la moitié de ma fortune ». Il faisait ensuite dresser ces panneaux partout dans le village et les faisait garder chacun par un de ses hommes.

Suite à la publication des panneaux, venaient de partout des lettrés, des écrivains, des poètes et des étudiants. Mais personne n'arrivait à lire ces lettres.

Un jour, un jeune marchand de nattes nommé Hoàng Kim Ân, passant par un endroit où était dressé un des panneaux, voyait beaucoup de gens se bousculer pour lire ces lettres avec évidemment un immense espoir d'épouser la fille du riche fortuné et de devenir riche dans le cœur. Poussé par la curiosité, il essaya avec beaucoup de difficultés de s'en approcher. Arrivé devant le panneau, il regarda sans rien comprendre ces lignes tortueuses comme des vers de terre, puis complètement déçu décida de s'en écarter. Mais en se retournant, malheureusement, le bout de sa palanche heurta le front d'un écrivain se trouvant juste à côté de lui. Pris de panique, instinctivement, il s'écria : « Nam Mô A Di Đà Phật » (Namô Amitaba Bouddha). Tout de suite, le gardien du panneau le saisit par le cou et dit : « C'est celui-ci ». Sans rien comprendre de cette histoire, Hoàng Kim Ân continua de se prosterner, de supplier, de s'excuser pour se faire pardonner

d'avoir, par mégarde, touché le front de l'écrivain du bout de sa palanche. Mais le gardien ne voulait rien entendre, rien savoir. Déterminé de ne pas le lâcher, il l'emmena directement chez le riche fortuné. Hoàng Kim Ân continuait toujours de se prosterner, de supplier, pour s'excuser. Finalement, le gardien disait :

«Que vous êtes vraiment stupide ! Savez-vous que vous allez avoir une belle épouse et une grande fortune ? Et vous restez là à présenter vos excuses. Craignez-vous déjà votre épouse ? »

De plus en plus surpris et toujours sans rien comprendre, il suivit le gardien jusqu'à la maison du riche fortuné.

En réalité, Hoàng Kim Ân était « un fils du Bouddha » (un adepte du Bouddhisme) extrêmement croyant et pratiquant. Pauvre, illettré, pas de lecture des Sutras, mais il avait foi fortement en Bouddha, tout ce qu'il savait faire c'était de réciter le nom du Bouddha. Et il pratiquait cette récitation de tout son cœur en pensant constamment à Bouddha, sans jamais oublier, que ce soit en marchant, en s'asseyant, en se couchant ou en restant debout. Pour lui, réciter le nom du Bouddha était devenu une habitude, un réflexe. Chaque fois qu'il se trouvait devant un danger ou un événement inattendu, indésirable, il se mit à réciter très fort : « Nam Mô A Di Đà Phật » (Namô Amitabha Bouddha). C'est pourquoi, lorsque, par mégarde, il heurta du bout de sa palanche, le front de l'écrivain, il s'est mis instinctivement à réciter le nom du Bouddha, dans le but d'atténuer sa faute et de prier que sa victime soit saine et sauve. Mais qui aurait pensé que les six mots qu'il récitait étaient les six mêmes caractères écrits en Sanskrit sur le panneau. Croyant qu'il connaissait le Sanskrit, le gardien l'a saisi et l'a amené chez le riche fortuné pour que celui-ci lui donnât sa fille en mariage. Pauvre marchand de nattes, toujours sans rien comprendre, pensait qu'on allait lui mettre la corde au cou pour avoir blessé le front de l'écrivain, continuait à supplier pour se faire pardonner !

Une fois arrivé chez le riche fortuné, il comprit qu'on l'avait élevé au rang des « érudits », digne de la fille du riche fortuné, avec qui il allait chanter ensemble la chanson de « l'union conjugale du dragon et de la phénix ». Le marchand de nattes reconnaissait que la main du destin arrangeait bien des choses extraordinairement merveilleuses.

Inconsciemment, il se mit à fredonner deux sentences parallèles suivantes pour marquer un changement merveilleux et inattendu de son existence qu'il considérait comme extraordinairement mystérieux :

« Avec beaucoup de bénédictions et de veines, la réussite est certaine, sans avoir besoin d'être vertueux, ni consciencieux. De même, avoir une bouche chanceuse et une main parfumée ne nécessitent pas la sollicitude ni l'obéissance aux ordres pour réussir parfaitement. »

A partir de ce jour, Hoàng Kim Ân menait une vie luxueuse, néanmoins sans jamais oublier, ne serait-ce qu'un moment, de pratiquer la récitation du nom du Bouddha comme dans le temps où il était encore marchand de nattes.

Un jour, à cause du changement de température, son épouse attrapait une grippe. On croyait qu'il s'agissait d'un simple petit rhume mais son état s'empirait de plus en plus, la fièvre montait constamment, aucun médicament ne pouvait la guérir. Plein d'inquiétude, Hoàng Kim Ân restait constamment près du lit de sa femme à réciter sans interruption le nom du Bouddha. Tout en récitant, de sa main, il massait sa femme souffrante du pied jusqu'à la tête. Quel miracle merveilleux ! Partout où passait sa main, la malade s'y sentait soulagée, calmée. En très peu de temps, elle était complètement guérie. C'était vraiment, non seulement « une bouche chanceuse », mais en plus « une main parfumée ».

A partir de ce jour, Hoàng Kim Ân acquérait la réputation d'être « un grand médecin » dont la célébrité ne cessait de grandir et le bruit se répandait jusqu'à la cour impériale.

Il se produisit juste à ce moment une coïncidence extraordinaire. A la même époque des mauvais changements de température, la princesse tombait malade également. Aucun médecin, même les plus célèbres, n'arrivait à la guérir. Ayant appris la très bonne réputation de Hoàng Kim Ân, tout de suite le roi établit un édit royal pour le convoquer sur le champ à la cour afin de soigner la princesse. La convocation dans la main, Hoàng Kim Ân se sentait troublé, embarrassé, inquiet, se demandant si sa bouche serait tout aussi « chanceuse », sa récitation du nom du Bouddha aussi miraculeuse comme par le passé pour guérir la princesse ? Malgré son immense inquiétude, il n'osait désobéir à l'ordre du roi, c'est pourquoi,

se laissant guider par le destin, il ne lui restait qu'à réciter le nom du Bouddha en y mettant tout son cœur, toute sa croyance et toute sa sincérité, d'un esprit absolument calme, dépouillé de toute pensée.

Arrivé au palais royal, il fut introduit directement dans la chambre de la princesse souffrante. Après avoir fait sortir tout le monde, seul avec la princesse, il commença à la soigner à l'aide de son remède merveilleux : par la bouche, il récitait le nom du Bouddha et de la main, il massait le corps de la princesse. Celle-ci fut très surprise, car il ne lui donnait aucun médicament, mais elle se sentait soulagée au fur et à mesure que sa main passait sur son corps et enfin, comme grâce à une baguette magique, merveilleuse, elle se sentit complètement guérie. Extrêmement étonnée et gaie, la princesse courut apporter la nouvelle au roi et à la reine. Devant le rétablissement immédiat et spectaculaire de la princesse, le roi, extrêmement surpris, pensa que Hoàng Kim Ân était vraiment un « Saint de la Médecine ».

Le roi donna l'ordre d'organiser un grand banquet, où toutes les spécialités exquisées étaient présentes, pour fêter le rétablissement de la princesse et honorer le « Saint de la Médecine ». Durant le festin, le roi, à moitié ivre et dans cette mi-conscience, regardait dans la cour la sculpture d'un grand dragon et dit à Hoàng Kim Ân :

« Devinez ce qu'il y a dans la bouche de ce dragon. Si vous y arriviez, je vous donnerais ma fille en mariage, sinon, vous en seriez puni ! ».

« Quel malheur ! Si cette fois-ci, ma bouche n'est pas aussi "chanceuse" qu'auparavant, j'irai "voyager directement en enfer" », se disait-il. Dans son esprit, tout était embrouillé comme un sac de copeaux de bambou. Il pensait : « Si je n'y arrive pas, j'en mourrai sûrement et si j'y arrive : que ferai-je de mon devoir conjugal ? ». Ne pouvant ni avancer, ni reculer, que ce soit juste ou faux, il en mourra ; l'esprit tourmenté, plein de soucis, d'inquiétude, pensant à son pauvre destin malheureux, à sa mort prochaine, inconsciemment, il s'est mis à crier : « Hoàng Kim Ân ! (Je te plains) ». Mais dès qu'il a prononcé Hoàng Kim Ân, le roi applaudit de joie et ordonna tout de suite à la princesse de lui présenter un verre de vin en guise de félicitation. N'y comprenant rien Hoàng Kim Ân ne sut que faire devant une telle situation. Mais tout de suite le roi s'est mis à déclarer :

« Absolument, vous avez deviné juste ! Vous êtes un véritable Saint. J'avais réellement caché "un sceau impérial en or" dans la bouche du dragon ». (Hoàng Kim Ân = sceau impérial en or). Ce dernier pensait : « Comme c'est merveilleux ! Croyant déjà mort, me plaignant de ma malheureuse destinée, j'ai prononcé mon nom, sans jamais me douter de la coïncidence de mon nom avec celui du sceau en or du roi ». Echappé à la mort, il s'agit maintenant d'un autre problème, celui d'épouser la princesse. Il allait se prosterner devant le roi, le suppliant de lui épargner ce mariage, lui disant qu'il était marié et qu'il devait respecter son devoir de fidélité envers son épouse. Profondément touché devant une telle fidélité, une telle honnêteté, le roi, non seulement, ne l'y obligeait ni ne le punissait mais le récompensait généreusement et le fit raccompagner chez lui.

Qu'ils sont merveilleusement efficaces ces six mots : Nam Mô A Di Đà Phật ! Quand ils sont récités d'un cœur absolument sincère et croyant et d'un esprit totalement serein dépourvu de toute pensée.

Même devant des milliers de douleurs amères
Une seule récitation du nom du Bouddha les
fait disparaître sur le champ
Réciter le nom du Bouddha nous débarrasse de
toute haine et toute vengeance
Libre de toute méchanceté, toute cruauté, nous
nous éloignons de la prison
Réciter le nom du Bouddha agrandit notre
cœur
Développe notre esprit d'égalité, nous
fermerons alors la porte à toute calamité.

Le mysticisme du Mantra du Surangama

Pourquoi le Mantra du Surangama apporte-t-il autant de bienfaits ? Car en pratiquant le Mantra du Surangama, on peut entrer dans le mysticisme du Surangama. Cette extase contemplative n'est ni mystique ni non-mystique, et pourtant, à aucun moment il n'est non-mystique. C'est pourquoi, « *Na-già (dragon) restait éternellement dans le mysticisme sans jamais être non-mystique* ».

Le mysticisme du Surangama est un mysticisme extrêmement solide, produisant infiniment de Sagesse qu'aucun démon céleste, qu'aucune religion externe n'arrivent à le troubler.

Pourquoi entrons-nous dans le mysticisme ? C'est comme si vous allez à Disneyland, vous y trouvez toutes sortes de jeux extrêmement plaisants et en même temps extrêmement étranges. On voit ce qu'on a jamais vu, entend ce qu'on a jamais entendu. Une fois entré dans le mysticisme, on pénètre dans des mondes qu'on a jamais vus ni entendus ; et si dans le mysticisme on atteint l'état d'extrême félicité absolument permanente, immuable, on pourra alors changer le monde extérieur. C'est l'une des merveilles qu'on obtient quand on pénètre dans le mysticisme du Surangama.

Sans le mysticisme du Surangama, on se laisse guider, tourner, diriger, enfin manœuvrer par le monde extérieur. Pénétré dans le mysticisme du Surangama, on ne se laisse plus maîtriser par le monde extérieur. Ni les formes, ni les sons n'arrivent plus à nous séduire, à troubler notre esprit. Devant toutes ces apparitions, si on reste toujours éveillé, on sera libéré du monde des afflictions impures, par contre, si on est toujours troublé, aveuglé, on tombera dans le cycle de la naissance et de la mort.

Dans le mysticisme, on est capable d'engendrer d'innombrables Sagesse, c'est pourquoi, on dit que : « *La Sagesse est née du mysticisme* ». Tant qu'on ne pénètre pas dans le mysticisme, il nous est impossible de nous ouvrir à la Sagesse, de même, tant qu'on est pas encore venu à Disneyland, on ne sait pas ce qui existe dans cet endroit. Une fois, un fidèle pratiquant m'a invité à visiter Disneyland, pensant que je n'avais jamais vu de pareils endroits. En réalité, toutes ces formes, ces couleurs, ces objets n'ont rien de spécial, car à travers d'innombrables vies passées, nous les avons déjà vus et connus. Seulement, nous les avons tous oubliés. Si nous nous en souvenions tous clairement, nous n'aurions pas besoin de les voir.

Une prosternation tous les trois pas

Heng Cu et Heng Do

Báo Phât Pháp/Bouddhadharma 27

Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

Le 17 octobre 1973. Hằng Cự écrit :

Aujourd'hui, par une belle matinée ensoleillée, nous quittons l'autoroute 101 pour entrer dans la région de Sausalito. Des Porches et des Volkswagens roulèrent à toute vitesse en direction des grandes villes où se trouvaient la plupart des lieux de travail. Quand nous arrivions dans une petite ville tranquille située au bord d'une baie, des deux côtés de la rue les gens s'arrêtèrent pour nous regarder fixement sans rien dire excepté une vieille dame qui s'approcha de nous et nous adressa la parole. A midi, Quâ Dung Epstein, accompagné de sa famille et de son ami Tom Yager est venu nous apporter de la nourriture chinoise encore toute chaude. Docteur Epstein, professeur de philosophie à la faculté de San Francisco, appréciait beaucoup notre projet. Après le déjeuner, nous continuions à nous prosterner. Un chien errant, galeux, gambadait autour de moi en gémissant et en hurlant comme pour se plaindre.

En somme, il semblait que tout le monde cherchait à nous éviter. Peut-être pensaient-ils que nous étions en train de faire quelques tours de prestidigitation dans un but publicitaire. « Combien, parmi ces gens, ont compris la vraie valeur de ces prosternations ? », me demandais-je. En Asie, et particulièrement en Inde, en Chine, et dans les pays bouddhistes, la prosternation est une manière d'exprimer le respect, la salutation ainsi que la soumission à l'égard de quelqu'un. Autrefois en Chine, la prosternation ressemblait, en quelque sorte, à l'actuel « bonjour » en serrant la main aux Etats-Unis. Les employés se prosternaient devant les maîtres (les nobles), les maîtres se prosternaient devant les seigneurs, les seigneurs se prosternaient devant les Rois. Parfois, les Rois se prosternaient devant les moines déjà éveillés, leur sollicitaient de bons conseils, des mesures préventives pour gouverner leur pays. Et pour nous, la prosternation est une manière de méditer. C'est la meilleure façon de concentrer l'esprit, car elle ne demande aucune réflexion, aucune parole. Ce sont précisément ces mouvements exécutés lentement, légèrement, de façon itérative qui nous forgent tout en sachant bien qu'ils arrêtent toutes nos pensées illusoire, embrouillées dans notre esprit. Grâce à cela, notre essence naturelle qui, fondamentalement

dépassant la loi de « l'unique », surgira. Cette essence naturelle c'est le vide recouvrant tout, autrement dit, elle ne peut être née ni détruite. Le but de la pratique de la Voie d'un fidèle bouddhiste est de retrouver cette essence innée dans chacun d'entre nous. C'est pourquoi, la prosternation dans la Méditation est l'un des moyens qui nous permet d'atteindre cet état.

Aujourd'hui, d'un seul trait, nous traversions (toujours en nous prosternant) la ville de Sausalito sur une distance de cinq lieues, ensuite nous campions dans une région avoisinante de Tamalpais. Demain, nous grimperons sur une haute colline puis nous nous engagerons dans une petite rue tortueuse qui nous mènera au bord de la mer.

Le 18 octobre 1973. Hằng Do écrit :

La rue était étroite, tortueuse, parsemée de cailloux. Bhiksu Hằng-Cụ savait tout de suite que ces cailloux pointus et tranchants, blesseraient nos mains et nos genoux. Par précaution, nous déchirions nos vêtements et les bandions.

Quelques jours auparavant, le pantalon que je portais était encore en bon état, aujourd'hui, quelques endroits étaient usés, élimés et j'avais oublié d'en apporter un autre. Ce matin, en attendant mon ami bouddhiste, je me baissais pour exécuter une prosternation sur place quand mon pantalon craqua. Heureusement, j'avais ma soutane qui cachait l'endroit déchiré. Je décidais de le raccommoder plus tard, mais plus je me prosternais, plus mon pantalon se déchirait, à plusieurs autres endroits, de façon irrémédiable.

Depuis quelques jours, les gens étaient déjà surpris de voir deux moines bouddhiques pratiquer une

prosternation tous les trois pas, aujourd'hui, s'ils assistaient au spectacle d'un moine exécutant des prosternations dans un pantalon déchiré en lambeaux, ce serait au delà de leur imagination. Je serais peut-être arrêté par la police pour atteinte à la pudeur. Le vent frais de l'océan Pacifique s'infiltrait à travers les trous déchirés, m'apportait un froid glacial pénétrant jusqu'aux os. A l'arrivée du Bhiksu Hằng-Cụ, tout de suite, je lui fis part de ma situation désastreuse et de mon besoin urgent d'un pantalon, mais lui non plus, ne sut que faire. Nous n'avions pas de pantalon supplémentaire, ni d'argent pour en acheter un autre. Plusieurs passants jetèrent sur moi des regards extrêmement bizarres.

Je remis le sac de voyage sur mon dos et commençai à avancer ; au coin de la rue, j'aperçus un tas de tissus bruns gênant le passage.

Fou de joie, je courus le ramasser, c'était un pantalon, taille 34, c'était justement ma taille, ni trop grand ni trop petit, il m'allait à merveille, c'était incroyable ! Je sautai dans un buisson pour me changer. Je me demandai : quel Boddhisattva ou quelle personne a mis exprès ce

pantalon sur mon passage ? En tout cas, je le remerciai infiniment.

Aujourd'hui, nous traversions les limites de Tamalpais, à six cents lieues, puis campions sur la colline au milieu des Bằch Hương (arbres aux cents parfums). En vérité, nous n'avions pas de tente mais juste une bâche en nylon pour nous protéger de la pluie et du vent impitoyables.

(à suivre)

*Apprendre le Dharma du Bouddha
Demande une parfaite connaissance de ce
Dharma. Si vous ne le comprenez pas à
fond, vous n'auriez pas pu le pratiquer
d'une façon consciencieuse, et sans la
pratique consciencieuse, vous
n'obtiendriez jamais la sagesse.*

**Ủng hộ báo Phật Pháp dài hạn, góp phần vào việc truyền bá Phật pháp
Je fait un don pour la revue Bouddhadharma.**

- Họ và Tên / Nom et prénom :
- Địa Chỉ / Adresse :
- Điện Thoại / Téléphone :
- Cúng dường ủng hộ tùy hỷ :
- Votre don :

L'histoire du Bouddha

La suite

UN AMOUR EGAL POUR TOUS

Un jour Devadatta tomba malade. Plusieurs médecins sont venus le voir mais aucun ne pouvait le guérir. Alors, son cousin, le Bouddha allait lui rendre visite.

Un des compagnons du Bouddha lui demanda : "Oh Bouddha, pourquoi allez-vous secourir Devadatta ? Il a essayé plusieurs fois de vous blesser. Il a même essayé de vous tuer !"

Et le Bouddha répondit : "Il n'y a pas de raison de se comporter en ami avec certaines personnes et ennemi envers les autres. Tout être vivant est égal. Tout le monde a droit au bonheur et personne ne veut souffrir, ni vivre dans la pauvreté. Nous devrions aimer tout le monde pareillement."

Alors, il s'approcha du lit de Devadatta et dit : "S'il est vrai que j'aime Devadatta, qui essaie toujours de me faire du mal, autant que j'aime Rahula, mon unique enfant, alors, puisse mon cousin être guéri de sa maladie. !" Devadatta se rétablit immédiatement et retrouva sa pleine forme.

Bouddha se tourna vers ses disciples et dit : "Rappelez-vous, un vrai Bouddha doit porter secours à tous les êtres vivants sans exception."

LES DERNIERS JOURS

A quatre-vingt ans, Bouddha se disait : "J'ai fait tout ce qui est en mon pouvoir pour aider tout être vivant. Je leur ai appris comment vivre avec amour et comment affronter la vie avec beaucoup de courage. Maintenant, c'est le moment de leur montrer comment quitter ce monde sans peur."

Alors il appela le fidèle Ananda et lui dit : "Ananda, il est temps que nous retournions à Kapilavastu pour la dernière fois. Je veux mourir dans la ville où j'ai grandi."

Frappé de douleur, Ananda cria "Oh Bouddha !". "S'il vous plaît, ne nous laissez pas ! Pendant tant d'années vous avez été notre guide. Que ferions-nous sans vous ?" Ensuite il commença à sangloter amèrement.

Le Bouddha répondit : "Ne pleurez pas, cher Ananda. J'ai toujours enseigné que la mort fait une partie naturellement de la vie. Il n'y a rien à craindre. Vous devez comprendre cela. Et quand je serai parti, mon enseignement sera votre guide. Si vous l'avez compris dans votre cœur, vous n'avez plus besoin de moi. Venez, allons-nous en."

Et alors le Bouddha et ses disciples se dirigèrent vers le Nord. Pas très loin de Kapilavastu, ils traversèrent le village de Kushinagar. Le Bouddha proposa de s'arrêter là pour se reposer. Alors il se tourna vers Ananda et dit : "C'est ici que je mourrai."

Jusqu'à son dernier jour, le Bouddha ne cessait pas d'aider les autres. Un vieil homme du village demanda à voir Bouddha ce dernier accepta. Il écouta les problèmes du vieux et lui donna des conseils. L'homme se sentit à l'aise et de nouveau heureux.

Ensuite, le Bouddha sortit dans le jardin et se coucha entre deux arbres. Ses disciples se rassemblèrent autour de lui. Certains pleuraient, mais d'autres, l'esprit complètement en paix, regardaient silencieusement. (à suivre)



Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny-France
Tel./Fax : 01.48.50.98.66
tel. : 08.70.63.45.27
e-mail: kimquangtu@hotmail.com
www.chuakimquang.com



Con người sửa ác làm lành thì thế giới không còn tam tai bát nạn. Người hiền lành thân mến đối xử với nhau, không tranh không tham thì thế giới sẽ biến thành thế giới đại đồng.

Người học Phật tu đạo không nên tính toán nhiều quá. Ai đó chửi tôi, nhưng tôi là ai? Ai đó đánh tôi, nhưng tôi là ai? Tự hỏi xem, bạn sẽ chẳng tìm thấy một cái tôi nào đâu. Như vậy thì tại sao không buông bỏ nó chứ.

Khi bạn lạy đức Quan Âm, Niệm danh đức Quan Âm, bạn hãy phản tỉnh xem mình có tánh nóng giận không? Phải chăng thói hư tật xấu của mình chưa trừ? Nếu như vậy thì dù mình lạy tới kiếp vị lai, niệm danh hiệu đến hết kiếp thì cũng không sao gặp đức Quan Âm đâu.

Sống trên đời, bạn nên cẩn thận trong mỗi hành vi cử chỉ. Bạn hãy giữ quy củ. Một khi trông nhân sai lầm, (sai nhân quả), bạn sẽ hối hận vô cùng.

Không nên chấp làm rằng thân này thật là thân của ta. Bây giờ đã gặp Phật pháp, được thiện tri thức chỉ điểm cho pháp môn niệm Phật, mình phải dốc lòng hết dạ niệm Phật, tu hành để được giải thoát.

Si l'homme accomplissait le bien, tout en se réformant évitant le mal, le monde serait épargné de toute calamité. Les hommes sages et vertueux dans les relations humaines, devraient s'abstenir de rivalité, d'intéressement le monde vivrait dans une parfaite entente universelle.

Un pratiquant de la voie Bouddhiste ne devrait pas avoir l'esprit trop calculateur. Quiconque m'insulte, mais qui-suis-je ? Me frappe, mais qui suis-je ? Posez-vous cette question et vous verrez que, vous auriez beau chercher, vous ne trouverez jamais votre « moi ». S'il en est ainsi, pourquoi y attachez-vous tant d'importance ? Pourquoi ne le détachez-vous pas ?